

I THÁNG II NĂM 1971

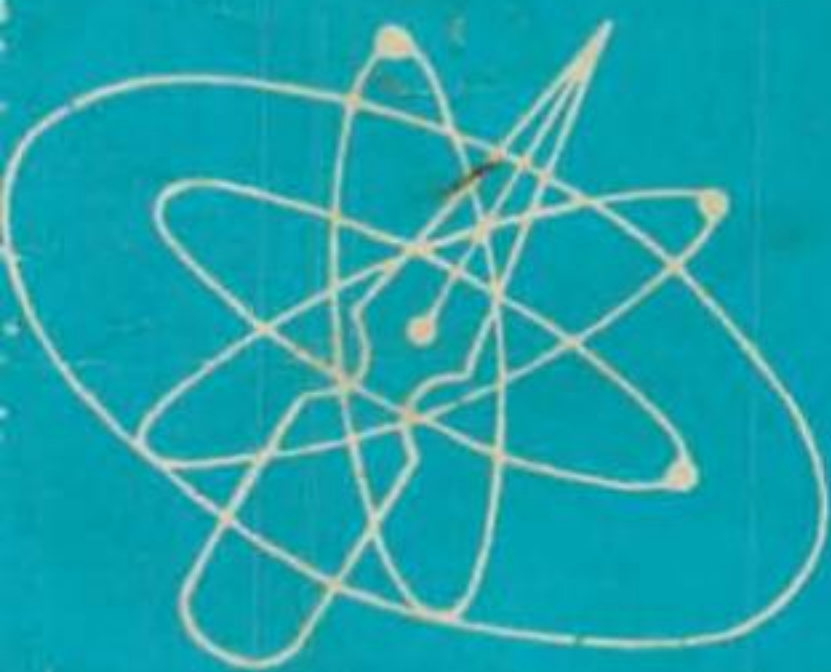
BACH KHOA

năm mười lăm

NGUYỄN THỊ NGOC THẨM *những bước tiến của phụ nữ trong cộng đồng nhân loại : người dân bà huyện thoại* * TỬ TRÍ *sự chuyển hướng của bang giao quốc tế* * TRẦN THÁI ĐÌNH *những điều kiện để phát huy văn hóa* * TRẦN VĂN KHA *đại-hội di-truyền-học quốc tế kỳ 4* * LÊ TOÀN LỢI *tích cực và phép luyện tinh của các nhà tu hành* * TRẦN QUANG HẢI *vai trò của âm-thanh-viên trong công cuộc nghiên cứu nhạc dân-tộc ở Việt-nam* * LINH BẢO *một chuyến Đông Du* * NGUYỄN MỘNG GIÁC *nhật ký Nguyễn văn Diên* * TRINH KHẢ NGUYỄN *bình an dưới thế* *

SINH HOẠT *thời sự thế giới* * *thời sự khoa học* * *thời sự văn nghệ*

356



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:

Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
	oOo			
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 356 ngày 1-11-1971

NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM <i>những bước tiến của phụ-nữ trong cộng-đồng nhân-loại : người đàn bà huyền thoại</i>	05
TỪ TRÍ <i>sự chuyển hướng của bang giao quốc-tế : từ dạng độ tới thương thuyết</i>	17
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>những điều kiện để phát huy văn hóa</i>	23
TRẦN VĂN KHA <i>đại-hội di-truyền-học quốc-tế kỳ IV</i>	33
LÊ TOÀN LỢI <i>tịch cốc và phép luyện tinh của các nhà tu hành</i>	39
TRẦN QUANG HẢI <i>vai trò của âm-thanh-viện trong công cuộc nghiên-cứu nhạc dân-tộc ở Việt-nam</i>	43
LINH BẢO <i>một chuyến Đông Du (bút ký)</i>	49
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>nhật ký Nguyễn-văn-Điền (truyện)</i>	65
TRỊNH KHẢ NGUYÊN <i>bình an dưới thế (truyện)</i>	73
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	77
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	80

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao-Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9-1971 :

Muốn hiểu rõ các **danh từ mới**,
như bồ xung, môi trường, mỹ hóa,
cốt cán, thiên địa chiến, du kích
chiến v.v...

*Các chánh khách, sinh viên, học sinh,
giáo sư, ký giả....*

tìm đọc :

NÓI CÓ SÁCH

do VŨ BẰNG biên soạn

Trong Tủ sách Nghiên cứu



NGUYỄN-ĐÌNH VƯƠNG

xuất bản

Người đàn bà huyền thoại

Nếu đúng như Lévis Strauss nói, «con người là huyền thoại» thì người đàn bà quả là một huyền-thoại đến hai lần. Một lần do Chúa và một lần do đàn ông. Xưa kia Eve đã được tạo nên từ chiếc xương sườn của Adam. Về sau này đàn ông lại phủ lên đầu đàn bà không biết bao nhiêu là huyền-thoại nữa.

Trong số huyền-thoại ấy, có những huyền-thoại đã ca ngợi, đề-cao, thần-thánh-hoá đàn bà. Nhưng ngược lại cũng có những huyền thoại đã nhận đàn bà xuống tận đáy bùn với đủ thứ hèn kém, ô uế, tội lỗi...

Những huyền thoại đen.

Chúng tôi xin mạn phép được gọi tắt cả những huyền-thoại làm hạ giá đàn bà là huyền-thoại đen. Bởi vì qua những huyền-thoại này, đàn bà là một vật hèn kém đủ điều: đàn bà yếu đuối, đàn bà ô uế, đàn bà tội lỗi, đàn bà độc ác, đàn bà nô lệ tùy thuộc đàn ông, đàn bà là chỗ chứa tất cả những gì xấu xa và kém cỏi ở đời này.

Trong Sáng-thể-ký có kể rằng Đức Chúa Trời đã lấy đất bụi để tạo ra người đàn ông và hà sinh khí vào lỗ mũi cho thành một vật sống. Sau đó Chúa tạo nên một cảnh vườn đầy cây ngon trái đẹp cho người đàn ông sinh sống ở đây. Để đàn ông khỏi cô đơn, Đức Chúa Trời lại bèn khiến cho người đàn ông

ngủ say để lấy một chiếc xương sườn tạo thành người đàn bà. Rồi Chúa dẫn người đó đến cho Adam. Vậy là người đàn bà, từ buổi được tạo dựng, đã là một vật phụ thuộc của đàn ông. Điều đó chúng ta có thể thấy trong một huyền thoại khác ở Kinh Brihad Aranyka Upanichad của Ấn-Độ. Đó là huyền thoại về người đàn ông đầu tiên vì cô đơn muốn có một người bạn đường nên đã tự xẻ mình ra làm hai: Người đàn bà đã được tạo nên do một nửa thân hình của đàn ông.

Chính vì quan niệm rằng người đàn bà đã được tạo nên từ chiếc xương sườn của đàn ông mà Thánh Paul bảo: «Đàn ông không phải được cấu tạo nên để phục vụ đàn bà nhưng trái lại chính đàn bà mới được cấu-tạo để phục vụ đàn ông (L'homme n'a pas été créé en vue de la femme, mais la femme en vue de l'homme). Thánh Ambroise chủ trương người đàn bà nên tôn trọng đàn ông như chủ của mình. Thánh Jean Chrysostome thì nặng lời rằng: «Trong tất cả các loài thú độc ác, chẳng loài nào tệ hại hơn đàn bà» (En toutes les bêtes sauvages, il ne s'en trouve pas de plus nuisante que la femme). Nhưng với lời buộc tội của Tertulien mới thật là độc địa: «Hỡi đàn bà, mi chính là cửa ngõ của quỷ dữ. Mi đã quyến rũ người đàn ông thay cho ác quỷ vì ác quỷ không dám đối diện với đàn

ông. Chính vì mi mà con của Chúa đã phải chết». (Femme, tu es la porte du diable. Tu as persuadé celui que le diable n'osait attaquer en face. C'est à cause de toi que le fils de Dieu a dû mourir).

Lời buộc tội của Tertulien thật bất công nhưng cũng thật là minh-bạch. Không còn chối cãi gì nữa. Chính Eve là đầu mối của sự sa ngã nguyên thủy. Eve đã xúi Adam ăn trái cấm. Eve đã làm cho Adam bị Đấng Chúa Trời đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Tại Eve mà con cháu của họ sau này phải sống khổ sở trăm chiều trên mảnh đất khô cằn gai góc.

Eve là gốc của tội lỗi. Mà Eve là đàn bà. Vậy chính đàn bà là căn do của mọi thứ tội. Từ nay thì người ta sẽ đổ trăm thứ tội lên đầu đàn bà,

Có điều ghê tởm và khinh miệt đàn bà hầu như xảy ra khắp nơi chứ không riêng gì những vùng đã chịu ảnh hưởng của Thiên-Chúa giáo. Người Do-thái tin rằng đàn bà là vật dơ dáy, chuyên cám dỗ đàn ông vào đường sa ngã trụy lạc. Người Hồi giáo coi đàn bà tồi tệ như súc vật và đáng sợ như quỷ dữ. Các đạo luật xưa kia trên thế giới cũng khinh thị đàn bà một cách đặc-biệt. Luật Manou cho rằng đàn bà là thứ thấp kém hơn bản, đáng được đối xử như hạng nô lệ. Luật Lévitique qui định đàn bà ngang hàng với các gia súc và thuộc quyền sinh sát của các tù trưởng. Luật pháp La-mã xem đàn bà là thứ ngu si đần độn, suốt đời phải đặt dưới quyền của người thủ hộ.

Luật Hammourabi của Ai-cập, luật

Assyrie của Babylone cũng khinh thị đàn bà một cách tồi tệ.

Còn các triết gia, những người được mệnh danh là khôn ngoan, cũng chẳng có một cái nhìn sáng suốt gì hơn về đàn bà. Theo Pythagore, trong vũ trụ có hai thành phần đầu tiên, «phần tốt đã tạo nên trật tự, ánh sáng và đàn ông còn phần xấu tạo nên sự hỗn mang, bóng tối và đàn bà» (il y a un principe bon qui a créé l'ordre, la lumière et l'homme; et un principe mauvais qui a créé le chaos, les ténèbres, la femme). Platon, Aristote, Kant, Schopenhauer, Saint Thomas, Nietzsche, Comte, Proudhon... ai cũng khinh miệt đàn bà. Với họ, đàn bà là hèn yếu, thô thiển, khiếm khuyết, tham lam, đa nghi, dễ thay lòng đổi dạ, chuyên quyến rũ đàn ông vào đường tội lỗi v.v.

Đó là những huyền thoại đã hạ giá đàn bà một cách rõ rệt. Chúng ta còn thấy có những huyền thoại thoát, nhìn tưởng là trắng (ca ngợi đàn bà) nhưng thực chất lại là những huyền thoại đen. Chẳng hạn huyền thoại «tiết hạnh», «tam tông», «tứ đức», «nội tướng», «phái yếu», «người đẹp» v.v.

Trước hết hãy xin đề cập đến chuyện đàn bà là phái yếu. Vì là hạng «liều yếu đào tơ» nên phải nương tựa, phục tùng phái mạnh, phải sống trong sự chỉ huy và che chở của đàn ông. Đàng khác vì là kẻ xú uế, tội lỗi, đàn bà không được dự phần vào các việc tế tự và xã hội.

Do ở chỗ yếu kém mà đàn bà sẽ được dành cho những công việc thích hợp như giặt giũ, nấu ăn, quét nhà, chăm con... Còn việc trị nước, an dân, đánh đông dẹp

bác thì cần phải có những bộ óc mưu lược và thông minh của đàn ông. Tuy nhiên muốn là người nội tướng tốt thì phải có tứ đức và tam tông. Tứ đức là *công* (khéo léo trong việc vá may thêu thùa, cơm nước bánh trái, tần tảo, buôn bán . . .), *dung* (xinh xắn, hòa nhã, khoan thai), *ngôn* (nói năng mềm mỏng, êm ái, ôn hòa), *hạnh* (nết na, hiền hậu, đứng đắn). Trong bốn đức ấy, đức nào xem ra cũng nhằm phục vụ chồng. Đàn ông cần có một người vợ quán xuyến, xinh xắn dễ thương và tuyệt đối chung thủy chưa đủ mà còn phải biết « tam tông » nữa (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con). Muốn được xã hội khen ngợi, trọng nể, đàn bà phải gắng sống gần với những mẫu người đã được đàn ông vạch ra. Bằng ngược lại sẽ bị trừng trị đích đáng. « Tam tông », « tứ đức » chính là những gông cùm cột chặt người đàn bà trong vòng trật-tự để đàn ông có thể chiếm-đoạt, hưởng thụ một cách trọn vẹn và an toàn.

Ngày nay thực tế cho thấy rằng đàn bà được ăn học cũng thông minh và uyên bác không kém gì đàn ông. Về thể chất thì những người như giáo sư Buytendijk, Anderson, Montaigne, Lawton . . . đã chứng minh cho thấy đàn bà chẳng những không yếu hơn đàn ông mà còn có thể khỏe hơn đàn ông nữa. Như vậy huyền thoại nói rằng đàn bà vốn yếu đuối chỉ thích hợp với các công việc nhẹ nhàng, tầm thường và chỉ đáng để làm đẹp mắt đàn ông quả thật là hạ giá đàn bà một cách quá đáng.

Những huyền thoại trắng.

Đây là những huyền thoại ca ngợi,

đề cao, làm đẹp đàn bà. Nếu ở những huyền thoại đen đàn bà thấp hèn, tội lỗi bao nhiêu thì ở đây đàn bà lại trong trắng, thanh-khiết, cao-thượng, dịu dàng, đức hạnh, mỹ-miệu bấy nhiêu.

Người ta gọi đất mẹ, quê mẹ tiếng mẹ để nói lên thứ tình-cảm đặc biệt đối với mảnh đất mà mình đã lớn lên và thứ tiếng mà hằng ngày mình đã thốt ra trên đầu môi, chót lưỡi. Mẹ là nguồn hiền-dịu, trong mát, an lành. Mẹ là nguồn sống, là sữa nuôi dưỡng, là vỗ về, an ủi. « Lòng mẹ lai láng như biển Thái-Bình dạt dào, » « Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra » . . . Mẹ hiền ấp ủ đàn con trong gia đình, đất mẹ nuôi dưỡng đàn con của dân tộc. Mẹ là nơi sinh ra và cũng là nơi con người sẽ trở về khi chết.

Thế là người đàn bà được đề cao qua hình ảnh người mẹ dịu dàng, bao dung và đầy lòng hy-sinh. Đàn bà còn được tôn thờ qua hình ảnh của những thần-tượng như Phật Bà Quan Âm, Đức Mẹ Maria . . . Phật Bà tiêu biểu cho sự nhẫn nại, hiền-dịu vô bờ trước những khổ đau oan trái của cuộc đời. Đức Mẹ thì đại diện cho sự trong trắng và thanh-khiết của phụ nữ.

Đàn bà lại là vẻ đẹp tuyệt diệu trên đời. Người ta nói « đẹp như tiên nữ ». « đẹp như bông như hoa ». Tiên nữ dĩ nhiên là đàn bà rồi. Còn hoa thì có « hoa biết nói ». Tây Thi, Hằng Nga, Vénus . . . là những bông hoa được nhắc nhở muôn đời.

Đến như thi ca, muốn tìm cho nguồn cảm hứng một hình ảnh tuyệt-hảo, người

ta cũng phải dùng đến hình-ảnh đàn bà. Nàng Thơ chính là nguồn cảm hứng của các thi-sĩ Đó là vị thần của thi-ca. Thế Lữ bảo:

*«Với nàng thơ tôi có đàn muôn điệu
Với nàng thơ tôi có bút muôn màu».*

Còn John Keats thì than thở:

«O Poetry! for thee I hold my pen»
(Ôi Nàng thơ! vì nàng mà ta cầm bút)

Mâu-thuẫn hay không mâu-thuẫn?

Qua những huyền-thoại vừa được đề-cập đến trên đây, chúng ta thấy có một sự xung đột mãnh liệt.

Một bên là tốt, một bên là xấu. Một bên là thanh-khiết hiền dịu, một bên là tội lỗi, hèn kém, hung ác. Sự xung đột đó chẳng khác nào như trắng với đen, như sáng với tối, như nước với lửa. Tại sao như thế?

Hẳn có người sẽ bảo: «Gì mà phải thắc mắc. Trong vũ-trụ này vật nào mà lại chả có chỗ tốt lẫn chỗ xấu. Đàn bà cũng vậy. Tốt và xấu là bản-chất tự-nhiên của người đàn bà».

Giải thích như thế thiên nhiên có lý lắm nhưng xem ra cũng rất lười linh. Đó là một lối giải thích mà chẳng giải quyết được gì. Nếu bảo rằng vật nào cũng có chỗ tốt chỗ xấu và người đàn bà cũng vậy thì có lẽ chúng ta nên đọc huyền-thoại sau đây còn thú vị hơn:

«Sau khi Twashtri (Chúa Trời) đã tạo người đàn ông rồi, Chúa Trời nghĩ rằng cần phải tạo thêm một người đàn bà cho người đàn ông đỡ buồn và cô quạnh,

Nhưng Chúa chợt nhận thấy trong khi tạo người đàn ông, Chúa đã dùng hết tất các vật liệu cấu tạo. Sau một hồi tham thiền tích cực, Chúa Trời mới nghĩ ra một biện-pháp.

Chúa bèn lấy vành tròn của mặt trăng, những vòng cong của các cây leo, lấy các thân hình yếu điệu của cây liễu, làn da mịn mơn của những cánh hoa, cái dáng nhẹ nhàng của con hươu rừng, lấy cái ánh nắng tươi vui cũng như lấy vẻ u uất của những đám mây mu, cái khắc khoải bất chợt của làn gió, lấy sự e lệ nhút nhát của con thỏ cũng như cái kiêu căng vô lối của con công, cái vị đượm của mật ong rừng cũng như tính tàn bạo của loài hổ báo, lấy cái lạnh lùng của băng tuyết cũng như cái cháy nóng của hỏa diệm sơn, lấy giọng ca nhẹ nhàng của con chim họa mi cũng như tiếng kêu quang quác của con chim khách, lấy cái trung thành của loài chó cũng như sự tráo trở lật lờng của con chó sói sa mạc, rồi trộn tất cả những thứ đó lại để tạo thành người đàn bà.» (1)

Đó là huyền thoại cắt nghĩa tính chất mâu thuẫn ở người đàn bà. Tuy nhiên dù cắt nghĩa theo huyền-thoại hay theo quan niệm lười linh như trên kia thì cũng đều bao hàm ý nghĩa rằng người đàn bà có một bản tính hằng cửu, bất biến. Trước khi sống người đàn bà đã mang sẵn một bản tính và sẽ giữ mãi bản tính đó trong suốt cuộc đời họ. Đàn bà là vật thụ-tạo từ tay Hóa-công

(1) *Marc Lanval Les Amours maudites* trích lại trong «*Luyện ái quan*» của Nghiêm xuân Hồng, Quan Điem xb, Sg. 1966, tr. 21.

nên muôn đời nó phải thế và vẫn thế không bao giờ thay đổi.

Nhưng thực tế chúng ta lại thấy ngược hẳn. Con người không phải sống trên mây mà là sống trong lòng cuộc đời. Nó bị cuộc đời nhào nặn và định hình cho. Và được định hình thế này hay thế khác là tùy ở môi-trường sống. Bởi vậy tìm hiểu người đàn bà không phải là gán cho nó một bản tính từ trước khi nó sinh ra mà trái lại phải tìm hiểu tại sao cuộc sống đã định-hình cho nó như thế.

Từ trước đến nay chúng ta vẫn gọi đàn bà là «phái đẹp» và tin rằng từ bản chất đã có một sự khác biệt giữa nam giới và nữ giới. Gần đây nhiều nhà xã-hội-học và tâm-lý-học đã nêu ra những bằng chứng cho thấy rằng đó chỉ là huyền-thoại. Môi-trường sống, sự giáo-dục cùng những định-kiến của thời đại mới chính là những yếu tố đã tạo nên sự khác biệt giữa nam nữ. Bà Margaret Mead một nhà nhân-chủng-học người Mỹ ghi nhận rằng ở quần đảo Mélanésie, có một bộ lạc trong đó đàn bà làm công việc cai trị, săn bắn, trồng trọt còn đàn ông chuyên việc cúng tế và chế tạo các đồ mỹ nghệ. Đàn bà thường áp-chế đàn ông còn đàn ông thì nhu nhược, dễ bảo, thích chưng diện, trang-điểm, làm dáng và múa hát.

Như vậy ở đây ai mới là «phái yếu», đàn ông hay đàn bà?

Để khỏi mắc phải thái độ duy-tâm về việc tìm hiểu đàn bà, ông Nguyễn-văn-Trung đề nghị phương pháp sau đây:

«Vậy phương pháp sẽ là mô tả những cách-thể xuất-hiện ở đời của đàn bà để tìm hiểu người đàn bà vì chúng ta

cho rằng những xuất hiện của một vật hiện hữu là chính vật hiện-hữu đó». (1)

Trong bài «*Người đàn bà*» ông đã tuân tự mô-tả khuôn mặt, đôi mắt đến bàn tay, toàn thân, tiếng nói... để có thể nhận diện người đàn bà cụ-thể và «*đích thực*». Nhưng buồn cười thay, trong khi cố gắng thoát khỏi người đàn bà huyền thoại của Duy tâm chủ - nghĩa thì ông lại rơi vào một huyền thoại khác. Bởi vì mẫu đàn bà mà ông đã mô-tả hay đang tìm cách mô tả chỉ là mẫu đàn bà của thời ông. Nó được định hình bởi thời đại ông. Qua một giai đoạn khác, một khung cảnh sống khác, người đàn bà lại sẽ đổi ra khác.

Cho nên mô tả chỉ giúp cho chúng ta thấy cái vỏ ngoài thoáng qua trên mặt sự vật. Với phương pháp mô tả của hiện-tượng-học, ông có thể trưng ra cho chúng ta thấy người đàn bà có những hình-thái và màu-sắc này nọ, nhưng không giúp cho chúng ta thấy được lý do tại sao người đàn bà đã xuất-hiện như thế? Mặt khác, cố gắng đi tìm bản chất đích thực của người đàn bà là một nỗ lực viển vông không bao giờ đạt đến được. Có chăng chúng ta chỉ có thể tìm ra những nguyên nhân đã định-hình người đàn bà theo một chiều hướng hay kiểu mẫu nào đó.

Trở lại với những huyền-thoại đầy tính-chất mâu-thuẫn về đàn bà chúng ta thấy gì? Thực ra những huyền-thoại thoát nhìn như đầy mâu-thuẫn ấy lại chẳng mâu-thuẫn tí nào. Nó chỉ là hai mặt của một sự việc, Đó là sự thống-

(1) Nguyễn văn Trung, «*Người đàn bà*», tạp chí Đại Học, số 9 tháng 5-1959 tr. 99.

trị của đàn ông đối với đàn bà.

Chúng ta biết rằng sau khi vượt qua giai-đoạn mẫu-hệ, con người càng ngày càng tiến đến cao độ của chế-độ phụ quyền. Để củng cố địa vị và quyền hạn của mình, đàn ông phải thu hẹp quyền của đàn bà lại. Để tỏ ra mình mạnh, phải cho thấy rằng đàn bà là yếu. Để tỏ ra mình là kẻ xứng đáng trong xã hội thì phải cho thấy rằng người đàn bà là kẻ bất xứng, tội lỗi, hèn kém. Trong hai người có mặt trên cuộc đời này, muốn đưa mình lên cao thì một cách dễ dàng nhất là phải hạ kẻ kia xuống. Có chứng tỏ được đàn bà là hạng kém cỏi, xấu xa, tội lỗi thì đàn ông mới có lý bất họ phục tùng mình.

Để đàn bà yên phận làm tên nô lệ trong nhà, đàn ông còn phải gạt đàn bà ra khỏi những sinh-hoạt xã-hội. Phải chứng tỏ rằng họ "chân yếu tay mềm", chỉ thích hợp với những công việc «nội trợ» và thiên-chức của họ là làm vợ và làm mẹ. Nhưng nhốt trong gia đình chưa đủ, còn cần phải cột chặt đàn bà trong những xiềng xích của thứ luân lý «tiết-liệt đoan-trình», «tam tòng tứ đức»... Có thể đàn ông mới yên tâm đối với tên nô lệ khả ái của mình. Chiếm đoạt được đã là chuyện khó, cần phải biết cách gìn giữ nữa mới được.

Bởi vậy đề cao tính hiền-thục, nhân-nại, thủ-phận, dâm-đang, tiết-liệt đoan-trình... của đàn bà không có nghĩa là đề cao đàn bà mà chỉ là cổ võ đàn bà hãy sống theo ý của đàn ông. Càng được đàn bà tán-thưởng và hưởng ứng bao nhiêu thì đàn ông càng được thụ lợi bấy nhiêu.

Do đó không phải chỉ có những huyền-thoại đen mới biểu lộ sự thống-trị của đàn ông mà ngay đối với những huyền-thoại trắng cũng hàm chứa sự thống-trị ấy.

Phật Bà Quan Âm, Đức Mẹ Maria nếu không kể đến sự nhiệm màu thì chỉ còn là những mẫu đàn bà trong sạch, bao dung, nhẫn-nhục trước sự hiếp đáp của đàn ông và của xã hội. Nền văn minh của đàn ông đã khuyến khích đàn bà rập mẫu các thần - tượng do họ dựng nên để có lợi cho chế độ phụ quyền. Sự thanh khiết như Đức Mẹ và các Thánh nữ, sự nhẫn nhục dịu dàng như Phật Bà cùng lòng trung thành, an phận, đoan trang... của các vị hiền thê, hiền mẫu đã được ca ngợi nồng nhiệt. Bởi vì những kiểu mẫu ấy sẽ tiếp tay dẫn đưa đàn bà vào đúng ý định chiếm đoạt của đàn ông.

Đàn ông lại ca ngợi vẻ đẹp của đàn bà. Nhưng ca ngợi sắc đẹp cũng là cách gián-tiếp khuyến khích đàn bà hãy làm đẹp thêm nữa cho đàn ông nhìn ngắm, chiêm ngưỡng, chiếm đoạt cho thỏa thích. Đàn bà càng say sưa trước sự ngợi khen của đàn ông thì lại càng biến nhanh thành một món đồ chơi cho đàn ông. Xem đó, ngợi khen để đàn bà tiến sâu vào trong dự tính của mình quả là một xảo-thuật thâm độc. Nhưng lắm lúc ca ngợi đàn bà để thủ lợi biết đâu đã biến thành chuyện tự nhiên đến đời chính nhiều người đàn ông cũng không còn ý thức thâm độc của hành-động mình?

Vậy thì hạ giá hay ca ngợi đàn bà, rút cục cũng chỉ là để chiếm đoạt, thống trị đàn bà. Qua mấy ngàn năm sống

trong chế độ phục quyền, người đàn bà đã mang nhiều huyền-thoại. Những huyền thoại ấy có đẹp, có xấu nhưng đều chứa đựng ở bên dưới một lý do, đều bị chi phối bởi một động lực, đó là *sự thống trị của đàn ông đối với đàn bà*.

Sở dĩ ngày nay chúng ta nhìn thấy được cái lý do ấy là vì cuộc cách-mạng của phụ-nữ đã tiến một bước khá xa. Đàn ông cũng đang nhích bước khỏi những quyền uy cũ để mang một

khôn mặt mới trong một tương-quan mới. Riêng về phần đàn bà, sau khi rời khỏi những huyền-thoại cũ rồi đây lại sẽ rơi vào những huyền thoại mới. Và suốt trong lịch-sử nhân-loại, muôn đời người đàn bà sẽ cũng chỉ là một huyền thoại như bao nhiêu huyền-thoại khác trong cái thế giới biến dịch và trôi chảy không ngừng này. . .

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

Phan Rang 18. IX 71

Kỳ tới: Trên đường giải-phóng.



Nhức đầu

Đông

Budon

TRI:

Nhức răng nhức môi đau
lưng đau nhức lúc có
Kính Kỳ



KN 66 1211 / BYT / QCDP

ĐÃ PHÁT HÀNH:

V

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẬU

- *tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ mồ côi trên đất nước lửa đạn và xã hội phá sản*
- *hi vọng của tuyệt vọng trong tình bạn, tình yêu, tình người...*

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất bản

Sự chuyển-hướng của bang-giao quốc-tế: **từ dụng độ tới thương thuyết**

T U T R Ì

CV

3 Ngay từ trước khi chiến-tranh thế-giới thứ hai bước vào giai-đoạn cuối cùng người ta đã thấy hai phe tư-bản và Cộng-sản chỉ cộng-tác với nhau để tiêu diệt Đức quốc-xã mà thôi. Khi hòa-bình trở lại, là hai phe cũng lại trở chính - sách thù nghịch. Ngay từ tháng 5-1945 khi Đức đầu hàng, lục-địa Âu-châu đã bị chia làm hai khối. Tại Á-châu, 3 tháng sau, người ta cũng có một tình-trạng tương tự khi Nhật quyết định hạ khí-giới.

Các năm 1948, 1949, 1950 đã là những năm quan trọng nhất trong bang giao Đông-Tây. Trong giai-đoạn này, thế giới đã sống gần kề một cuộc chiến-tranh nguyên-tử toàn diện. Đã nhiều lần người ta thấy cuộc chiến-tranh thế-giới suýt thật sự bùng nổ.

I. DỤNG ĐỘ ĐÔNG-TÂY TRONG THỜI HẬU-CHIẾN

Cuộc Đệ-nhị Thế-chiến vừa chấm dứt, Nga-sô đã vội vã từ bỏ chính-sách liên-minh với phe tư-bản để quay trở lại chính sách cổ-hữu của Cộng-sản là tìm cách lật đổ chủ-nghĩa tư-bản. Thật vậy, liên-minh với Anh-Mỹ bắt đầu từ năm 1941 khi Nga bị Đức tấn công chỉ là một chính-sách giai-đoạn nhằm ngăn chặn kẻ thù lợi hại nhất. Khi kẻ thù này đã bị tiêu diệt thì Nga-sô không còn lý-do gì để tiếp tục sống chung với phe tư bản nữa. Trước khi cộng tác với

Thế giới đã được chia thành hai khối rõ rệt và các cuộc dụng độ dưới chính sách địa-phương giữa hai bên luôn luôn xảy ra.

Nhưng bắt đầu từ thập-niên 1960, cả hai khối đều bước vào một giai-đoạn mới của bang-giao quốc-tế. Thay vì trực-tiếp đương đầu bằng bạo-lực, cả Nga và Mỹ đều tìm cách thương-thuyết để giải-quyết mọi cuộc tranh-chấp trên thế-giới. Với thập-niên 1970 người ta thấy rằng thương-thuyết đã trở thành một phương-tiện chính mà cả hai siêu-cường đều cố gắng sử-dụng để dung-hòa các quan-điểm trái ngược. Trong chiều-hướng mới của chính-trị quốc-tế các quốc-gia có tư-trưởng cực-đoan cũng đã bắt đầu tìm cách điều chỉnh chính-sách của mình.

phe tư-bản, Nga cũng đã bắt tay với cả Đức quốc-xã bằng hiệp ước Mạc-tư-khoa bất tương xâm giữa Molotov và Ribbentrop. Hiệp-ước này đã cho phép Nga được rảnh tay thêm 2 năm trời để sửa soạn phòng-thủ. Và Nga cũng không ngăn ngại dựa và hiệp-ước này để tấn công Ba-lan vào chia đất nước này với Đức ngay trong mùa Đông 1939.

Năm 1941, Hitler đã làm một điều sai lầm là tấn công Nga trong

khi Nga tiếp tục áp dụng hiệp-ước Mạc-tư-khoa, cung cấp nguyên-liệu để yểm trợ nỗ-lực quân-sự của Đức. Khi bị xâm lăng, Staline đã vội vàng cầu viện Mỹ và Anh. Nhưng ngay từ khi cuộc Đệ-nhi Thế chiến còn đang tiếp diễn người ta đã thấy Staline không thật sự cộng-tác với phe Tây-phương. Staline luôn luôn sợ rằng phe Tây phương lợi dụng chiến thắng sắp tới để đặt các quốc-gia lân cận Nga vào vòng ảnh-hưởng của họ. Vì vậy Nga-sô cương quyết bác bỏ mọi cuộc tấn-công của đồng-minh vào vùng Balkans mà chỉ chấp thuận tấn-công vào Ý và Tây-Bắc nước Pháp.

Tại các hội-nghị giữa ba cường quốc đồng-minh ở Yalta và Postdam người ta thấy Staline luôn luôn nhắm vùng Đông-Âu để lập một đế-quốc. Và vậy mà Hồng quân Nga-sô đã cố gắng dứt giai-đoạn khi họ tiến về phía Tây để chiếm được càng nhiều đất càng hay.

Khi Đức quốc-xã đầu hàng vào tháng 5-1945 Nga-sô đã nghiêm nhiên chiếm nửa Âu-Châu.

Á châu cũng không bị Staline bỏ quên. Cho đến tận tháng 8-1965 Staline nhất quyết từ chối không chịu thi hành nghĩa vụ đồng-minh bằng cách tấn công Nhật. Nhưng khi Mỹ thả quả bom nguyên-tử đầu tiên xuống Hiroshima thì Nga vội vã gửi Hồng-quân ào ạt sang chiếm Mãn-Châu vì sợ mất phần. Tại Mãn-Châu quân đội Nga hành động như những

kẻ tiếm địa. Họ bắt kẻ sự hiện-diện của lực lượng Cộng-sản Trung-hoa đang chiếm giữ vùng này và được lệnh tháo gỡ các máy móc dụng-cụ kỹ-nghệ để làm chiến lợi-phẩm. Đồng thời Nga cũng ra sức yểm trợ phong-trào giải-thực để nhằm lấy cảm tình của các quốc-gia mới độc-lập.

Từ năm 1945 tới năm 1948, tại các quốc-gia Trung và Đông-Au nhiều cuộc đảo chánh của Cộng-sản đã liên tiếp xảy ra và các quốc-gia Hung-gia-lợi, Bào-gia-lợi, Albanie, Tiệp-khắc... lần lượt rơi vào vòng ảnh-hưởng của Cộng-sản. Năm 1948 hai quốc-gia Tây-Âu là Pháp và Ý cũng bị phe Cộng-sản đe dọa cướp chính-quyền. Tổng-thống Mỹ Harry Truman đã phải tung ra kế-hoạch Marshall để tái thiết Âu-châu và đồng thời thành lập Liên-minh Bắc-Đại-Tây-dương, một hệ thống Liên-minh vĩ đại chưa từng thấy trong lịch sử thế-giới vào thời bình.

Phe Cộng-sản cũng phản-ứng lại bằng cách thành lập một Liên-minh Varsovie qui tụ tất cả các nước cộng sản Âu-châu dưới quyền chỉ-huy của Nga-sô. Một thế quân-bình võ trang được tạo nên tại Âu-châu giữa hai khối Liên-minh hùng hậu và tình-hình Âu-châu tạm thời được ổn cố. Nhưng phe Cộng-sản vừa bị chặn đứng ở Âu-châu thì ngay lập tức chiến tranh nóng đã lại bùng nổ tại Á-châu. Quân đội Bắc-Cao ào ạt tấn công Nam-Cao và Hoa-kỳ lại bắt buộc phải nhảy vào vòng chiến.

Ngoài sự bành trướng của Cộng sản ở Cao-ly người ta còn thấy cộng-sản đánh chiếm Hoa-lục vào năm 1949, và một phần nửa Việt-nam cũng rơi vào vòng ảnh-hưởng của Cộng sản vào năm 1954.

Chiến tranh Triều-tiên được giải-quyết vào năm 1953 và chiến tranh Việt-nam chấm dứt vào năm 1954. Và từ đó thỉnh thoảng người ta thấy những cuộc đụng độ lẻ tẻ vẫn xảy ra. Năm 1956, khi liên-quân Anh, Pháp, Do-thái tiến vào Ai-cập, Krouchtchev đã dọa thả bom nguyên-tử xuống Paris và Luân-đôn. Khiến cả Thủ-tướng Anh, Anthony Eden, và Thủ-tướng Pháp, Guy Mollet, đều phải quyết định ngưng chiến. Sau cuộc chiến tranh này, ảnh hưởng của Âu-châu ở Trung-Đông bị loại bỏ để Nga và Hoa-kỳ mặc sức thay

thế tung hoành ở vùng này.

Cuộc đụng độ quan trọng cuối cùng giữa hai phe là vụ hỏa tiễn ở Cuba năm 1962. Trong vụ này Nga-sô toan tính dùng Cuba làm bàn đạp để xâm nhập vào Mỹ-châu. Hoa-Kỳ không thể nào chấp nhận sự hiện diện của các dàn hỏa-tiên Nga ngay trước ngưỡng cửa của mình nên Tổng-thống Kennedy đã nhất quyết ăn thua đủ với Nga bằng vũ khí nguyên-tử. Trước thái-độ quyết-liệt của vị Tổng-thống Hoa-kỳ trẻ tuổi này, Krouchtchev đã phải nhượng bộ và rút hỏa-tiên về. Vụ hỏa-tiên Cuba là cuộc đụng độ cuối cùng giữa hai phe và đồng thời cũng là cuộc thương-thuyết quan trọng đầu tiên để đưa tới một giải-pháp hòa-hoãn.

II.— ĐÀM THOẠI THAY THẾ CHIẾN-TRANH LẠNH

Thật ra thì các cuộc đàm thoại hòa hoãn giữa hai bên bắt đầu mở màn từ năm 1956 khi từ khán đài Đại-hội Công-đảng Nga kỳ thứ 20, Thủ-tướng Nga-sô Nikita Krouchtchev lớn tiếng chủ trương sống chung hòa bình.

Sống chung hòa bình là một nhu cầu sâu xa của nhân dân Nga đã quá chán nản sau 40 năm thất lưng buộc bụng để xây dựng Cách-mạng. Kouchtchev không muốn tiếp tục hy-sinh ngành kỹ-nghệ tiêu-thụ để thiết-lập kỹ-nghệ nặng nũa. Ông cũng không muốn sản-xuất bom đạn, thi đua võ trang trên mồ hôi

nước mắt người dân Nga. Vì vậy mà thương-thuyết đã dần dần trở thành một phương-thức chính của đường lối ngoại-giao Nga.

Trong thập-niên 1960 chính-sách thương-thuyết càng ngày càng được cả phe tư-bản lẫn phe Cộng-sản áp-dụng. Ngay từ năm 1959, Krouchtchev đã làm một việc không tiền khoáng-hậu trong lịch-sử Nga là sang viếng thăm Hoa-kỳ. Chính trong cuộc viếng thăm này mà người ta đã nói «tới tinh-thần Camp David» nơi gặp gỡ giữa Thủ-tướng Nga Krouchtchev và Tổng-thống Mỹ Eisenhower.

Đề tôn - trọng "tinh - thần Camp David" Nga-sô đã dám đơn phương hủy-bỏ những thỏa-ước cung-cấp vũ khí nguyên-tử cho Trung-Cộng. Và đó cũng là một nguyên-nhân của cuộc tranh-chấp ý-thức-hệ Nga-Hoa làm rạn nứt sự thống-nhất khối Cộng-sản.

Vì thái độ hòa hoãn này mà Nga-sô không còn là một mối đe dọa cho nền độc-lập của các quốc-gia Tây-Âu nữa và các nước này cũng không cần đến sự bảo-trợ của Mỹ nữa. Phong-trào đòi quyền độc-lập chính trị và quân-sự cho Âu-châu đã đợc cố Tổng-thống Pháp De Gaulle phát động vào năm 1965 khi ông quyết định rút quân đội Pháp ra khỏi Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương. Sự rạn nứt của các khối đã làm cho cả Nga lẫn Mỹ đều thiếu hậu thuẫn cần thiết để đương đầu với nhau.

Tuy ngoài mặt vẫn còn đả kích nhau nặng nề, tuy cả hai bên còn tiếp tục đe dọa lẫn nhau, tuy nhiều cuộc chiến tranh địa phương còn tiếp diễn nhưng từ 9 năm qua cả Hoa-kỳ lẫn Nga-sô đều cố gắng đối-thoại để kiếm giải-pháp ôn-thỏa cho các cuộc tranh chấp gay gắt nhất.

Sau cuộc đụng độ này lửa về vấn đề hòa tiến ở Cuba, cả Hoa kỳ và Nga sô đều tỏ ra hết sức mềm mỏng. Tuy Nga phải ôm hận rút hòa tiến khỏi Cuba, nhưng Mỹ đã khéo léo không khai thác thắng lợi này để cho Nga khỏi mất mặt. Cuộc đối thoại thường xuyên giữa hai bên được thể hiện bằng đường dây "điện thoại đỏ" nối liền Tòa Bạch-Ốc với điện cầm-linh. Trong những trường hợp khủng hoảng quốc-tế trầm trọng, cả hai bên đều không ngần ngại dùng đường dây điện thoại trực tiếp này. Thật vậy, tháng 6-1967 khi cuộc chiến tranh Trung Đông thứ 34

bùng nổ Hoa-kỳ đã tỏ thiện-chí bằng cách dùng "điện thoại đỏ" để trao cho Nga-sô những tin-tức tối mật về Trung Đông mà cơ-quan điệp-vụ Mỹ đã thu lượm được.

Vì cuộc thi đua vũ trang nguyên-tử là mầm đe dọa chính cho nền hòa-bình thế-giới nên cả Nga và Mỹ đã tìm cách giới hạn sự chế-tạo và sự phổ-biến của loại vũ khí này. Năm 1963 Anh, Nga và Mỹ đã ký hiệp-ước cấm thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử trên không và trên mặt biển. Năm 1967 cả Nga và Mỹ đều thỏa thuận phi-quân-sự-hóa không gian. Năm 1968 thỏa-hiệp cấm phổ-biến vũ-khí nguyên-tử được ký kết. Và từ hai năm qua Nga và Mỹ đang thương-thuyết đề tài giảm các vũ-khí chiến thuật (SALT) lần lượt tại Helsinki, thủ đô Phần-lan và tại Vienne, Thủ đô Áo. Tuy chưa có kết quả nhưng các cuộc hội-đàm này đã tiến bộ rất nhiều trong những tháng vừa qua.

Năm 1970 Nga và Mỹ đã làm áp lực với các quốc-gia Ả-rập và Do-thái để thực hiện được một cuộc hưu chiến 100 ngày luôn luôn được tái tục cho đến tháng 4-1971. Tại Paris, Hoa-kỳ vẫn kiên nhẫn ngồi nghe các luận-điệu của phe Cộng sản Việt nam từ 4 năm qua.

Năm 1971 là một ngõ quặt của lịch sử bang giao thế-giới. Sau 22 năm tẩy chay Trung Cộng, Hoa-kỳ bỗng đột ngột thay đổi thái độ. Ông Kissinger trong vòng 3 tháng, đã tới Bắc-kinh hai lần và Tổng thống

Nixon cũng đang chuẩn-bị sang thăm viếng chính thức Trung Cộng.

Đồng thời Hoa-kỳ cũng bắt đầu cử trưng đề cho Trung Cộng gia nhập Liên-hiệp-Quốc. Theo sau Hoa kỳ người ta thấy một số lớn các quốc - gia Âu-Châu và Á-Châu đã tìm cách chuyển hướng vào con đường thương thuyết với phe Cộng-sản. Tây Đức đã ký với Nga một hiệp - ước tương-trợ vào tháng 8-1970. Ngay sau đó một hiệp-ước tương tự giữa Đức và Ba-lan cũng ra đời. Thủ-tướng Tây-Đức Willy Brandt đã 2 lần gặp Thủ tướng Đông-Đức Willy Stoph để bàn chuyện bình-thường-hóa bang giao.

Tại Á - Châu Nhật đang tìm cách thiết lập bang giao với Trung-Cộng. Ngay cả Đại-Hàn mà cũng còn bắt đầu nói tới việc thương thuyết với hai kẻ thù bất cộng đái thiên là Trung Cộng và Bắc Cao. Đâu đâu người ta cũng tính chuyện thương thuyết để giải quyết mọi tranh chấp quốc-tế nên

ta có quyền hy vọng rằng bạo lực đang lu mờ dần trên trường quốc tế và không còn là một phương tiện thực hiện các mục tiêu quốc gia nữa.

oOo

Nếu thập niên 1950 đã đánh dấu mức độ cao nhất của đụng độ Đông-Tây thì thập niên 1970 sẽ có thể đánh dấu đời sống chính-trị thế-giới bằng sự sống chung hòa bình. Một phần-tư thế kỷ sau khi chiến tranh chấm dứt khối Tư bản đã củng cố được lực-lượng của mình và khối Cộng-sản chia rẽ trong nội bộ không còn là một đe dọa trầm trọng nữa. Thế-giới ngày nay cho ta một bộ mặt sáng sủa hơn và hòa hoãn hơn. Tuy nhiên khi nào mà các cuộc chiến tranh địa phương như ở Trung-Đông Việt- Nam và Đông-Hồi còn tiếp diễn thì các nỗ lực hòa bình của các đại cường vẫn còn ít hy vọng mang lại cho thế giới được những kết quả mong muốn.

TỪ TRỊ

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB: TÂN-TRỊ

KN 226.BYT

Sách mới phát hành :

- NHỮNG CẢNH ĐIỀU
của Linh Bảo
- KHÚC CA ÁI TÌNH CHIẾN THẮNG
(tuyển truyện quốc tế)
Vi Huyền Đắc, Chương Ngọc dịch
- BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG-THÁP-MƯỜI
của Nguyễn Hiến Lê
- VIỆT KIỀU Ở KAMPUCHEA
của Lê Hương

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành
21, Nguyễn Thiện Thuật Sài Gòn — Đ.T. 92.017

Siêu đẳng thượng hảo hạng

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

Ngon nhất về loại thuốc đen

Những điều kiện để phát huy văn hóa

(tiếp theo BK 355)

2. Những điều kiện tinh thần : hiếu học, phá chấp.

Đức Khổng dạy «*Nhật nhật tân, hựu nhật tân*». Nhưng đồ đệ của ngài sau này, dựa vào cái uy thế của ngài, coi ngài như tột đỉnh của mọi sự, nhân đó mà, như Nietzsche viết : «*Mỗi vị hiền tài là một một tận cùng*». Không phải các ngài tự cho mình là chỗ tận cùng, chỗ không thể vượt qua nữa, nhưng chính bọn môn đồ sau này đã thần-thánh-hóa các ngài, coi các ngài là một tận cùng, là cái đích mà ta không thể tiến xa hơn nữa. Tinh thần tự mãn đã làm cho Trung-quốc triển miên trong giấc mơ tiên ; tới lúc bừng tỉnh dậy, thì đã quá muộn, Trung-quốc không còn là Trung-quốc, nhưng chỉ là những mảnh mồi ngon bị Tây-phương xâu xé. Chúng ta mất nước cũng phần lớn do óc tự mãn của bọn Tống nho.

Óc tự mãn này vẫn chưa chết, chưa tuyệt nọc. Nó còn được nuôi dưỡng bởi một số người vô tình hay hữu ý đang đề cao Đông-phương một cách có hại cho tiền đồ nước nhà. Xin miễn bàn về những hoạt động «văn hóa» của nhóm «Lạc» do Phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hóa bảo-trợ (thực là lạc !). Nhưng thiếu gì những sách có luận-điều như : ngày nay Tây-phương mới

khám phá ra thuyết khoa-học nguyên-tử, chứ các vị thánh hiền Đông-phương chúng ta đã nói đến từ khuya rồi. , văn minh Tây-phương là thứ văn-minh duy-vật, nhất định làm bại hoại mọi giá trị tinh thần..., Tây-phương đang sa lầy vào một cơn khủng hoảng tinh thần trầm trọng, chỉ có tư tưởng Đông-phương mới có thể cứu vãn họ, cho nên các Đại-học Tây-phương đang xô nhau đi học triết Đông, vân vân và vân vân.

Các em học sinh, các thanh thiếu niên chưa có căn-bản khoa-học sẽ dễ dàng nghe theo bọn phù thủy kia. Đúng rồi, khoa Vật-lý nguyên-tử nói đến âm đến dương, thì triết Trung-hoa cũng nói âm-dương từ thời trước Đức Khổng rồi. Khoa Vật-lý-học nguyên-tử nói vạn vật được cấu tạo bằng các đơn-tổ, thì triết Trung-hoa cũng đã nói vạn-vật đều do hai nguyên-tổ, âm và dương cấu tạo, và triết Ấn-độ cũng đã nói đến những nguyên-tổ, nguyên-tử. Tây-phương chỉ mò lại cái mà Đông-phương ta đã phát minh trước và đã bỏ quên mất !

Nói cho công bình, giọng điệu của mấy ông phù thủy văn-học thường có vẻ úp mở hơn, không quá lộ liễu như chúng tôi trình bày trên đây. Nhưng tựu trung chủ-trương của họ

là như thế. Tôi nghĩ một là họ quá ngây thơ, lằm cằm, hai là họ mắc vào một thứ nguy-tín tai hại.

Hoặc là họ ngây thơ, lằm cằm. Thấy nói cực âm và cực dương của điện thường, cũng như nghe tới «hạt điện âm» (neutron) và «hạt điện dương» (positon) của điện-tử, họ đã vội vàng nghĩ rằng khoa Vật-lý nguyên-tử không mang lại cái gì mới đối với những gì mà triết Đông-phương đã nói về hai nguyên-lý âm và dương. Nếu Tây-phương cũng ngớ ngẩn như mấy ông phù thủy Đông-phương, chắc họ sẽ tuyên xưng *Leucippe* và *Démocrite* (thế kỷ V trước Tây-lịch, đồng thời với Socrate) là cha đẻ khoa Vật-lý nguyên-tử. Thuyết nguyên-tử của *Démocrite* còn gần với khoa Vật-lý nguyên-tử gần ngàn lần thuyết âm dương và thuyết vạn pháp của triết Đông. Vậy mà người Tây-phương, và nói chung là tất cả những ai có học-thức thực sự, bất luận người Tây hay người ta, đều thấy rõ giữa thuyết nguyên-tử *Démocrite* và khoa-học nguyên-tử ngày nay có một vực thẳm vô hạn, một khoảng cách tuyệt đối; một bên là «triết-lý về Vật-lý», một bên là «khoa Vật-lý học». Đừng nói *Démocrite*, hãy nói ngay cả *Aristote* sau đó, và ngay cả *Descartes* sau này (thế kỷ 17), Tây-phương vẫn chưa có khoa học: cuốn «Vật-lý-học» của *Aristote*, cũng như khoa Vật-lý-học của *Descartes* chỉ là những suy-niệm suông về «bản-tính» vạn vật, tức cái lý của sự vật. Họ quan-niệm rằng

Trời sinh ra vạn vật, phú cho mỗi vật một «bản tính»: bản tính này, triết Tây-phương từ *Aristote* cho tới *Descartes* gọi là «yếu-tính vĩnh-cửu và bất-biến» của mỗi sự vật. Và sách Trung-Dụng của Đông-phương có một định-nghĩa in hệt về bản tính, tức vật-lý: «*Thiên mạng chi vị tính*»: bản tính vạn vật, chính là cái Trời phú cho chúng, tức ý Trời ở nơi chúng. Thành thử về phương-diện khoa-học, Tây-phương mới bỏ rơi Đông-phương từ Galilée và nhất là từ *Newton* thôi: từ *Newton*, mới có khoa-học thực-nghiệm, còn trước đó chỉ có những suy luận «triết lý» về vạn vật.

Cho nên nói Đông-phương chúng ta có khoa-học thực-nghiệm, có cả khoa Vật-lý nguyên-tử từ lâu, là nói láo, nói nát trẻ con, bịp người ngu ngốc. Tai hại của câu nói không lớn bằng tai hại của thái-độ: khi nói như thế, mấy ông phù thủy văn-học gieo óc tự mãn vào đám thanh thiếu niên ngây thơ, giết chết óc hiếu học. Thánh hiền dạy: «Hiếu học bất xỉ hạ văn», cho nên không biết phải nói là không biết và chịu khó đi học với người. Đừng tự kiêu đến mù quáng, phủ nhận sự thực sờ sờ.

Còn như nói văn-minh Tây-phương sa đọa, duy vật... Chưa chắc. Nói cho ngay con dao sắc thì tốt hơn con dao cùn, mặc dầu dao sắc đứt tay. Nhưng đứt tay đâu có phải tại dao sắc? Chỉ tại người không biết xử dụng dao. Mấy ông phù-thủy văn-hóa có vẻ như khuyên dân ta đừng

nên có con dao sắc. Những người có lương tri, phán đoán ngay thẳng, đều nhận rằng: khoa-học và kỹ-thuật Tây-phương đã cho phép con người chế ngự thiên-nhiên, biến - chế vạn - vật, tạo nên một nền văn-minh sáng sủa hơn trước nhiều. Tất nhiên mỗi huy-chương đều có mặt trái của nó: văn-minh khoa-học và kỹ-thuật vẫn chưa làm cho con người nhân đạo hơn, đạo đức hơn, nhưng đó là phần việc của các khoa-học nhân-văn, như tâm-lý-học, xã-hội-học, sử-học, chính-trị-học, triết học: các khoa này mới chỉ tiến mạnh từ non thế kỷ thôi, *chưa kịp đà tiến* của khoa-học thực-nghiệm và kỹ-thuật, nhưng chúng ta có thể tin rằng sinh-hoạt cá-nhân cũng như xã-hội của con người đang được cải thiện.

Tóm lại, điều kiện thứ hai để phát huy văn-hóa là phải phá-chấp và phải có óc cầu tiến, hiếu học. Điều này đúng cho hết mọi dân-tộc, và có lẽ đúng cho các dân tộc Đông-phương hơn. Chẳng hạn Việt-nam ta, ít hay nhiều, chúng ta vẫn bị nhiễm cái «triết lý quân tử Tàu», đó là cái triết-lý thể hiện nơi câu «Vạn sự bất như nhàn». Tâm-lý-học cho thấy con nít sống với hiện tại, thanh thiếu niên sống với tương lai, và người già sống với dĩ vãng. Người già thích an nhàn, đề cao những cái thời xưa, tôn thờ truyền thống: họ nghĩ họ nhân đức, những tâm lý lại vạch trần chỗ ích kỷ nham hiểm của họ. Họ đề cao truyền thống, vì (một cách thường là vô thức) truyền thống là họ, cho nên khi tôn thờ truyền thống và chống lại canh tân, họ bắt lớp người sau phải giữ nguyên khung

cảnh xã-hội của họ, trong đó họ cảm thấy dễ chịu và còn được tôn trọng nữa. Cho nên không phải luôn, nhưng thường truyền thống chống lại cải cách, chống lại tiến bộ. Phải phá chấp mới có cơ cho văn hóa tiến thêm.

Hơn 15 năm rồi, từ khi học triết Ấn-độ và đọc câu sau đây của Masson-Oursel, tôi không thể quên và càng ngày càng thấm thía. Ông là một trong những bậc tôn sư ngành triết Đông-phương ở Paris. Khi nhận xét về tinh thần dân tộc Ấn về mặt tư tưởng, văn học, ông viết: «Không gì sai lầm hơn là quan niệm triết Ấn-độ theo hình ảnh triết Tây phương, nghĩa là một chuỗi những hệ thống tư tưởng kế tiếp nhau bởi vì chúng hốt lẫn nhau: sự sùng bái đối với một chân lý có đặc tính cổ truyền, sự nghi kỵ đối với những gì có vương vãi tính chất cá nhân, sự gớm ghét đối với những biến đổi, đó là những cái chống lại chan chát với sự chúng ta nghi kỵ quyền bính, niềm tin của chúng ta đối với sức mạnh của những trực giác cá nhân, và sự chúng ta bị ám ảnh bởi tiến hóa: sự ám ảnh về tiến hóa này làm chúng ta chấp nhận rằng, theo nguyên tắc, trong tất cả mọi lãnh vực đều có một sự biến cải không ngừng của các sự kiện, hay một sự biến thể dần dần của các ý tưởng.» (P. MASSON OURSEL, *Esquisse d'une histoire de la philosophie indienne*, P. Geuthner, Paris 1923, p. 9). Đông-phương tôn sùng những chân lý cổ truyền vì tin vào trật tự và quyền bính, Tây phương nghi kỵ quyền bính và chỉ tin vào

những chân lý được minh chứng do những bộ óc cá nhân minh mẫn: nhân đó triết Đông gần như vẫn có một dòng duy nhất, một truyền thống từ xưa tới nay, trái lại triết Tây phương là một chuỗi những hệ-thống kế tiếp nhau, đối nghịch nhau, hệ thống tư tưởng sau «chôn sống» hệ thống đi trước để rồi lại bị cái đến sau phê bình tan nát. Đông phương tin vào sức sáng tạo của đoàn thể, của dân tộc, của truyền thống, còn Tây phương không những cho phép mà còn đề cao những sáng kiến cá nhân, mặc dầu những sáng kiến này đôi khi phạm đến những tin tưởng linh thiêng nhất của đoàn thể (thí dụ Socrate chống lại những chuyện hoang đường về thần linh, Galilée quyết trái đất xoay quanh mặt trời, như thế là trái với niềm tin của Giáo-hội và các nhà khoa học thời đó, v.v.). Nhưng điểm khác biệt nhất giữa Đông và Tây là: Đông thì ưa an nhàn, sợ biến đổi, sợ phiêu lưu, còn Tây phương thì say mê đến độ bị ám ảnh vì *tiến-hóa* và họ tin rằng vạn vật không ngừng tiến hóa, cho nên tư tưởng con người cũng cần không ngừng tiến bộ.

Đông-phương không thua Tây-phương về óc thông minh. Riêng sinh viên VN du học Âu Mỹ đều tỏ ra thông minh, và thường khi còn xuất sắc hơn cả sinh viên Âu Mỹ. Nhưng khi đã «thành tài», đã đỗ đạt, người trí thức VN thường khác những bạn bè Âu Mỹ của họ ở chỗ ưa tìm chỗ «đẽ lim ỉm», không nghiên cứu thêm nữa, trong khi các bạn Âu Mỹ của

họ coi cái học Đại-học chỉ là cái vốn để kinh doanh, cái tri thức căn bản đủ cho phép đi sâu vào những khám phá mới.

Vậy cái thiếu của ta, cái ta chưa bằng người, có lẽ chính là cái óc cầu tiến, tinh thần tiến bộ. Có tiến bộ về văn hóa, mới có tiến bộ về kỹ thuật, về kinh tế và xã hội. Mà văn hóa đâu có phải mấy câu danh ngôn, vài cuốn sách xưa? Văn hóa đâu có đồng nghĩa với bảo tàng, quý vì cỗi? Văn hóa là sản phẩm tinh túy nhất của những bộ óc thông minh nhất, tượng trưng cho *mỗi thời đại*, và những sản phẩm này mang tên là tri thức, là khoa học, tức những tri thức mà con người đạt được về vạn vật, về vũ trụ, về bản thân mình. Các khoa học thực nghiệm và các khoa học nhân văn: đó là văn hóa.

Vũ trụ tiến hóa không ngừng. Văn hóa của con người cũng phải tiến bộ không ngừng. Thời đại chúng ta là thời đại khoa học: các *khoa học thực nghiệm* đã tiến xa, đã đạt được những thành quả phong phú và chắc chắn. Những *khoa học nhân văn* như tâm lý, xã hội, sử học, chính trị, triết lý, cũng đang vươn tới những bước vững chắc và sáng sủa của khoa học, một loại khoa học không hoàn toàn tất định như khoa Vật lý học chẳng hạn, nhưng không kém bề chắc chắn và phổ quát.

Tự-do tư-tưởng và tự-do phát biểu tư tưởng

Tự do là sinh khí của văn hóa.

Không có tự do tư tưởng, không thể có văn hóa. Mà có tự do tư tưởng thì cũng phải có tự do phát biểu tư tưởng. Nếu không, tự do tư tưởng chỉ là chiếc bánh vẽ, hoặc một thứ «công khổ phiếu» mà người dân không có quyền lấy ra xài.

Ở những chế độ độc tài như chế độ Cộng-sản, làm sao có thể có văn hóa? hay nói đúng hơn, làm sao văn hóa có thể phát huy được? Dù cho chính quyền cổ võ «trăm hoa đua nở», nhưng vì chế độ kiểm duyệt rất nhiệt thành loạt động, cho nên, như nhà văn lão thành đã quá cố, cụ Phan Khôi, nói: trăm hoa đều nở ra hoa cúc hết! Và nghe đâu khi cụ nói với bạn bè thì không nói hoa cúc như đã viết trên tạp chí, nhưng nói hoa cúc lợn. Nhưng đâu là hoa cúc đi nữa, nếu trăm hoa đều là một thứ hoa cúc cả, thì còn gì là trăm hoa đua nở?

Tại sao lại cần phải có tự do tư tưởng và tự do phát biểu tư tưởng? Thừa vì thành quả của văn hóa được gọi là tác phẩm, và công việc của văn hóa được gọi là *sáng tác*, *sáng tạo*. Người làm văn hóa giống như một vị thần linh, một vị *hóa công*: Tạo hóa làm nên vũ trụ thiên nhiên, còn nhà văn hóa làm nên thế giới văn hóa. Triết gia Kant nói Thiên nhiên là bà mẹ ghẻ: ngụ ý nói Thiên nhiên không phải mẹ đẻ và không nuông chiều chúng ta. Thì hãy nhìn xem: Thiên nhiên là gì? là núi cao rừng rậm, là nước lũ làm lụt lội chết chóc, là nắng thiêu đốt của đại hạn. Tóm lại, thiên nhiên là những mãnh lực

giết sợ: chính con người phải dùng trí óc, dùng văn hóa để chế ngự thiên nhiên. Chính văn hóa cho con người có áo mặc, nhà ở, cơm ăn; lịch sử văn hóa coi sự con người biết trồng lúa, làm nhà, dệt vải là những thành quả đầu tiên. Đó là văn minh nông nghiệp. Kế đó là văn minh cơ khí, óc con người đã khám phá ra từ bánh xe lăn đến các phương thức vận tải, rồi điện khí đã mang lại nền văn minh sản lạn của ngày nay. Tất cả là những phát minh, những *sáng tạo* của con người. Và ta thấy cùng với khoa điện-tử ngày nay, khoa học đang dẫn ta vào một thế giới mới hơn nữa.

Văn hóa là sáng tạo.

Hegel đã có lý khi viết: khi con người nghĩ ra được một dụng cụ thô sơ thì cũng được coi là làm văn hóa hơn khi sinh con, vì sinh sản con cái là việc tự nhiên. Phương chi khi con người phát minh ra những cái mới cho khoa học, sáng tạo thêm những tác phẩm văn học và nghệ thuật? Như vậy sáng tạo là dùng thiên nhiên như nguyên liệu để sáng chế ra những sự vật mới nhằm biến cải sinh hoạt con người. Nhìn vào những đô thị chúng ta đang ở và làm việc, có thể nói bàn tay con người đã thay hẳn bàn tay Tạo hóa, vì tất cả những gì chúng ta thấy quanh mình đều là tác phẩm của trí óc con người.

Tóm lại, văn hóa là hành vi sáng tạo của trí óc con người luôn vươn lên, luôn tìm cái mới, cái toàn hảo

hơn. Như vậy không những văn hóa không phát sinh và phát huy trong gò bó, nô lệ, mà còn không thể phát huy trong khuôn khổ và lười lỉnh. Nhà văn hóa không có tự do phát biểu tư tưởng sẽ chỉ là một công cụ, một người thợ của cái xưởng nhận sản xuất những mẫu hàng của chính quyền. Cho nên bất cứ người ta viện lý do nào, nhưng hễ chính quyền trở thành *độc tài* thì trong nước không thể có phát huy văn hóa. Chiến tranh, an ninh, thuần phong mỹ tục, tín ngưỡng v.v. đã thường bị lạm dụng làm lý do để bãi bỏ hoặc hạn chế tự do ngôn luận. Nói lạm dụng là công nhận có những trường hợp nên sử dụng, nhưng kinh nghiệm cho thấy nơi những quốc gia mới chỉ có dân chủ được ít năm, những sự lạm dụng thường rất nhiều và trắng trợn. Những công chức đã phục vụ cho thực dân Pháp, thì sau chế độ thực dân đã sụp, họ vẫn giữ phần lớn cách suy nghĩ và làm việc như thực dân. Cho nên ô. Diệm lật Bảo Đại, nhưng không muốn bỏ cách cai trị của nền quân chủ: người ta có lý để gọi thời ông làm Tổng thống là «triều Ngô». Và hình như trong cách đi đứng cũng như trong cách làm việc, nhất là trong cách điều hành chính quyền quốc gia, người ta thấy ô. Thiệu có rất nhiều nét giống ô. Diệm. Tất nhiên tài đức thì ông nọ kém ông kia nhiều.

Đầu năm 1962, giữa lúc ô. Diệm say sưa quyền bính, say sưa với những tấm bảng «Toàn dân ghi ơn Ngô Tổng-thống» do bọn gia nô dựng

lên ở khắp nơi, giữa lúc ông tỏa ra độc tài và khinh thị lòng dân, tôi đã viết như sau trên Tạp chí Bách-Khoa (nay được in thành sách «*Triết học hiện sinh*, trang 215) : « Trong một nước độc tài, chỉ có một tiếng nói : tiếng nói của nhà độc tài. Có tiếng nói của dân, có tiếng nói của đoàn thể cách mạng. có tiếng nói của văn học : nhưng đó chỉ là tiếng vọng lại tiếng nói của nhà độc tài. Nhà độc tài say mê và tin tưởng vào tiếng nói của «dân» : thực ra tiếng nói muôn kiểu đó chỉ là tiếng vọng trung thành của tiếng nói nhà độc tài. Nhà độc tài cũng chỉ thích và chịu nghe có một tiếng nói đó thôi. Y như chàng *Narcisse* mê man cái hình của chàng in trên làn nước phản bội.»

Truyện cổ tích Hy-lạp nói đến *Narcisse*, một vị thần vô cùng đẹp trai. Bao nhiêu tiên nữ say mê chàng, nhưng không cô nào chiếm được trái tim chàng. Sau cùng một tiên nữ quá đau khổ vì yêu mà không được yêu, nên đã phát lời thề nguyện chửi thề : «Xin Trời đừng cho ai thương hân, vì hân chẳng biết thương ai». Nữ thần *Néméas* là Thần Thịnh-nộ được trao cho thi hành ý Trời. Một hôm *Narcisse* cúi uống nước giếng, một giếng có làn nước trong ngần và sâu thẳm, chàng nhìn thấy hình mình : chàng say sưa nhìn ngắm hình mình, ngắm đi ngắm lại, ngắm mãi ngắm hoài, cho tới khi choáng váng chàng nhảy xuống ôm lấy hình mình cho thỏa tình thiết tha. Và chàng đã chết chìm dưới làn

những bản hội.

Kể lại chuyện Narcisse cho vui, và cũng để bạn đọc thấy những Narcisse, những nhà độc tài, rồi trước sau cũng một số mệnh. Nhưng họ chết để đền tội độc tài của họ là một truyện, còn văn hóa bị thiệt thòi trong suốt thời gian họ cầm quyền lại là một truyện khác. Và cái này mới làm ta đau khổ.

Lấy vài thí dụ gần đây trong văn học để chúng ta nhớ rằng những ý kiến mới, những đường hướng mới của văn hóa, thường bị chê bai, và nhiều khi bị chống đối kịch liệt nhân danh... khoa học và nhân danh đạo lý. Nhưng rồi nhờ tự do ngôn luận, những ý tưởng và đường hướng mới đó đã trở thành khoa học đích thực và người ta dần dần nhận rằng những cái tưởng là khoa học trước kia và họ đã nhân danh đó mà lên án, những Darwin và Freud, chẳng qua chỉ là một giai đoạn cần phải vượt qua. Freud nói đến 3 cuộc cách mạng văn hóa: cuộc cách mạng Copernic, cuộc cách mạng Darwin và cuộc cách mạng do chính ông đề xướng. Khi Copernic đưa ra ý kiến và chứng minh rằng trái đất xoay quanh mặt trời, như vậy mặt trời đứng im và trái đất vận hành, thì ông bị phỉ nhổ bởi các nhà khoa học đương thời. Rồi ông còn xuýt bị lên án tử hình do một tòa án tôn giáo. Nhưng rồi tư tưởng của ông được những bộ óc thông minh dần dần nhận theo và chủ trương, Darwin bị phỉ nhổ cách ghê sợ hơn khi ông quả quyết vạn vật biến hóa: chẳng hạn

con người do một cuộc biến hóa lâu dài từ loài linh trưởng mà ra (nói biến hóa qua từng chục triệu năm, chứ không nói dễ ra như có người đã xuyên tạc). Tư tưởng của ông chống lại cả một truyền thống khoa học và triết học từ ngàn xưa, nghĩa là từ Platon và Aristote đối với Tây phương. Nhưng rồi tư tưởng của Darwin đã cứ đường nó nó đi: nay thì những nhà cổ sinh vật học đại danh như Teilhard de Chardin đã chứng nhận thuyết Darwin là đúng. Sau cùng, gần đây, khi Freud đưa ra chủ trương vô thức là một thực tại tâm thần, và vô thức có một hoạt lực còn ghê gớm hơn cả mãnh lực của sinh hoạt ý thức con người, thì Freud bị tất cả các giới nhao nhao phản đối: các triết gia phản đối, các tâm lý gia phản đối, các nhà tôn giáo phản đối, người thường dân phản đối. Nói vô thức là nói cái mơ hồ, là nói cái mâu thuẫn: ở trong tâm thần mà tâm trí ta lại không biết? Sao lại có thể như thế được? Tất cả truyền thống triết học và tâm lý học quyết liệt chống lại quan niệm vô thức của Freud. Nhưng Freud đã cứ tiến theo nhận định sâu xa của ông. Và ta biết ngày nay thì không những tâm lý học và triết học, nhưng nhất là khoa giáo dục đều đã công nhận tư tưởng của Freud: Đó là một khoa học mới mang tên là khoa Phân tâm học. Và ảnh hưởng của nó càng ngày càng lớn trong các lãnh vực khoa học nhân văn.

Gây bầu không khí văn hóa.

Cây văn hóa quý lắm. Và tất nhiên, cũng như mọi thứ cây quý, nó cần phải có những điều kiện tối thiểu mới phát sinh và phát huy được. Cỏ thì chẳng cần phải trồng, chẳng cần ai vun tưới, vậy mà cỏ vẫn xanh tươi. Nhưng nói cỏ ngoài đường, ngoài rừng, cỏ vô ích, chứ cỏ nuôi bò thì cũng phải chăm nom và bón phân cho chúng: tôi thấy những đồng cỏ miền Normandie của Pháp (miền có nhiều trại nuôi bò sữa) được chăm sóc rất cẩn thận và chu đáo không kém người dân quê ta chăm sóc ruộng lúa của mình. Hơn nữa nếu là những cây quý, vì trái hoặc vì hoa, như cây cam, cây lan, thì chúng ta còn phải dày công biết mấy? Thì cây văn hóa cũng vậy.

Nhìn vào lịch sử, thời nào văn hóa được tôn trọng, thì thời đó văn hóa phát triển mạnh. Còn thời nào những nhà cầm quyền không có văn hóa và không trọng văn hóa, thì văn hóa suy tàn.

Dân ta là một dân chuộng văn học. Điều này hiển lộ nơi phong tục cũng như nơi ca dao. Phong tục: ta gọi ông giáo là «thầy». Thầy cũng như cha. Nhiều miền ở Việt Nam gọi cha đẻ là thầy: thí dụ miền Hưng yên của tôi gọi cha mình là thầy, và cũng gọi người giáo hóa mình là thầy. Xưa kia khi thầy dạy qua đời, các môn sinh cùng với gia đình thầy lo việc an táng cho thầy: khi an táng,

các môn sinh đều đề tang. Phong tục còn dạy: Mong một tết cha, mong hai tết thầy... Như vậy, ngày mong một Tết người ta tết ông bà cha mẹ, và ngày mong hai thì đi tết thầy dạy, rồi sau đó mới tết cô dì chú bác, họ hàng, bà con. Hồi tôi còn nhỏ, tôi thấy các bạn bè đều hiếu học, vì xã hội bấy giờ coi sự học là quý. Thực ra trong số bạn bè chúng tôi hầu như không có anh nào có chí học làm quan (vì bấy giờ làm quan là phải làm tay sai cho Pháp), mà chỉ học vì thấy một cái gì cao quý nơi người học thức. Tôi có đi học chữ nho một năm trọn, rồi sau đó vừa học chữ quốc ngữ vừa đi học thêm chữ nho, cho nên những câu như «nhân bất học bất tri lý» và «nhân bất học bất như vật», rồi «dưỡng nam tử bất giáo bất như dưỡng lư, dưỡng nữ tử bất giáo bất như dưỡng trư» v.v., tất cả những câu khẩu đầu này gây nên một bầu không khí hiếu học, đề cao con người trí thức.

Rồi những câu nôm na như «Sĩ Nông Công Thương», với thứ tự người sĩ được đặt cao trên hết. Nhưng lại có câu mách quẻ như: «Thế thường nhất sĩ nhì nông, đến khi hết gạo nhất nông nhì sĩ» hay là «Thế thường nhứt sĩ nhì nông, đến khi hết gạo sĩ ông chạy dài». Nhưng sao thì sao, xã hội khi đó rất trọng con người ăn học. Phải chăng vì chỉ có một số người may mắn được đi học, còn đa số vẫn mù chữ? Và phải chăng ngày nay vì sự học trở thành quá phổ thông mà người ta bớt quý

mến văn hóa? Tôi nghĩ không phải thế: ngày xưa người ta trọng văn, nhưng khi đó người ta kính trọng nó như một sức vạn năng, một cái gì cao siêu. Đó là cái tọng của người ít học hay thất học đối với văn học. Ngày nay đa số dân chúng đều có học, thì sự quý trọng văn hóa mới là quý trọng đích thực: quý trọng của người biết thưởng thức, biết giá trị của cái mình quý.

Nhưng hại thay! xã hội Việt Nam hiện nay là một xã hội đã bị « Mỹ-hóa », một xã hội lấy đồng tiền, đồng Mỹ-kim, làm thước đo giá trị con người. Mà xem như chính quyền đang mạnh mẽ đi vào ngõ đường này. Xưa kia bậc thang giá trị là Sĩ Nông Công Thương, còn nay thì sao? Nay thì cái thang đó bị lật ngược, đầu chúc xuống đất, bởi vì nay chính quyền o bế xuất nhập cảng, « làm ăn » nhiều với xuất nhập cảng, bận tâm nhiều với xuất nhập cảng. Ngành Thương được tôn lên hàng đầu. Mà có xuất nhập cảng đang hoàng, nghĩa là có xuất cảng với mức khả quan nào cho nó cam? Toàn là nhập cảng, Honda Nhật tràn ngập từ thành thị đến thôn quê, rồi đến gạo Mỹ, bắp Mỹ, thuốc lá Mỹ, nhập cảng cả trà trong khi xứ mình trà bị ế... Chúng tôi tán thành sự chính quyền nâng đỡ và khuyến khích nền Công (công nghệ), nhưng ai cũng rầu khi thấy trước kia xứ mình là một xứ sản xuất đề có thể xuất cảng lúa, xứ mình đại đa số dân sống bằng nghề nông, vậy mà nghề Nông lại hầu như bị

quên lãng. Bình tĩnh mà xét, ai cũng thấy Nông và Công là hai nguồn sinh lực của một quốc gia, hai nguồn sản xuất đích thực, trong khi đó thì Thương chỉ là trung gian giao hoán. Cho nên Nông Công bao giờ cũng đi với nhau, không những Cách mạng Nga đã lấy dấu hiệu Búa và Liềm xiết chặt nhau, mà ngày nay ở Việt Nam cũng như vài nơi khác có phong trào Công Nông đang lên mạnh.

Phải chăng chiến tranh là lý do làm cho Nông không thể tiếp tục phát đạt như xưa? Phải chăng chiến tranh là lý do không cho phép ta xây dựng nền kỹ nghệ? Hay vì chiến lược muốn dân ta lệ thuộc vào sản phẩm kỹ nghệ nước ngoài? lệ thuộc cả vào nông phẩm của nước ngoài, như gạo, như bắp? Lịch sử sẽ trả lời đầy đủ trong tương lai gần đây, không một chút che giấu.

Riêng về văn hóa, chúng ta phải thành thực nói lên rằng từ cả chục năm nay, ở miền Nam này thiếu hẳn một bầu không khí hào hứng. Phải chăng vì quá bận với những công việc *khẩn cấp*, bận với chiến tranh, mà chính quyền quên lãng việc chấn hưng văn hóa, xây dựng *tương lai* cho xứ sở?

Nói văn hóa cũng là nói đến giáo dục. Và giáo dục là khía cạnh cụ thể và phổ biến văn hóa. Hiện ngành giáo dục là ngành bị bạc đãi hơn hết. Tôi có ông bạn hay nói dõn: « Thời nay là thời thẳng tiến cần lao, thụt lùi trì trệ ». Cần lao được ưu đãi: một người thợ chuyên môn sửa xe Honda

cũng dè dàng kiếm mỗi tháng bốn chục ngàn, trong khi đó một Giáo sư Đại học, dầu là Giáo sư thực thụ, cũng không thể mang về gia đình số tiền đó. Bởi vậy các Giáo sư đều kiếm chỗ dạy thêm giờ mới cung cấp đủ cho gia đình: có vị dạy tất cả ba hay bốn Đại học, suốt tháng đi vòng từ Saigon ra Huế, qua Dalat, xuống Cần thơ v.v. Có vị dạy thêm giờ ở bậc Trung học, có vị kiếm việc làm thêm ở các ngân hàng hoặc các tư sở. Như vậy làm sao có giờ để nghiên cứu và sáng tác??? Rồi ngành Trung học cũng lâm nguy: học sinh bị nhét vào những lớp đông hàng trăm em, hơn nữa giáo sư cần phải dạy mỗi tuần hàng ba chục giờ hay hơn nữa, thì làm sao có đủ giờ chấm bài kỹ lưỡng cho học sinh và theo dõi sự tiến bộ của học trò mình? Chúng ta than ngày nay không còn nghĩa thầy trò, nhưng thực sự phải than sự tổ chức học hành hiện nay làm cho thầy chẳng biết trò mà trò cũng chẳng biết thầy

thì làm sao nói nghĩa thầy trò được?

Aristote viết: «Tất cả mọi người đều tự nhiên thích thú học hỏi» (ARISTOTE, *Métaphysique*, A, 1). Và nhà bác học Pierre Termier đã viết một cuốn sách bắt hủ về «Cái thú của học hỏi». Văn hóa là cái mang lại tri thức cho con người, tri thức về mình, tri thức về xã hội, tri thức về vũ trụ, và tự chúng những tri thức này mang lại sự thích thú sâu xa cho lòng ta: Người ta không ai nghĩ tới chuyện đòi hỏi những ưu đãi lỗi thời cho giới trí thức, nhưng người ta có quyền mong và đòi phải gây một bầu không khí hiếu học, cầu tiến, quý trọng nhân tài, đề cao văn học, vì văn hóa không những làm cho con người có cuộc sống vật chất đầy đủ mà còn giúp con người vươn lên mãi về nhân phẩm.

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

(25-9-71)

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

— Đã có thêm tập, 6 tháng đầu năm 1971, từ số 337 đến 348.

— Các bạn đã hỏi mua hoặc đặt tiền có thể đến Tòa soạn để lấy những bộ Bách-Khoa mới đóng xong từ 1957 đến 1970 gồm 42 tập, kỳ này thiếu những số: 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 95.

Đại-hội di-truyền-học quốc-tế kỳ IV

Đại cương vấn đề

Đại-hội Di-truyền-học Quốc-tế kỳ IV đã họp hồi đầu tháng 9-1971, ở trường Đại-học Luật-khoa mới ở Paris.

Ba mươi nước trên Thế-giới đã gửi 1.600 đại biểu Nam và Nữ tới tham dự. Họ gồm nhiều thành phần khác nhau, từ người Ấn quần khăn, người Nhật mặc đồ lớn, đến người Anh mặc áo « Polo ». Cuộc họp đã kéo dài trong 7 ngày, và họ đã nghe 741 bản tường trình.

Ngoài những danh từ chuyên môn khoa học, là một danh sách rất dài những đứa trẻ con tàn tật từ lúc sinh ra đời, và giữ mãi sự tàn tật ấy cho đến lúc chết. Những đứa trẻ ấy đã sinh ra không bình thường, vì trong lúc tế bào này đến tế bào khác đang cấu tạo nên đứa trẻ trong bụng mẹ, thì một sự lệch lạc nào đó đã xảy ra, làm xáo trộn hệ thống cấu tạo. Đứa trẻ, mà gia đình đặt biết bao nhiêu hy vọng, sẽ sinh ra đời với một sự tàn tật không thể chữa khỏi. Đó là một tai nạn, một sự kém may mắn, hay là một sự bất thường của thiên nhiên, người ta muốn gọi nó là gì cũng được, nhưng sự việc đã xảy ra như thế.

Môn khoa học di truyền ra đời với mục đích tìm cách chữa trị một vài bệnh phát xuất từ những nhiễm-sắc-thể định-mệnh, quyết định số phận của mỗi

người chúng ta.

Đến năm 1971 những điều đã khám phá được, rất khuyến khích và hứa hẹn tương lai tốt đẹp.

Vấn-đề ấy là gì? Đó là những tế-bào và các thành phần của nó.

a) Tế bào (Cellule).

Cơ thể con người được tạo cấu bởi các tế-bào. Tế-bào là một vật nhón được bao bọc bởi một cái màng bên trong có một cái nhân. Tế bào to nhỏ khác nhau, nhỏ từ một vài phần nghìn của ly, và lớn tới một vài phân như trong quả trứng. Một vài sinh vật chỉ có một tế bào như vi trùng, và nguyên sinh động vật (Protozoaires).

Loài thảo mộc, và loài vật được cấu tạo bởi hàng tỷ tế bào, đều bắt nguồn từ một tế bào nguyên thủy, cái trứng. Từ một tế bào lúc thụ thai, số tế bào đã tăng lên tới hàng tỷ, sau chín tháng nằm trong bụng mẹ, như thế người ta đủ hình dung ra sự mầu nhiệm của việc sinh sản, và sự mong manh của thai nhi.

b) Nhiễm-sắc-thể (Chromosome.)

Bên trong cái nhân của tế bào, có những cái mà danh từ khoa học gọi là nhiễm-sắc-thể. Nhiễm-sắc-thể hình thù giống như những cái gậy nhỏ, được tạo thành bởi một chuỗi kế tiếp nhau, những viên tròn và những mảnh dài, mà kín

đảo nằm ở giữa là những di-thể. Nhiễm-sắc-thể chỉ nhìn thấy rõ dưới kính hiển vi, khi được tô màu. Danh từ nhiễm-sắc-thể (Chromosomes) do đó mà ra, chromo là màu sắc, và soma là vật-thể.

Mỗi tế bào của mỗi loại có một số nhiễm-sắc-thể nhất định, rau cải 18, anh đào 32, táo 34, mèo 38, heo 40, ngựa 66, chó 78, và người 46 trong đó hai nhiễm-sắc-thể sẽ quyết định giống đực hay giống cái: XX là đàn bà, XY là đàn ông.

Đặc biệt có hai thứ tế bào của người, mỗi thứ chỉ có 23 nhiễm-sắc-thể, đó là tế bào trứng của đàn bà, và tinh trùng của đàn ông.

c) Di thể (Gène).

Đến thế kỷ thứ 20, những hạt di truyền (grains d'hérédité), mà mỗi hạt lại có một đặc tính riêng biệt, được đặt tên là di thể (gène). Ai cũng nói đến di thể, nhưng chưa ai trông thấy hình thù di thể ra sao.

Nhà sinh-vật-học Hoa-kỳ, Thomas Hunt Morgan, sau 17 năm pha giống ruồi để nghiên cứu đã thiết lập được một «bản đồ nhiễm-sắc-thể». Ông có thể biết rõ trách nhiệm của mỗi hạt di-thể (gène), hạt này màu mắt, hạt kia đường rãnh của thân thể, và hạt kia nữa hình thù của cánh.

Mỗi nhiễm-sắc-thể gồm có nhiều di thể. Sự phối hợp của di thể do cha mẹ truyền lại, quyết định đứa trẻ sinh ra đời sẽ là trai hay gái, lớn hay nhỏ, mắt đen hay nâu, thông minh hay ngu dốt, có tài hay bất tài: số phận của nó đã được quyết định ngay từ lúc người đàn bà thụ thai (khi trứng của người

mẹ gặp tinh trùng của bố), và trong suốt thời kỳ chín tháng nằm trong bụng mẹ.

Trong chín tháng ấy, mỗi một tế-bào mẹ lại sinh ra hai tế-bào con, rồi những tế bào con lại sinh ra bốn tế bào khác, và cứ như thế tiếp tục cho đến khi số tế bào lên đến hàng tỷ, và đứa trẻ có đủ hết các bộ phận, từ tim đến xương, óc đến phổi, gân đến thận, v.v. (1). Như thế là cái di sản do cha mẹ di-truyền lại đã ấn định cuộc đời của mỗi người, từ khi thụ thai cho đến lúc chết. Có một điều cần ghi nhận là sự di-truyền không có tính cách cố định, nghĩa là những đứa con, dù là do cùng một cha mẹ sinh ra, cũng không hoàn toàn giống nhau về thể chất và tinh thần, vì tuy vẫn một cơ quan sinh dục ấy của mẹ và của bố, nhưng nó lại không bao giờ chế tạo ra những trứng và tinh trùng giống nhau. Rồi sự phối hợp 23 nhiễm-sắc-thể mẹ với 23 nhiễm-sắc-thể kia, càng làm tăng thêm sự khác biệt. Vì vậy sự di-truyền hoàn toàn có tính cách may rủi như xổ số. Đứa trẻ ra đời sẽ là tổng hợp một số những đặc tính của cha và mẹ, mỗi thứ một nửa, vì mỗi người góp 23 nhiễm-sắc-thể.

Các công cuộc thí nghiệm.

Sau khi quan sát 12.980 con cháu của sự pha giống các cây đậu nguyên giống, nhà tu Gregor Mendel của nước Áo, tìm ra ba định luật có sự chính xác toán học, điều hành sự truyền giống.

a) Luật phân cách.— « Những đặc tính kết hợp trong cơ thể, được phân

(1) Xin so sánh với luật Dịch: Âm Dương sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh ra Bát quái, v.v.

cách ra thành các đơn vị sinh giống riêng biệt». Không một đứa trẻ nào hoàn toàn giống cha, hoặc mẹ. Nó có thể giống mắt cha, và giống mũi mẹ. Điều nhận xét thông thường này, được Mendel đặt thành luật lệ: Mỗi một đặc tính của cơ thể, được truyền lại hay không cho con, hoàn toàn độc lập với các đặc tính khác.

b) Luật tinh thuần của đặc tính.- « Những đặc tính di truyền hành động như những đơn vị ổn cố, nó vẫn giữ được nguyên chất qua nhiều thế hệ kế tiếp ».

Khi pha giống những cây đậu có hạt nhẵn, với những cây đậu có hạt nhăn, Mendel tìm thấy luật thứ ba. Thực ra, thì thế-hệ đầu gồm toàn hạt nhẵn. Nhưng sang đến thế-hệ sau, thì hạt nhăn xuất hiện với tỷ lệ $1/4$. Mendel kết luận, đặc tính « ưu thế » (dominant) thắng thế đặc tính « yếm thế » (récessif)

c) Luật ưu thế.- « Nếu hai đặc tính đối nghịch nhau cùng hiện diện trong một cơ thể, một trong hai đức tính sẽ hoàn toàn che lấp đặc tính kia, để chỉ một mình nó xuất hiện ». Sự di truyền về màu mắt tuân theo luật lệ này, đặc tính mắt nâu chế ngự đặc tính mắt xanh.

Qua các công cuộc nghiên cứu kể trên, các nhà khoa học nhận thấy hai điều, thứ nhất là sự di truyền luôn luôn thay đổi, như không bao giờ có hai người con cùng cha mẹ giống nhau, và thứ hai là đặc tính di-truyền vẫn giữ được nguyên-chất qua nhiều thế-hệ kế tiếp. Như vậy là sự di-truyền có hai đặc

tính trái ngược nhau, ổn cố và khác biệt.

Đến đây chúng tôi đã trình bày nhiệm-vụ truyền giống của nhiễm-sắc-thể trong việc quyết định những đặc tính bề ngoài, như tầm vóc, màu mắt. Ngoài nhiệm vụ ấy, nhiễm-sắc-thể còn quyết định cả sự cấu tạo các phần-tử nhỏ trong cơ thể. Nói tóm lại, nhiễm-sắc-thể là căn bản của sự sống từ cơ phận nhỏ đến cơ phận lớn.

Nguyên nhân phát sinh ra bệnh

Nếu nhiễm sắc-thể và di thể là căn bản mọi hình thức của sự sống, thì nó lại có thể biến đổi. Các sự biến đổi ấy giải thích những tai nạn của sự di truyền, được quy vào hai nguyên nhân :

— Khuyết điểm về chế tạo :

Một nhiễm-sắc-thể nhiều hơn ? Đứa trẻ sinh ra mắc bệnh mongolien (triệu chứng : mắt mũi méo mó, mắt xếch ngược, và kém thông minh).

Một khuyết điểm của nhiễm-sắc-thể, hay chỉ một phần nhiễm-sắc-thể, đứa trẻ sẽ bị tật nguyên xương sống (polydyspondylie).

— Khuyết điểm về điều hành :

Một sự sai lầm hóa chất ? Đứa trẻ sẽ mắc bệnh phénylcétonurie chẳng hạn, được biểu hiện bằng sự ngu đần.

Vấn đề được đặt ra là, tại sao di thể (gène) lại biến đổi ? Và nó đã xảy ra như thế nào ? Đó là những vấn đề mà các nhà khoa học phải giải quyết.

Đối với một vài sự biến đổi, người

ta đã bắt đầu hiểu rõ nguyên nhân, nhưng khoa học chưa giải thích được tất cả.

Lẽ dĩ nhiên là phải có những yếu tố gây ra các tai nạn di truyền. Theo như Giáo-sư di-truyền-học, người Hòa-lan, Frédéric Suobel, thì các hạt di truyền đã biến đổi, vì bị ảnh hưởng của một vài hóa-học tác-nhân rất thường thấy. Nếu hậu quả của thuốc an thần và chống ói mửa thalidomide đã được làm sáng tỏ, (thuốc này làm cho đàn bà sinh quái thai), thì lại còn không biết bao nhiêu «chất» làm do biến hạt di-thể vẫn chưa được biết đến. Có lẽ đó là nguyên nhân chính làm cho nhiều người xảy thai tự nhiên? Suobel tính ra rằng 8% đàn bà mang thai trên thế giới có những nhiễm-sắc-thể bệnh hoạn. Trong khi đó thì hai anh em Bác-sĩ Boué, người Pháp, sau khi nghiên cứu trên một ngàn trường hợp xảy thai tự nhiên trong ba tháng đầu thụ thai, đã chứng minh được rằng có đến 60% xảy thai, vì thai nhi có những nhiễm-sắc-thể dị thường.

Một trong những bài học thực tế mà các bác-sĩ Boué rút tỉa được, là cần phải săn sóc chu đáo các người mẹ trẻ trong những tháng đầu thụ thai, và cách điều trị phải được áp dụng kỹ lưỡng hơn.

Kết luận

Nhờ có môn khoa học di truyền, bệnh ngu đần (phénylcétonurie) đã có thể chữa được, nếu được biết thật sớm, và các trẻ con sơ sinh đã được phòng ngừa bệnh hủy hoại hồng huyết cầu (hémoliti-que).

Rất có thể rằng trong tương lai cũng sẽ có những tiến bộ tương tự đối với các chứng bệnh khác.

Một chuyên viên Hoa-kỳ, Bác-sĩ Allan Weingold, đã nghĩ tới vấn-đề lấy thai-nhi ra khỏi bụng mẹ để mổ xẻ chữa chạy, rồi lại để vào như cũ. Đó mới chỉ là một giả thuyết, bởi vì việc mang thai-nhi ra khỏi bụng mẹ, dù chỉ là tạm thời, cũng có thể gây ra nhiều hư hại cho thai-nhi.

Vấn đề chót là sự ngăn ngừa việc sinh sản những đứa trẻ bất bình thường. Từ một năm nay, người ta đã có thể biết trước là đứa trẻ sắp ra đời có mắc bệnh di truyền hay không, bằng cách lấy nước trong màng bọc thai-nhi ra xem xét. Phương pháp này gọi là amniocentèse. Nếu thai-nhi quả thực mang bệnh, thì sẽ đặt vấn đề chữa chạy cho thai nhi, và ngưng thụ thai. Nhưng trong thực tế việc ngưng sinh sản không giản dị như ta tưởng, bởi vì nếu có người ủng hộ, thì cũng có người chống đối. Sau đây là trường hợp của Tonaffick. Tonaffick là một trẻ nhỏ thuộc Châu-Phi, mới ra đời được 11 tháng. Nó được đưa vào điều trị trong một nhà thương nhi đồng, vì mắc bệnh ngu đần di truyền (phénylcétonurie). Anh lớn của nó đã chết một tháng sau khi sinh, đứa kế tiếp sống được 17 tháng, và chỉ nó 5 tuổi thì ngu xuẩn. Quá khứ trên đã cứu sống Tonaffick, vì bệnh này nếu được khám phá thật sớm có thể chữa khỏi bằng cách cho ăn uống đặc biệt. Tuy nhiên Tonaffick vẫn mang một hạt di truyền bệnh hoạn

để sẽ truyền lại cho con cháu. Vậy có nên cấm Touaffick sinh con hay không ?

Dù khoa học di truyền đã đạt được nhiều tiến bộ, nhưng các nhà khoa học vẫn không dám mơ tưởng đến việc mổ thai nhi thay thế di-thể xấu bằng những di-thể tốt, để sản xuất ra siêu-nhân, hay cho ra đời từ loạt nhân tài. Họ chỉ

mong giúp đỡ cho những kẻ kém may mắn về nhiễm-sắc-thể, lấy lại được khả năng sinh hoạt bình thường và tránh được việc cho ra đời những đứa trẻ tàn tật, hay đau ốm.

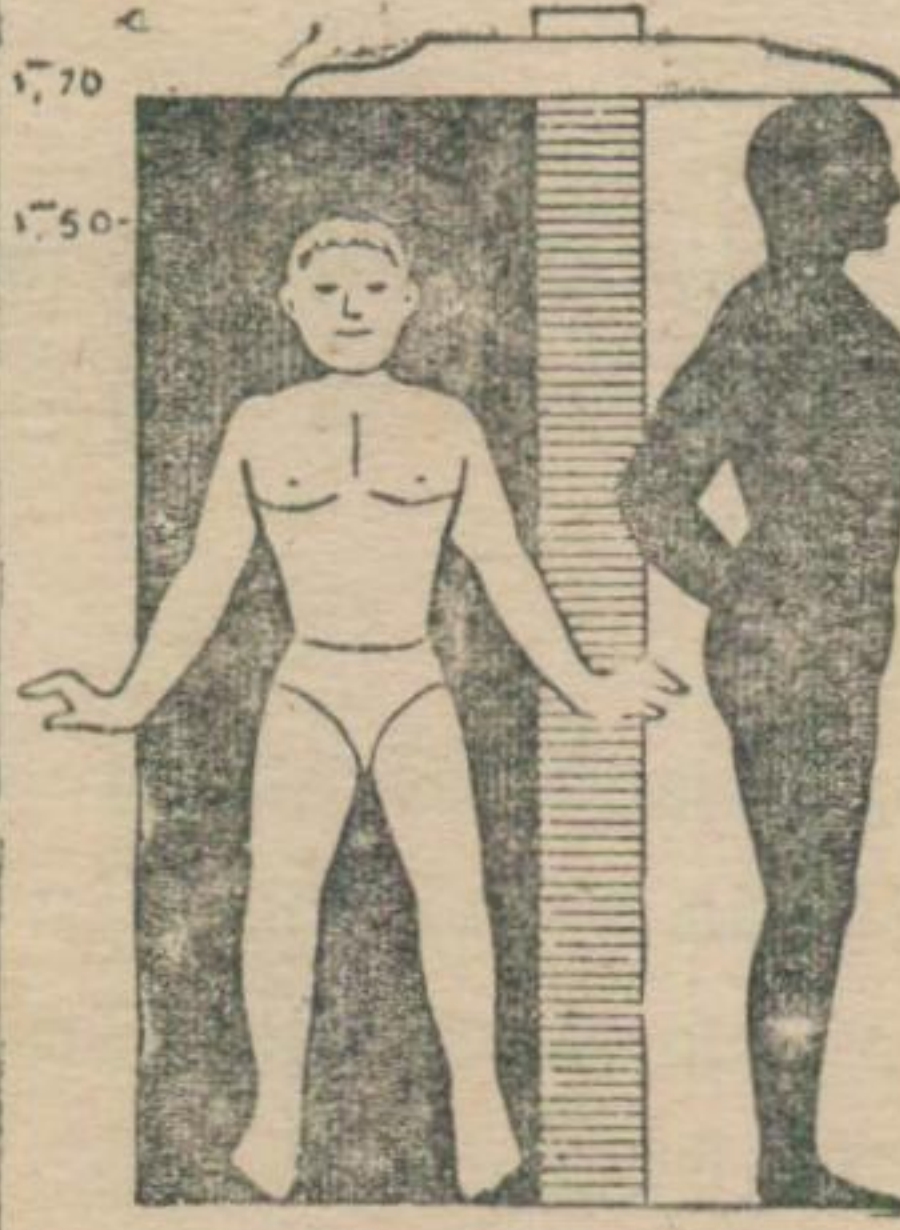
TRẦN VĂN KHA

26-9-1971

Tài liệu tham khảo : L'Express số 1053 ngày 13-9-71 và Paris Match số 1167 ngày 18-9-71)

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

S 78 KNố : MBYT/QCPD

NỀN TÌM ĐỌC

- Sách cổ chữ Nho phiên dịch và chú giải trong BỘ ĐẠI NAM THỐNG NHẤT CHÍ, có nguyên bản đối chiếu
- Những bài nghiên cứu về Văn - học, Lịch - sử, Địa - lý và các vấn đề văn-hóa trong VĂN-HÓA TẬP-SAN xuất bản mỗi tam cá nguyệt.
- Sách cổ chữ Nho, chữ Nôm phiên dịch Việt-ngữ và chú-giải, có kèm nguyên bản, in Offset rõ ràng trên giấy trắng tốt, chữ đẹp, khổ 16 x 24, bìa in 3 màu.
- Danh tác Anh, Pháp phiên dịch Việt-ngữ in trên giấy trắng tốt, chữ lớn, khổ 13 x 19, bìa 3 màu in Offset.
- Do Phủ Quốc - Vụ - Khanh Đặc - trách Văn - hóa ấn hành. Sách bán tại những hiệu sách lớn ở Thủ-Đô, các Tỉnh và tại Nha Văn-Hóa, số 8 Nguyễn-trung-Trực Sài-gon.



Tịch - cốc và phép luyện tinh của các nhà tu-hành

Nàng Hạ-Cơ là con gái một gia-đình trung-lưu nước Trịnh thời Đông-Châu, năm 15 tuổi một đêm nằm mộng thấy một thư-sinh mũ ngọc, áo bào tự xưng là Thượng-giới thiên-tiên đến giao-hoan với nàng và sau đó truyền cho nàng phép mầu Hoàn-Xuân. Phép này rất giản-dị bí-quyết chỉ là làm thuận theo những định-luật của Trời Đất nên kết-quả hiệu-nghiệm như thần không có thứ thuốc nào sánh kịp.

Thế là từ năm 15 tuổi, hằng năm vào hai tháng Cửu Ngũ tức là tháng Năm và tháng chín Âm-lịch, nàng Hạ-Cơ tịch-cốc hai kỳ từ đêm trăng khuyết đến đêm trăng tròn trong tháng thì ăn dần dần trở lại tức là hai kỳ từ mồng Một đến Rằm tháng Năm Âm-lịch và từ mồng Một đến Rằm tháng Chín Âm-lịch. Sau 3 năm thi-hành như vậy nàng bỗng thấy sức khỏe tăng gia và sắc đẹp ngày một lộng-lẫy, mắt phượng mày ngài, dung-nhan tuyệt-mỹ, da thịt trở nên thơm tho có một hấp-lực huyền bí không tài nào cưỡng-chế nổi đối với nam-giới... Được 7 năm thì nàng nổi danh là một mỹ-nữ có sắc đẹp khuynh quốc khuynh thành và đặc biệt là về sau tuy tuổi mỗi ngày mỗi lớn mà sắc đẹp mê-hồn chẳng hề suy-giảm nhờ hằng năm nàng vẫn đều đều thực-hành hai kỳ nhịn ăn đúng theo ngày tháng của bí-pháp Hoàn-Xuân. Nàng có truyền lại cho mấy người bạn gái nhưng không ai tin và cứ đồn oan cho nàng là có bí thuật «hấp-tinh đạo-khí» thu hút

tinh-tủy đàn-ông để bồi-dưỡng cho nhan-sắc của mình.

Ngoài tài-liệu nói trên về nàng Hạ-Cơ ghi trong sách «Hoàn Xuân bí-pháp» của Thanh-Liên-Tử, nghiên-cứu các tài-liệu y-học và Đạo-học Đông-phương tôi chưa được gặp thêm tài-liệu nào đề cập đến vấn đề bồi-dưỡng sức khỏe và hưng-vượng tình-dục cho phụ-nữ nhờ phép tịch-cốc. Phải chăng ngày xưa ở Á-Đông ta không mấy ai thực-hành phép tuyệt-thực hoặc là vấn-đề lãnh-cảm nơi người phụ-nữ không được xã-hội nhắc-nhở đến vì thuần-phong mỹ-tục và ngay cả Đông-y cũng không lưu-ý vì cho là không cần-thiết gì cho sức khỏe người đàn-bà?

Về tài-liệu nhịn ăn áp-dụng cho đàn-ông trong việc tu-hành thì có khá nhiều.

Theo một vị tu-sĩ cho tôi biết thì những vị đạo-sĩ tu tiên ngày xưa tránh dùng danh-từ tuyệt-thực vì theo triết-tư chữ *tuyệt* (絕) gồm chữ *mịch* (糸) là sợi tơ nhỏ vừa có nghĩa là ràng buộc và chữ *sắc* (色) là sắc đẹp vì theo kinh-nghiệm ngày xưa con người sau khi tuyệt-thực thì tinh-khí phương-cường, nếu ham vui và thiếu tự-chủ thì thường dễ vướng víu vào đường sắc-dục. Cho nên phái Đạo-gia đã thay vào đó bằng danh-từ *tịch-cốc* ý-nghĩa thanh-tĩnh hơn. Trên phương-diện y-khoa, ngày xưa người ta áp-dụng tuyệt-thực để bổ thận và các bệnh suy-nhược về tình-dục, còn về

phương-diện tu-hành thì các đạo - gia tịch-cốc luyện tinh cho kiên-cố để dưỡng-sinh, phát tuệ, tam hoa tụ đỉnh, đắc đạo thành tiên.

Tiên-thơ chép rằng :

«Việc rèn luyện Âm-Dương chỉ có tinh-dịch là quý nhất, muốn cho tinh dịch được kiên-cố, sung-mãn để sống trọn tuổi thọ Trời cho thì không có gì linh-nghiệm hơn phép tịch-cốc.»

Bàn về phép dưỡng sanh, sách Kinh-Tụng chép rằng :

«Luyện phép dưỡng-sinh lấy tinh làm báu. Nó báu thì nên giữ gìn cho kín đáo. Cho nó về người ta thì người ta sống ; giữ nó ở mình thì mình sống. Dùng tinh để sanh con nối dòng là chính đáng, phung-phí quá thì mau già, mạng sống sớm dứt. Tinh của thận không rít chắc thì thận-khí kém đi. Muốn kiên-tinh, cố thận thì điều cốt yếu là phải tịch-cốc.»

Muốn kết quả được nhanh chóng thì trong thời-gian tịch-cốc nên thi-hành phép đạo dẫn về cách luyện tinh sau đây :

«Mỗi đêm đúng giờ Tý, phủ mền ngồi lên, hai tay cháp sát vào nhau cho thật lâu đến lúc nào hai lòng bàn tay trở nên thật nóng, rồi một tay bợ áp hai hòn dái, một tay để áp cái rún. Tâm thần lúc bấy giờ phải chuyên nghĩ về nội-thận. Tập như vậy lâu ngày thì tinh sẽ hưng vượng đúng theo luật-lệ của Trời Đất.»

Bàn về phép tịch-cốc, Tạng-Xuyên nói rằng :

«Tinh có thể sinh ra khí, khí có thể

sinh ra thần, vinh-vệ của thân ta không chi hơn nó. Kẻ dưỡng-sanh theo đúng phép tịch-cốc thì tinh đầy khí mạnh. Khí mạnh thì thần hưng-vượng. Thần hưng-vượng thì thân-thể bền vững mà vô bệnh, trong thì ngũ-tạng yên hòa, ngoài thì da dẻ trơn láng, vóc tươi đáng đẹp, mắt tai thông sáng, tuổi già vẫn tráng kiện.»

Theo Đạo-giáo Kinh Huỳnh-Đình chép rằng :

«Muốn giữ cho gát cái ống tinh thì tịch-cốc làm cho nó không còn rỉ chảy và đóng kín nó lại nên người thương tịch-cốc mãi thì được sống lâu là vì lẽ đó. Từ xưa đến nay không ai tu tiên mà không tịch-cốc. Không tịch-cốc thì đừng nói chuyện tu tiên.»

Về Đông-y, Nội-kinh dạy rằng :

«Điểm quan-trọng trong sự giao thiệp Âm-Dương là phải giữ cho Dương-khí được kín đáo nó mới chắc, cho nên Dương mà cường quá thì không kín được ắt khí Âm phải tuyệt. Muốn điều-hòa khí Dương cách tốt nhất là tịch-cốc chỉ thực. Khí Âm bình, khí Dương kín trở lại thì tinh thần mới yên vui được. Âm và Dương lia rẽ nhau thì tinh-thần không còn.»

Ngày xưa hằng năm các vị Thiền-sư cũng thường tuyệt-thực vào thời-kỳ cấm-túc (vô hạ). Để luyện phép cố-tinh, trong thời-gian tuyệt thực đó, mỗi ngày hai thời nhà sư công-phụ tĩnh-tọa trụ tâm vào Đan điền là một điểm nằm nơi bụng dưới, dưới lỗ rún độ ba ngón tay. Phép này công dụng cố-tinh để phát-minh trí-tuệ, chứng ngộ chân-lý của Phật-Đà, sớm dứt nghiệp sinh-tử luân-hồi trong lục đạo.

Đối với các vị tu-hành dứt đường ái-dục thì không nói làm gì, nhưng với những người thế-tục, vì có nhiều trường-hợp người tuyệt-thực sau khi ăn uống trở lại, thận-khí sung-mãn quá, dương-lực mãnh-liệt quá, các y-sĩ phải tìm cách kiềm-chế bớt lại bằng phương thuốc sau đây có tên là «*Túc dương bí phương*» :

«*Tìm 9 con đĩa đem về để trong bình nuôi tới ngày mùng 7 tháng 7, đem căng chết để khô. Cân nó nặng bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu Xạ-hương và Tô-diệp-hương. Ba món tán chung lại cho nhuyễn dùng chút mật quết thành bánh để dành.*»

Khi nào thấy dương-sự động cử mãnh-liệt thì lấy chút ít thuốc ấy thoa vào lòng bàn chân tả, tự nhiên sẽ dịu ại liền. »

Cũng có nhiều người sau nhiều kỳ tuyệt-thực thận cố tinh kiên quá, thế-thiếp thất đảm, phục-vụ không nổi sinh cảnh gia-đình bất hòa. Để giảm bớt tình-trạng kiên tinh quá đáng này Đông-y đã phát-minh một vị thuốc để

muốn cho khi nào tinh tiết nhanh thì trước lúc chẵn gối phải nấu 1 lượng Xạ-tiên-tử (tức là hột cây mã-đề) mà uống thì sẽ được như ý.

Theo các đạo-sĩ Lão-giáo ở Đông-phương thì trước khi tịch-cốc họ có uống một liều thuốc gọi là «*Tịch-cốc tiên-phương*», ngày trước ông ngoại tôi là một vị ngự-y có nói rõ cho tôi nghe, nhưng hồi ấy tôi không lưu ý ghi chép làm gì nên nay chỉ còn nhớ đại-cương là bài thuốc này gồm có hai vị :

Hồ-ma (mè) 1 cân

Hắc đậu (đậu đen) 1 cân

Hai thứ này nấu chín rồi bào chế quết chung với nhau theo một phương-pháp nào đó mà tôi không nhớ rõ. Thuốc này các vị đạo sĩ thường chế thành bánh để cấp cho dân chúng gặp những năm mất mùa đói kém dùng để nhịn ăn chờ đến mùa tới. Trước khi tịch-cốc nếu được ăn mấy lượng thuốc đó thì người ta có thể cảm thấy dễ chịu khỏe-khoắn suốt thời-gian tịch-cốc mà sức khỏe không bị giảm sút.

LÊ-TOÀN-LỢI

Đón đọc :

TUỔI THƠ

của Maxime Gorki

Bản Việt văn của Vũ-Minh-Thiều

Đây là tác phẩm chính của GORKI, trong đó kỳ tài của đại văn hào biểu lộ rõ rệt nhất. Một tự truyện chất phác, không cầu kỳ, nhưng nhuộm đủ màu sắc : kín đáo, linh động, thấm thía, khó quên được. Một lối diễn tả của TOLSTOÏ nhưng tính cách cá nhân nổi bật hơn : không nặng nề, đen tối; hay như một bài thơ thuần khiết, không chút giả tạo...

TRÍ ĐĂNG xuất bản

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Cảnh*

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang-Long*

ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Vai trò của âm-thanh-viện trong công cuộc nghiên-cứu nhạc dân-tộc ở Việt-nam

TRẦN QUANG HẢI (*)

Chiến tranh đã gieo bao tang tóc trên đất nước Việt-nam, tàn phá các di tích lịch sử của tổ tiên chúng ta, giết hại dần mòn những thiểu tộc sống trên miền thượng du, làm suy lui một nền văn hóa rực rỡ mấy nghìn năm. Nhạc dân tộc cũng không sao tránh số phận không may đó. Đứng trước thảm trạng ấy, việc trùng tu nhạc dân tộc rất cần được đặt lại, sắp xếp cho thành hệ thống, cho có tính cách khoa học, để tiện nghiên cứu, giúp ích cho những ai muốn bảo tồn vốn cổ muôn màu tươi đẹp, duy trì kho tàng vô giá về âm nhạc của ông cha ta lưu truyền lại đến bây giờ. Muốn tổng hợp tất cả kho tàng ấy, việc khẩn cấp đầu tiên là phải thành lập một âm thanh viện. Âm thanh viện là gì? Cấu tạo của nó ra làm sao? Đối tượng của nó như thế nào? Trước khi giải đáp những câu hỏi trên, thiết tưởng cũng nên nói sơ qua đến hai âm thanh viện dùng trong việc nghiên cứu nhạc dân tộc mà tôi hiện đang cộng tác ở Paris: viện thứ nhất thuộc *Viện Bảo tàng Con người* (Département d'ethnomusicologie du Musée de l'Homme), và viện thứ nhì thuộc *Viện Bảo tàng Nghệ thuật và Truyền thống dân gian Pháp* (Département d'ethnomusicologie du Musée des Arts et Traditions populaires de France).

Âm-thanh-viện của Viện Bảo-tàng Con Người

Âm thanh viện này, thành lập vào khoảng năm 1935, gồm có một nơi để tàng trữ tất cả băng nhựa ghi âm của các nhà nghiên cứu đi các nơi trên thế giới. Tài liệu âm thanh sau đó sẽ được các cộng tác viên chuyên môn nghe và phân tích trên những phiếu kỹ thuật. Ở âm thanh viện này có ba loại phiếu: một loại dành cho tổng-hợp tất cả số băng nhựa của một nhà nghiên cứu, một loại dành cho từng băng nhựa, một loại dành cho mỗi một bài bản ghi âm trong một băng nhựa. Mỗi loại phiếu có bốn bốn màu khác nhau: một bốn thường trực tại âm thanh viện, một bốn gọi lại người đã thâu các băng ấy, một bốn gọi lại viện âm thanh trung ương, và bốn thứ tư gọi cho một viện nghiên cứu chuyên môn về sắc dân đã được ghi âm. Về thể thức thâu nhận băng thì có hai cách: thứ nhất là nhà nghiên cứu gọi tạm thời (dépôt provisoire) số băng ghi âm trong một thời gian nào đó rồi lấy lại sau khi băng lòng cho viện âm thanh sao một bốn giữ tại

(*) L.T.S. Tác giả bài này hiện là cộng sự viên Bộ Dân tộc Nhạc học Viện-bảo-tàng Con Người và Viện-bảo-tàng nghệ thuật và truyền thống dân gian Pháp.

viện; thứ nhì là nhà nghiên cứu hiến tặng tất cả số băng ghi âm bồn chính cho viện. Trong trường hợp này, nhà nghiên cứu sẽ được một bồn sao của tất cả số băng đã tặng. Hiện nay (năm 1969) âm thanh viện của viện bảo tàng con người có hơn một ngàn băng nhựa thuộc đủ loại nhạc trên thế giới được thu tại chỗ. Tài liệu này rất quý vì không tìm được ở đâu ngoài âm thanh viện này. Những loại âm nhạc cải biên không được chấp nhận. Ngoài viện tàng trữ băng nhựa,

còn có viện đĩa hát nhạc dân tộc. Đĩa hát thuộc đủ cỡ: đĩa hát ống tròn (cylindres), đĩa hát 78 vòng, 45 vòng, 33 vòng và 16 vòng. Một số lớn đĩa hát được các nhà hảo tâm, các nhà xuất bản đĩa hát gửi tặng, một số nhỏ do âm thanh viện mua tùy theo ngân quỹ mỗi năm. Tổng cộng các đĩa hát lên tới hơn 2.000 đĩa. Mỗi đĩa hát có một phiếu ghi rõ quốc gia, sắc tộc, tựa đĩa hát, các tiết mục bài hát, tên hãng đĩa, tên người thâu. Sau đây là một thí dụ cụ thể:

30 cm 33 t.

1. VIET NAM : ethnie : bahnar, sédang, thái, chàm, vietnamien.

2. *Music of Vietnam.*

a. *Xylophone Torung* (bahnar)

b. *Dance Xoe* (thái)

c. *Classical quintet ngũ tuyệt* (vietnamien) etc...

3. ETHNIC FOLKWAYS FE 4352 Face 1. Enreg. de Phạm Duy

Giải thích:

30cm 33t.: đĩa hát đường kính 30 phân, 33 vòng.

Di.69.2.1 A: số của âm thanh viện dành riêng cho đĩa hát đó, mặt A.

1. VIỆT NAM: tên quốc gia của nhạc nghe trong đĩa, tên các sắc tộc khác nhau nếu có nhiều.

2. MUSIC OF VIỆT NAM: tựa của đĩa hát.

a. *xylophone torung bahnar*

b. *dance xoe* (thái)

c. *classical quintet ngũ tuyệt* (vietnamien)

(các tiết mục của mặt A đĩa hát)

3. ETHNIC FOLKWAYS FE 4352

Face 1. Enreg. de Phạm Duy: tên hãng đĩa hát, số mục lục của đĩa, mặt 1, tài liệu thâu của Phạm Duy.

Như thế, khi nhìn vào phiếu, ta có thể biết đại cương về đĩa hát muốn nghe. Tất cả phiếu được xếp loại theo từng châu (châu Á, Âu, Mỹ, Phi, Úc), từng quốc gia, từng sắc tộc. Có như vậy mới dễ tìm, đỡ mất thì giờ khi muốn nghe một bài nhạc thuộc lĩnh vực nghiên cứu của mình. Bên cạnh hai viện băng nhựa và đĩa hát, còn có một viện trưng bày các nhạc cụ (trên 10.000 nhạc cụ trong đó có lối 2.000 cây sáo) được xếp theo từng loại: loại đàn gõ (instruments à percussion), loại đàn dây (instruments

à cordes), loại nhạc cụ thổi hơi (instruments à air). Mỗi nhạc cụ đều được miêu tả rất cẩn thận trên một lá phiếu. Đó là khí quan hình thái luận (organologie) của mỗi nhạc cụ. Ngoài ra, các nhạc cụ nào bị hư sẽ được tu bổ lại ở cơ quan trùng tu (service de restauration) cũng nằm trong một viện bảo tàng. Số sinh viên, nhà nghiên cứu đến tham khảo khá đông. Viện âm thanh hiện nay do ông Gilbert Rouget điều khiển và bà Geneviève Douron - Tau - relle chuyên về phần chăm sóc tất cả các nhạc cụ. Số chuyên viên làm việc gồm một kỹ sư, một kỹ thuật viên lo về các máy thu thanh, máy hát, một thư ký, và ba cộng tác viên chuyên môn để nghe băng nhựa và đĩa hát để làm phiếu. Mục tiêu của viện này là nghiên cứu dân tộc nhạc học và văn học dân gian trên thế giới ngoại trừ xứ Pháp (*recherche d'ethnomusicologie et de littérature orale du monde non français*). Thành ra vì vậy mới có sự hiện hữu của viện âm thanh lo về nhạc dân gian Pháp ở viện bảo tàng nghệ thuật và truyền thống dân gian Pháp (musée des Arts et Traditions populaires de France).

Âm-thanh-viện của viện Bảo-tàng Nghệ-thuật và Truyền-thống dân-gian Pháp *

Thành lập năm 1878 theo đề nghị của ông Ernest Hamy, và mãi tới năm 1928 Viện Bảo tàng Dân-tộc-học (Musée d'ethnographie du Trocadéro) chỉ dành một gian phòng cho vật liệu

dân gian pháp. Năm 1935, ông Paul Rivet cải tổ và chia Viện Bảo-tàng Dân-tộc-học Trocadéro ra làm hai chi nhánh: một nhánh mang nhãn hiệu Viện Bảo tàng Con Người (Musée de l'Homme) tàng trữ các văn hóa khắp trên thế giới ngoại trừ Pháp và một nhánh khác mang tên là Viện Bảo tàng Nghệ thuật và Truyền thống dân gian Pháp (Musée des Arts et Traditions populaires de France) dưới sự hướng dẫn của ông Georges Henri Rivière thu góp tất cả vật liệu và văn hóa Pháp và các văn hóa Pháp-ngữ khác như Bỉ, Thụy-sĩ, Gia-nã-đại. Sau đại chiến thứ hai (1939-1945), hòa bình tái lập trên đất Pháp, viện bảo tàng phát triển mạnh các hoạt động tích cực khắp mọi vùng trên lãnh thổ Pháp. Trong khuôn khổ của bài này, tôi không bàn đến sự hoạt động của các địa hạt nghiên cứu khác cùng nằm chung trong viện bảo tàng này mà chỉ nhấn mạnh duy nhất về vai trò của âm thanh viện trong lĩnh vực nghiên cứu và bảo tồn nhạc dân tộc mà thôi.

Bắt đầu từ tháng tư năm 1969, Viện Bảo tàng nghệ thuật và truyền thống dân gian Pháp được dời vào khu rừng Boulogne thuộc Ba - lê, quận 16 (Paris 16^e). Tòa nhà cất theo kiến trúc hiện đại gồm 11 tầng, âm thanh viện chiếm trọn tầng thứ 9, với sự trang bị máy móc tối tân nhất thế giới. Trong phòng tham khảo to rộng, với những

(*) *Phonothèque du Musée des arts et Traditions populaires de France.*

tủ phiếu đầy đặc những phiếu ghi rõ xuất xứ từng băng nhựa hay đĩa hát, với những phiếu kỹ thuật về nhạc cụ dân gian Pháp, với một bàn dài ghế nệm cho 10 người đến làm việc thoải mái, có ba phòng để nghe đĩa hát và băng nhựa dành riêng cho các nhà nghiên cứu âm nhạc có nơi để tham khảo. Mỗi phòng có gắn một máy chạy đĩa hát âm thanh nổi, một máy thu thanh. Bên cạnh phòng tham khảo là Văn phòng Thư ký, sát bên đó là phòng bà Giám đốc, rồi đến phòng bà Phó Giám đốc. Một phòng khác đầy máy móc do một ông kỹ sư coi sóc, hai phòng thật to rộng tàng trữ các băng nhựa, trong điều kiện tốt nhất cho việc giữ gìn băng nhựa, nghĩa là có máy điều hòa không khí để giữ mãi một nhiệt độ lý tưởng (15 độ). Ở đây các tài liệu nào quan trọng thì được thâu vào đĩa dẻo (disque souple) nhờ một máy làm đĩa có sẵn tại viện. Một phòng khác dành cho phần thu thanh tại chỗ khi có một nhạc sĩ hay một danh ca ghé ngang. Sau cùng là một lớp học tập gồm 80 chỗ ngồi, với các máy rọi hình, chiếu phim. Lớp học tập còn dùng để làm nơi gặp gỡ các giáo sư, các nhà nghiên cứu để trao đổi ý

kiến về sự tiến triển dân tộc học. Ở tầng thứ ba còn có một phòng thật rộng gồm 332 chỗ ngồi, một sân khấu dài 17m rộng 5m,6. Phòng được trang bị máy rọi phim, đèn màu sân khấu cho các buổi hòa nhạc, diễn kịch, vũ. Ngoài ra phòng còn được dùng cho các cuộc hội đàm quốc tế với đầy đủ phương tiện phiên dịch đồng thời (traduction simultanée) bằng ba thứ tiếng Anh, Đức, Tây-ban-nha.

Nơi viện này, phương pháp làm việc có phần khác viện âm thanh của Viện Bảo tàng Con người nói trên. Thường thường, mỗi băng nhựa ghi âm gồm có ba bản: một bản chính (bande originale) không bao giờ rờ tới trừ trường hợp đặc biệt, một bản để làm việc (copie de travail), và một bản lưu trữ (copie d'archive). Tài liệu âm thanh được giữ như vậy thì sẽ không sợ bị hư hao hay thất lạc. Nhưng còn phải tùy theo ngân quỹ hàng năm. Điều kiện làm việc chưa được xác định minh bạch vì viện bảo tàng chính vẫn chưa mở cửa cho quần chúng. Nói về cách làm phiếu đĩa hát, cách bố trí khác hẳn. Chẳng hạn một phiếu (12,5 × 7,5) sau đây: (lấy cùng một thí dụ tên đĩa hát đã chứng dẫn ở trên).

Titre (tựa) Music of Vietnam

Maison de disques : ETHNIC FOLKWAYS
(nhà sản xuất đĩa)

Edition — Matrice : FE 4352

(số mặt đĩa)

Revue (source)

(tập san)

Đó là phía mặt của lá phiếu. Còn phía trái dùng để ghi tên các bài bản trong đĩa. Thí dụ :

Nombre de pièces (số bài bản)

- xylophone *torung*
 - calebass zither *ting ning*
 - concert of gongs
- vân vân...

Rồi một phiếu khác dành riêng cho mỗi một bài ca hay bài đàn trong đĩa hay trong băng nhựa. Thí dụ :

Tên quốc gia, tên tỉnh : Vietnam, tỉnh Kontum

Tên bài hát hay bài đàn : xylophone *torung*
(mộc cầm)

Xuất xứ : đĩa hát hiệu ETHNIC FOLKWAYS
số FE 4352 mặt 1, băng 1
(face 1, plage I)

Một vài phiếu kỹ thuật chuyên môn rất nhiều chi tiết không thấy thật cần thiết miêu tả trong phạm vi của bài này. Cũng cần nên nói rõ là viện âm thanh này gồm bà Claudie Marcel-Dubois, Giám đốc âm thanh viện và là người có công sáng lập ra trường dân tộc nhạc học ở Pháp, cùng với bà Maguy Andral, Phó Giám đốc và là cộng sự viên đặc lực của bà Claudie Marcel - Dubois từ hơn 20 năm nay. Số chuyên viên kỹ thuật gồm có một kỹ sư, hai thư ký, ba tập sự viên. Số bài bản thu được lên tới 55.000 bài dân ca Pháp, dân ca các xứ thuộc văn minh Pháp (Giannà-đại, Thụy-sĩ, Bỉ), và một ít dân ca

thế giới vì ở đây chỉ chuyên về dân ca Pháp thôi.

Sau khi nhìn sơ qua hai âm thanh viện của Pháp, nơi mà tôi hiện đang cộng tác để học hỏi và nhờ thế tôi biết rõ cách làm việc bên trong, chứ ngoài ra trên thế giới, nhứt là ở Âu Mỹ còn biết bao âm thanh viện khác phong phú hơn về số lượng. Vậy, đối với chúng ta, phương tiện chưa có, xứ hầy còn nghèo, chúng ta phải làm thế nào để thành lập một âm thanh-viện đáp ứng với ngân quỹ của xứ ta ? Chúng tôi sẽ xin bàn tiếp trong một bài sau.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-QUANG-HẢI

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Một chuyến Đông du

(tiếp theo BK. 335)

Thứ sáu 22-8-69

Chúng tôi đã gọi điện thoại cho hãng cho thuê xe Hertz từ tuần trước, đặt mượn một chiếc xe 1 tuần lễ. Hai bên đã thỏa thuận giá cả xong rồi. Họ hẹn 6 giờ sáng sẽ có xe sẵn sàng để 7 giờ sáng chúng tôi đến lãnh.

7 giờ chúng tôi gọi taxi đến hãng để nhận xe. Trên đường ông tài xế có vẻ vui chuyện lắm. Ông khoe:

— Tuần lễ này chúng tôi vui quá. Ở Burlington có 3 nghìn nhà sinh-vật-học đến nhóm đại hội. Chúng tôi phát tài ghê!

Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười hiền lành: Chúng ta cũng ở trong cái bọn người ngớ ngẩn làm cho các tài xế taxi vui vẻ. Hân hạnh biết bao!

Ông tài xế chắc hẳn thuộc mặt tất cả dân trong vùng nên biết chúng tôi là du khách, ông cắt nghĩa thêm:

— Kìa là dãy núi « Green Mountains », nơi những chàng trai trẻ nổi tiếng là anh dũng.

Ông bạn tôi cho biết thêm:

— Hồi chiến tranh cách mệnh chống lại nước Anh ở thế kỷ thứ 17, Chính phủ mộ lính tình nguyện; thanh niên ở Green Mountains tham gia trước tiên, và họ chiến đấu rất hăng hái nên quê hương họ nổi tiếng

trong lịch sử.

Ông tài xế khoe thêm:

Trường Đại học của chúng tôi to lắm. Có đủ tất cả các ngành, nổi tiếng nhất là ngành thuốc

Ông tài xế ca tụng từng hàng cây, từng tòa nhà, từng vùng núi non trong khu vực ông ở suốt con đường đưa đến phi trường. Tôi chỉ lặng thinh nghe ông nói cảm thấy dễ chịu vì thấy ai cũng có những điểm để hãnh diện và ca tụng quê hương mình.

Đến nơi vào phòng giấy của Hãng Hertz ở phi trường thì thấy chưa mở cửa. Tôi bắt đầu bực mình vì bao giờ cũng tin lời hứa của người khác, khi thấy không đúng lời thì thất vọng nên đâm giận. Mãi đến 8 giờ mới có cô thư ký đến mở cửa phòng giấy. Khi nghe nói chúng tôi muốn lấy xe ở đây và sẽ trả lại ở phi trường Hartford, cô lắc đầu thở dài sườn sượt. Cô cho biết là Hãng Hertz chỉ cho thuê xe để người ta đi trong thành phố và trả lại nguyên chỗ, chứ không có loại cho thuê một nơi trả xe một nơi, tuy chi nhánh của Hãng có đặt khắp các sân bay trong nước Mỹ.

Cắt nghĩa đi cắt nghĩa lại mãi cô mới chịu công nhận người nào trả lời điện thoại nhận cho chúng tôi thuê đó không biết gì cả. Kết quả chúng tôi phải sang Hãng Avis ngay bên cạnh để điều đình.

Văn phòng Hãng Avis cũng vừa mới mở cửa buổi sáng nên chỉ có một cậu bé độ 16 tuổi đang dọn dẹp. Hãng Avis có xe cho thuê kiểu này nhưng cậu bé làm các giấy tờ một cách lúng túng khó khăn, chắc là mới tập việc. Tuy vậy mãi rồi cũng phải xong. Chúng tôi thuê một xe Chevrolet 68, chạy 1 ngàn dặm đầu một tuần lễ giá 120 Mỹ kim. Nếu dùng quá một tuần hay quá 1000 dặm thì phải trả thêm.

Trong khi chờ lấy xe chúng tôi vào một hàng cà phê cạnh đấy, ngồi vào dãy ghế cao ngay tại quầy hàng. Tiệm vừa mới mở cửa nên chỉ có một cô chiêu đãi đang quét dọn. Cô chẳng cần hỏi han gì cả, pha một cốc cà phê để trước mặt ông bạn rồi bỏ đi nơi khác. Tôi trông thấy hàng trăm chai rượu không bỏ ngăn ngang khắp sàn nhà phía trong «bar». Cảnh tiệc tàn như thế chắc là tối hôm qua cô phải thức khuya lắm, thảo nào mà bây giờ cô có vẻ giận khách hàng, lại cứ ngáp ngáp ngáp dài mãi, trông đến thảm.

Lãnh xe xong chúng tôi trở lại thành phố ngắm những tòa nhà kiến trúc cổ kính một lần nữa rồi mới tìm đường vào xa lộ.

Trước khi bắt đầu chạy nhanh ông bạn bảo tôi:

— Cô phải thắt dây nịt chặt vào nhé. Tôi không muốn chạy được một lúc quay lại nhìn thì không thấy cô đâu cả.

Tôi loay hoay mãi vẫn không kéo được cái dây nịt để thắt vào người. Thì ra dây bị kẹt ở dưới sàn xe. Ông

bạn ngừng xe lại để kéo giúp cũng không được.

Lúc ông bạn muốn rẽ tay trái thì phát giác ra đèn ra hiệu quay trái hỏng.

Bài học thứ 10.

— Khi thuê xe, phải thử đèn xe và soát thắt lưng xem có hỏng không.

Xe chạy được một lúc thấy xe Cảnh sát đuổi theo. Ông bạn ngừng xe bảo tôi:

— Tôi thấy xe Cảnh sát chạy theo từ lâu rồi. Tôi đã cố chạy rất đúng luật mà!

Người Cảnh sát đến gần cất mũ chào rất lễ phép trước khi hỏi giấy phép lái xe. Xem xong ông ta cho biết là thuế xe đã quá hạn từ lâu. Dấu hiệu đóng thuế vẫn còn là dấu hiệu năm ngoái mà cứ lái xe nhong nhong chạy trên xa lộ như thế là trái phép.

Chúng tôi cho biết là xe thuê của Hãng Avis, ông ta gật gù:

— Tôi có quyền giữ xe lại, đánh điện đi hỏi hãng xem xe họ đã đóng thuế chưa, đợi đến khi biết được hãng đã đóng thuế rồi mới để cho xe đi! nhưng các ông bà là người du lịch, tôi để yên cho đi.

Bài học thứ 11.

Khi thuê xe cũng phải biết xe đã đóng thuế hợp lệ chưa.

Trên đường chúng tôi ghé lại một Hãng làm kẹo và xi rô bằng chất nước đường trong cây Maple. Maple là một thứ cây cao lớn, mùa lấy nhựa

người ta vào rừng cắt một vết ở thân cây làm máng cho nước chảy vào một cái thùng rồi chở về Hăng chế thành kẹo.

Một cô hướng dẫn bé nhỏ mặc đồng phục trắng mời tất cả mọi người vào phòng khách, chung quanh tường trang hoàng toàn những hộp kẹo đủ các kiểu, sản phẩm của hăng. Cô mời mỗi người một chiếc kẹo nếm thử trước khi đi xem cách làm. Chúng tôi lần lượt đi qua các phòng làm kẹo. Bắt đầu từ lúc nước ở thân cây Maple mới lấy đem về nấu sồi đặc lại thành xi-rô. Phải 40 lít nước nhựa Maple mới nấu thành một lít « Maple sirop ». Rồi từ xi-rô ấy nấu đặc lại thành chất đường đặc. Xong rồi chất đường đặc ấy đi qua các quá trình khác nhau để làm thành các thứ kẹo mùi vị hay hình dáng khác nhau. Cuối cùng là phòng các cô ngồi gói kẹo, chọn kẹo để cho vào hộp. Thế nghĩa là người ta ăn vài cái kẹo Maple cũng như đã uống một lít Maple vậy.

Cô hướng dẫn rất bé nhỏ, cô cất giọng nói thật cao và to cho tất cả mọi người nghe được, nhưng tiếng của cô vẫn bị tiếng của tất cả các thứ máy móc át đi. Cô gào khan cả giọng trông thật tội nghiệp.

Căn nhà bên cạnh người ta chiếu phim về cách làm kẹo. Bắt đầu từ lúc đoàn người đi lấy nhựa cây Maple. Phim trình bày từ cách lấy nhựa cõ truyền bằng xe ngựa kéo với những dụng cụ thô sơ, cho đến cách mới chõ bằng xe Jeep và dụng cụ tiện lợi hơn. Nhưng thực ra cách gì cũng khổ vì trời

lạnh tuyết đầy đặc trên khắp các đỉnh núi.

Ngay cạnh phòng chiếu phim là phòng bán sản phẩm của Hăng. Trong phòng người mua đông đầy, tất cả đều là du khách, những người vừa viếng hăng và xem phim xong ai cũng ghé lại mua hàng để dùng, tặng bạn bè hay mua vì thấy giá trị của mỗi miếng kẹo nhỏ ngậm trong miệng tan đi trong mấy giây là cả 1 lít nhựa cây trên núi tuyết đem và trải qua bao nhiêu vất vả mới làm thành. Tôi cũng mua một ít tuy không hảo ngọt tí nào cả.

Bài học thứ 12.

Nếu có Hăng hãy mở cửa cho công chúng vào xem và trình bày cách làm việc hàng sẽ bán chạy hơn.

Từ giả Hăng kẹo chúng tôi đi Bangor. Trên đường trông thấy một cái hồ rộng có nhiều hoa Ly-ly, cùng một giòng họ với hoa Sen của ta, đủ màu trắng đỏ vàng rất đẹp. Tôi xin dừng xe lại định nhổ vài rễ đem về trồng. Tôi lội xuống hồ chỗ nước cạn, cố dùng hết sức mạnh cũng chỉ rút được một vài cái rễ con không thể sống được.

Bài học thứ 13.

Trong một cuộc lữ hành lâu dài, phải mang theo một con dao, phòng khi có việc cần dùng bất ngờ.

Vùng này cạnh bờ nên nổi tiếng nhất về tôm hùm. Chúng tôi vào tiệm ăn món sản phẩm địa phương để xem có gì đặc biệt không. Món tôm luộc nguyên con đem lên bàn cho khách

gặm tôm tươi không phải ướp nước đá chờ đi, và để lâu, nhưng giá tiền 5 Mỹ kim một con thì khác khác gì với các nơi miền núi cả.

Về vấn đề khách sạn ban đầu có nhiều người mách nước, khuyên ông bạn nên đặt trước khách sạn kiểu đây chuyền, nghĩa là đến một khách sạn to, đặt trước ngày nào sẽ đến nơi nào để giữ chỗ. Vì nếu năm mùa du lịch lắm khách sạn đã có khách đặt trước suốt mùa. Tôi cho như thế là giống như chương trình Tổng thống đi kinh lý, chán chết! Ông bạn cũng muốn la cà thấy đâu có gì đẹp đặc biệt thì dừng lại không bị thời gian hạn chế. Thế là chúng tôi định tối đến tìm được khách sạn nào trước nhất còn phòng thì vào.

Lữ quán ở đây có Hotel như mọi người điều biết, «Motel» là loại nhà một căn nhỏ, có chỗ đậu xe ngay bên cạnh. Ngoài ra có những ngôi nhà to, chủ nhân ở một mình không hết, dùng làm nhà «Tourists». Bên trong chia ra nhiều phòng, nhưng không có đủ tiện nghi ngay trong phòng mà phải dùng chung. «Rooms» cũng cùng một loại. Loại này vì nguyên là một tòa nhà một chủ rất lớn, được đem dùng cho thuê đồ chân du khách nên không sang trọng như Motel hay Hotel. Loại «Cabin» cũng là một căn nhà nhỏ như Motel nhưng thô sơ hơn, phần nhiều ở những nơi thật hẻo lánh xa vắng. Về giá tiền thì Hotel đắt nhất vì ở ngay trong thành phố, phần nhiều hết chỗ nếu không đặt trước. Kể đến Motel,

đắt rẻ tùy theo xấu hay đẹp. Các phòng Tourists, Rooms, thì không đẹp và cũng không đầy đủ tiện nghi nên hơi rẻ hơn một chút.

Chủ nhật, 24-8-69.

Chín giờ sáng chúng tôi từ giả tòa nhà Tourists dẫn đi để tiếp tục chương trình lang thang. Hôm nay chúng tôi đi xem «Acadia Park». Trong từ điển chữ Park nghĩa là vườn hay công viên. Theo trí tưởng tượng của ta xưa nay thì vườn hay công viên chỉ là một vườn hoa và cây lớn độ vài mẫu là cùng. Park ở đây là một vùng rộng lớn từ vài chục mẫu cho tới vài trăm mẫu. Park có thể thuộc về thành phố hay Tiểu bang hay Quốc gia. Ở trong Park có rừng, núi, bãi bẽ, sông, hồ, thác, khu cắm trại v.v. đường lái xe hơi đi cả ngày không hết. Park là cả một hệ thống tổ chức toàn quốc to tát, có rất nhiều chuyên viên lo giữ gìn săn sóc chỉ dẫn cho du khách suốt năm.

Acadia Park là một trong những công viên rộng và danh tiếng thuộc tiểu bang Maine. Suốt một vùng núi và bẽ liền nhau, tạo ra một cảnh sắc tuyệt đẹp. Trước khi vào Park có một phòng thông tin phát bản đồ, tranh ảnh và những tin tức cần biết cho du khách. Chúng tôi đi theo bản đồ chỉ dẫn để khỏi bị lạc hay sơ sót mất những chỗ đáng xem.

Đến trưa chúng tôi nghỉ tại Thunder hole, một mồm núi đá đâm ra bẽ, sóng đánh lâu năm nên có một chỗ lõm vào thật sâu. Mỗi lần sóng đưa

vào đánh ầm một tiếng, nước lộn nhào trong hẻm đá nghe y như tiếng sấm thật, vì thế nên mồm đá ấy mới có tên Thunder hole.

Trong đám du khách đông đầy có một cô và một cậu đang đứng trên một phiến đá, du dương thế nào không đề ý nên một làn sóng lớn dội vào quét cô xuống bề. Mọi người kinh hoảng kêu cứu ầm ỹ. Một thanh niên nhẩy theo kịp kéo được cô vào bờ. Cô ngồi run cầm cập, đầu tóc áo quần ướt hết trông thật tội nghiệp. Mấy phút sau, thiên hạ lại tụ họp đông đầy quanh mồm đá Thunder hole, mỗi làn sóng lớn đánh vào, nước bắn tung toé lên ướt khắp người, họ lại hò reo vui vẻ. Cái hình ảnh một người vừa bị rơi xuống bề như đã xảy ra từ một thế kỷ nào trước.

Lúc về đi qua một hồ có hoa Ly ly ông bạn chiều lòng đề tôi xuống hái. Tôi xắn quần lội xuống nước tìm thấy gốc mà không thể nào kéo nổi. Những cây này có lẽ đã mọc từ hàng chục năm nên rễ to bằng bắp chân, dài hàng chục thước, lan ra, đâm sâu xuống chằng chịt ngang dọc khắp hồ.

Ông bạn dọa tôi :

— Người giữ Park đi tuần qua đây bắt cô, tôi không giúp gì được đâu nhé !

— Anh đừng lo. Tôi có cách trả lời không chê vào đâu được.

— Cô nói cho tôi nghe trước xem có thông không đã.

— Tôi sẽ nói là chúng ta đang

nghiên cứu một con ếch. Tôi chụp bắt nó chẳng may đánh rơi cái nhẫn xuống hồ. Đó là lý do lại sao tôi xắn quần tìm tòi trong bùn. Như thế nghe có được không ? Chắc là nghe xong ông ấy động lòng thương cũng xuống hồ tìm giúp tôi.

Ông bạn gật gù cho đó là thông minh vật nhưng cũng tạm dùng được.

Xem khắp nơi suốt ngày xong chiều tối đến chúng tôi lại sa vào một cái nhà Tourists độc nhất còn phòng trong vùng. Nhà này có một bà cụ già độ 80 tuổi trông nom. Bà cho biết tòa nhà này xây đã 150 năm của tổ tiên để lại. Bên ngoài trông thấy đá và gạch thực chắc, có vẻ như còn đứng được vài trăm năm nữa là ít. Nhưng những tòa nhà cổ được vẻ đẹp bên ngoài thì bên trong lại kém tiện nghi. Phần nhiều chỉ có một hay hai phòng tắm cho tất cả mọi người trong tòa nhà. Bà cụ trông có vẻ lẫn lộn thần mất mớ tai điếc nên hỏi gì cũng trả lời vớ vẩn chẳng ra đâu vào đâu cả. Trong phòng tuy có khăn mặt sạch nhưng cũ kỹ như bà cụ, lại không có xà phòng mới riêng cho mỗi khách hàng nên tôi thấy ghê ghê thế nào ấy.

Bài học thứ 14 :

Đi du lịch cũng nên đem theo xà phòng và khăn mặt, khăn tắm, phòng khi lỡ độ đường cần dùng đến.

Điều đặc biệt của tòa nhà này là chung quanh trồng rất nhiều hoa trông giống như hoa Vạn-Thọ ở Huế. Tôi thử mở một vài cánh hoa ra xem

ngửi mùi hương quả thực đúng là hoa Vạn Thọ. Bông hoa kỷ niệm gợi lại thời kỳ thơ ấu xa xưa làm tôi thấy nhớ nhà kinh khủng.

Thứ hai, 25-8-69.

Sáng hôm nay chúng tôi định qua bờ sang đảo Swansland. Nhờ mất chuyến 9 giờ sáng, phải đợi đến 3 giờ 45 chiều mới có lại một chuyến khác.

Tôi hỏi ông bạn :

— Ở bên ấy có gì đáng xem ?

— Tôi không biết nhưng đến chiều lúc sang đến nơi chúng ta sẽ biết.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi cho xe chạy vòng chung quanh vùng xem phong cảnh. Có nhiều chỗ người ta luộc tôm hùm và sò bán ngay giữa đồng. Từng bể tôm hùm hàng trăm con còn sống bò lồm ngồm. Khách hàng chọn con tôm muốn mua, chủ quán cân và luộc tôm ngay tại đấy cho khách mang đi.

Xem khắp cả rồi chúng tôi về lại bến đò định đậu xe ngay hàng đầu để lúc xà lan cập bến được sang trước nhất. Đến nơi thấy đã có độ 10 xe đang chờ sẵn. Một xà-lan chở được 15 xe thôi, may quá còn kịp !

Vì mỗi ngày xà-lan qua và về chỉ có vài chuyến nên khi nào đúng giờ, phòng giấy mới có người mở cửa bán vé. Nhìn qua cửa kính thấy bên trong nhà bán vé có phòng khách thảm dày không một vết bẩn, cửa toàn kính nhìn ra bờ rộng bao la bên cạnh sườn núi đá tuyết đẹp. Trong phòng xa hơn có những phòng

nhỏ nhìn rõ chữ «Rest room» cho đàn ông, đàn bà riêng biệt cẩn thận. Tất cả mọi tiện nghi đều chuẩn bị chu đáo toàn thiện đến thế ; chỉ tiếc là cửa ra vào khóa chặt nên nhiều người ôm bụng chạy vòng quanh tòa nhà tìm lối vào, mặt nhăn nhó như khi ăn gừng, lay thử hết cửa này đến cửa khác mà không có cách gì vào được.

Có nhiều gia đình đem theo cả đàn con bé, các em thay tã, ăn và bú ngay dưới trời nắng chang chang, hay nếu ngồi trong xe thì thấy nóng như cái lò hầm.

Nhìn cảnh trời nắng như thiêu, mấy chục người đứng ở một nơi đồng trống, không có bụi bờ gì để có thể nấp bóng. Có một tòa nhà đầy tiện nghi sừng sững ra đấy như kêu gọi như quyến rũ mà không thể dùng được. Tôi chợt thấy thì ra chúng sinh ngoài cái khổ sanh lão bệnh tử, còn một cái khổ tuy nhỏ nhặt mà nó cũng bất tiện làm sao !

Qua bờ mất nửa giờ. Lên bờ rồi chúng tôi cho xe chạy vòng quanh tất cả những con đường có ở trên đảo. Đảo này dân cư sống bằng nghề bắt tôm hùm bán sỉ cho người ta chở đi khắp nơi. Nếu ai muốn sống dân dã thanh nhàn tinh khiết thì nên ra đây ở. Đảo không có nhà máy, ống khói, phố xá tấp nập đèn xanh đèn đỏ gì cả. Đảo chưa bị bụi văn minh làm dơ bẩn không khí, nước, và thanh âm nhiều loạn cũng chưa xâm nhập được đến đây. Đảo còn nguyên vẹn trình trảng vẻ đẹp của núi, bờ và đá ở dưới vùng trời mây không vương bụi.

Ngoài bề lênh đênh hàng nghìn cái phao ngũ sắc của những dỏ tôm hùm. Những phao tô màu sắc khác nhau để cho chủ nhân có dỏ ấy nhận được mà vớt về. Trên đảo không có khách sạn và không có tàu về, chúng tôi nhờ cô chiêu đãi của một tiệm ăn độc nhất của đảo tìm chỗ trọ. Cô giới thiệu về nhà bà nội cô thuê phòng. Thì ra mẹ cô mở tiệm ăn này, ông bà của cô có phòng cho thuê, gia đình cô này có vẻ nắm hết kinh tế toàn đảo.

Ông bà chủ nhà mời chúng tôi ngồi ở phòng khách để xem mặt trời lặn đằng sau nhà ông. Trên bề mặt trời chiều đang lặn, đỏ rực như một vùng trời và bề toàn bằng lửa hồng. Tôi nghĩ đến thời thượng cổ người ta thờ phụng mặt trời, thuở ấy không có khói nhà máy, hơi xăng xông lên trời nên không khí còn trong sạch mặt trời mới đẹp rực rỡ long lánh muôn ngàn màu sắc, người ta thờ phụng, yêu mến và muốn chiêm ngưỡng cũng phải.

Sáng hôm sau chúng tôi đi chuyển xà lan đầu tiên qua bề. Suốt ngày chúng tôi đi hết thành phố này đến thành phố khác. Ông bạn chỉ nhắm vào các Viện bảo tàng nhất là các Viện bảo tàng về hải học.

Chiều tối trời bắt đầu mưa to. Mãi tới khuya chúng tôi mới tìm được một cái «Cottage» bên đường thiên lý cho thuê. Xe lại bị dột cho nên suốt dọc đường phải vừa lái xe vừa hứng nước dột.

Bài họ thứ 15;

— Lúc thuê thấy xe mới đẹp, có máy lạnh và trả giá đắt, cũng phải thử xem xe có bị dột không.

Tìm được nhà trọ rồi thì vì ở giữa đường không gần một thành phố nào cả nên không có tiệm ăn. May trong xe còn sót một hộp cá nhỏ. Lần đầu tiên ăn cá hộp và uống nước lã trong máy mùi vị nhạt nhẽo chẳng đâu vào đâu cả. Tôi phải vừa ăn vừa tìm cách nói đùa cho đỡ chán.

Thứ Ba, 26-8-69.

Suốt ngày lang thang xem tất cả những nơi đáng xem trong vùng. Điều đặc sắc của vùng New England này là có rất nhiều nơi bán đồ cổ. Xe chạy độ vài dặm lại thấy bản đề «Antiques» bên đường. Chúng tôi tò mò vào một vài nơi xem thấy đầy nhà toàn những bàn ghế long chân, đèn thủy tinh treo trần nhà, khung ảnh, bát đĩa v.v... Tất cả đều cũ kỹ bụi bặm mốc meo. Có lẽ đó là những di vật của Cụ tổ gia đình, hồi bỏ nước di cư mang theo sang. Bây giờ cuộc sống thay đổi, con cháu vứt đi thì tiếc, để lại thì vô dụng chật nhà nên họ treo bản «Bán đồ cổ», may ra bán được cái nào hay cái ấy.

Đến thành phố Salem chúng tôi bận rộn nhất vì có những 16 tòa nhà lịch sử phải xem. Trong số đó có một tòa nhà xây từ năm 1868, nơi nhà văn Hawthorn đã cảm hứng viết cuốn chuyện nổi tiếng «House of seven gables».

Tôi ngắm mãi tòa nhà «Witch House», nơi người ta xử đốt những

người phù thủy ngày xưa. Tôi không biết có nên tin những chuyện mù phù thủy cõi cái chồi bay trên trời, biến thành con mèo đen trong sách trẻ con ấy không.

Ông bạn bảo :

— Ngày xưa khi một người nào bị người ta ghét thì họ bảo người ấy là phù thủy. Họ thiêu sống phù thủy không cần tra xét chứng cứ gì cả. Chỉ mang danh từ phù thủy là đáng chết lắm rồi. Ngày nay văn minh nên chỉ đổi ra thành một danh từ khác, cách chết cũng khác, nhưng thực ra mục đích cũng giống nhau.

— Tôi không tin là bây giờ có một danh từ ghê gớm để người ta nói lên là đủ giết người khác như chữ phù thủy ngày xưa.

— Tôi có thể nói ra 12 chữ. Nhưng tôi chỉ cho cô một chữ làm ví dụ thôi. Ví dụ một người bị lên án là «phản động» dưới chính thể nào cũng thập tử nhất sanh cả.

Mãi đến tối chúng tôi mới đến thành phố Marble Head. Thấy tòa nhà Tourists to lớn hùng vĩ quá, chúng tôi say mê kiến trúc nên nhất định vào thuê phòng. Nhà này cỡ đã hơn 100 năm, có một bà cụ già ời là già trông nom. Bà cụ mặc một bộ áo dài lễ phục loại sang trọng. Chỉ phải có bộ áo ấy cũng cỡ như bà nên rách nát cũ kỹ, bạc màu, giầy giải lòng thông rách nát tả tơi. Bà dẫn chúng tôi đi viếng từng phòng để xem đồ cổ. Những bàn ghế, giường, đèn, tranh ảnh v.v... Cái gì cũng như nói lên :

— Lão đã 520 tuổi rồi đây, con ời !

Bà khoe với tôi cái ảnh bà chụp lúc còn trẻ. Tôi khen bà đẹp như minh tinh. Bà nghe khen mừng quá chịu ngay. Thì ra ngày xưa bà đã từng đóng phim câm.

Theo thống kê thì thường thường đàn ông chết sớm hơn đàn bà độ 10 năm, mà đàn ông lại thích lấy vợ trẻ hơn độ 10 tuổi. Kết quả là 20 năm cuối cùng của cuộc đời bà vợ già nua, ốm yếu, lảm càm phải sống một mình cô đơn trong tòa nhà vắng lạnh. Con cái thành nhân lập gia đình sinh sống nơi khác. Thỉnh thoảng nó gửi cho một cái thư là nay lắm rồi. Thực ra nghĩ kỹ lại thì cũng có lỗi các cô một phần. Cô nào 20 tuổi cũng muốn lấy chồng 30 tuổi. Tuổi ấy người đàn ông học hành thành tài rồi, có sự nghiệp rồi, lắm khi giàu nữa là khác, một bước nhẩy lên bà khỏi phải mất công chờ đợi có phải tiện biết bao nhiêu không !

Bây giờ bà già này phải sống một mình trong tòa nhà cỡ có 8 phòng cho thuê để sinh sống, thỉnh thoảng có một người khách hàng như tôi để bà đem ảnh chồng ảnh con, ảnh của cuộc đời minh tinh ngày xưa ra khoe, coi bà có vẻ sung sướng quá chừng.

Trả tiền phòng xong chúng tôi đi xem Viện bảo tàng, nơi có bức tranh nổi tiếng «Spirit of 1776» của A.M. Willard vẽ năm 1876.

Xem những kỷ niệm lịch sử của thành phố mãi đến lúc về bị lạc, thấy con đường nào cũng giống con đường

nhận ra được dấu vết để về nhà trọ. Chúng tôi phải ra khỏi thành phố trở vào lại giống như con đường đã vào lúc ban đầu mới tìm ra được.

Vào phòng tôi thấy chủ nhân không cho khăn tắm xà phòng gì cả, tuy giá tiền phòng đắt hơn cả tiền Motel. Bà già hà tiện quá đến nỗi giấy ở phòng tắm cũng không có. Tôi phải ghi vào sổ tay để làm kinh nghiệm về sau:

Bài học thứ 16:

— Phải đem theo các thứ giấy phòng khi cần dùng.

Tôi lấy cái ấm điện ra định nấu một ấm trà nóng uống, nhưng loay hoay mãi với tất cả những chỗ cắm điện vẫn không nấu được. Dây điện của tòa nhà cổ cũng đâm ra thành đồ cồ nổi nên bỏ ra từng đoạn. Nhà kiểu dinh thự thời xưa nên trần nhà cao gấp đôi kiểu nhà mới bây giờ, đã thế lại không có lò sưởi nên lạnh kinh khủng.

Tôi mang theo cái đệm nhỏ, cắm điện vào vừa đủ ấm một khoảng sau lưng. Cái đệm điện bé nhỏ này đã giúp tôi đỡ lạnh tất cả mọi nơi, nhưng đem ra cắm ở đây thì cắm đâu điện cũng không vào. Không biết bà già cao tay ấy đã dùng cách gì mà khách hàng không thể nhờ vào một tí điện nào của bà cả, ngoài ngọn đèn mờ treo trên trần nhà cao tít. Và vì đèn mờ quá nên không trông thấy khắp sàn nhà và thậm chí nhà đều đầy bụi. Tôi sờ đi trông thấy được là vì trong lúc bò lăn trên sàn nhà để tìm các chỗ cắm điện bị thờ phài bụi.

hắt hơi như điên.

Bài học thứ 17:

Đừng thấy tòa nhà cao to đẹp để hùng vĩ bên ngoài và thuê đắt tiền mà tưởng là sẽ được hưởng đủ tiện nghi.

Thứ Năm, 28-8-69.

Xem xong thành phố Boston đến Cambridge vào trường đại học M.I.T. La cà khắp nơi xem những tòa nhà kiến trúc rất đặc biệt của trường, chụp ảnh chán chê rồi chúng tôi mới vào phòng ăn sắp hàng theo sinh viên. Qua hai dãy bàn để đồ ăn, ai muốn ăn gì tự chọn, qua cửa theo số đồ ăn mà trả tiền. Chúng tôi tìm được một bàn còn hai ghế trống, cùng bàn với hai người Nhật. Cô gái Nhật rất đẹp, cô ăn nhắm nhấp từng tí một, mặt cô trông vẫn tươi như hoa. Còn người đàn ông Nhật thì trông đau khổ hiện ra trên mặt. Còn gì khó chịu bằng dân quen ăn cá kho, thịt bò xào với xì dầu v.v. mà phải ăn thịt bò băm nhào lẫn với ruột bánh mì; nhão nhẹt vô vị vô duyên thế nào ấy. Tôi không đến nỗi đau khổ như vậy vì đã bị thử nhiều lần rồi. Kinh nghiệm cho biết rằng khi đi nhà hàng ăn cơm Âu Mỹ mà tự biết mình khó tính kén ăn thì chỉ nên chọn thịt bò bít tết thì không bao giờ phải chịu cảnh ăn thì khổ bỏ thì đói.

Nhìn quanh phòng ăn thấy hàng mấy trăm cái bàn đều đầy người. Nhiều người vừa ăn vừa đọc sách, vừa ăn vừa học. Tôi nhớ đến bức thơ

của một người bạn trẻ viết : « Trường M. I. T. (Massachusetts Institute of Technology) này thật không dễ như em tưởng. Thảo nào mà nổi tiếng nhất nhì trong nước Mỹ. Ở đây sản xuất những nhà khoa học gia đại tài cơ mà ! Nhìn thiên hạ học gạo mà phát khiếp. Nhiều anh ngay từ đầu khóa đã đem mền vô thư viện ngủ đề học cho tiện. Thư viện mở cửa 24 giờ suốt ngày đêm. Tụi hần chăm và thông minh quá, làm mình chạy theo trời chết».

Thành Phố Cambridge này cũng còn có một trường Đại học nữa là Đại học Harvard cũng nổi tiếng không kém. M.I.T. thiên về khoa học hơn, Harvard thì có đủ cả. Hai trường cùng là trường tư nên rất đắt, mà càng đắt thì sinh viên càng học gạo đề cho xứng với đồng tiền phải trả. Sinh viên càng học thì càng giỏi và càng giỏi thì trường càng nổi tiếng. Cái vòng lẩn quẩn cứ thế mà quay tròn.

Viếng trường Harvard xong chúng tôi ra khỏi thành phố đến Plymouth. Nơi đây đặc biệt có chiếc tàu May Fair lịch sử. May Fair là chiếc tàu đầu tiên chở dân di cư từ Âu Châu đến. Khi tàu vừa đến nơi thì bị gió thổi tấp lên ngay vào bờ đá. Đề kỷ niệm, người ta đặt làm một chiếc tàu giống y như tàu May Fair ngày xưa, chở từ bên Anh sang đậu ở bến cho thiên hạ lên tàu xem, cố nhiên là phải mua vé, đề lấy lại vốn đóng tàu và tiền giữ gìn chiếc tàu.

Dưới bến có ba cô gái bé đang

thả diều. Tôi đến làm quen nói chuyện, một cô mách cho tôi biết :

— Thành phố Plymouth chúng tôi sắp ăn lễ kỷ niệm 300 năm.

— Thế à ? Chắc là vui lắm. Cô có thích không ?

— Cố nhiên là vui, nhưng mà cũng tốn nhiều tiền lắm.

— Ai quyết định các chương trình và cuộc vui ?

— Cố nhiên là những « Ông lớn».

— Các cô không thích xem lễ kỷ niệm à ?

Cô bé thứ ba xen vào :

— Hừ, hừ, cũng thế thôi. Những ông lớn thích làm cho to, cho oai vang cho náo động tất cả mọi nơi vì có mục đích riêng. Họ sẽ được diễn thuyết la hét, đứng trước dân chúng, chào cờ, duyệt binh. Họ muốn dân chúng nghe tên họ, thấy mặt họ, báo đăng tên họ, ca tụng họ, Tivi truyền hình họ đi khắp nơi, đề họ nổi tiếng thêm. Hy vọng có ứng cử gì thì thiên hạ nhớ tên mà bầu.

Cô bé đầu tiên đỡ lời :

— Họ nói làm to chuyện đề hấp dẫn du khách đến. Nhưng dân nghèo phải è cò ra đóng thêm thuế đề chi tiêu vào phí tổn của cuộc lễ thì chẳng thấy ai nghĩ đến giùm.

— Thế cô không thích du khách sao ? Du khách nhiều thì đem sự phồn thịnh đến cho thành phố của cô cơ mà !

Cô bé có vẻ giận :

— Du khách ngày nào mà chả có ! Cô chả đến đây hôm nay là gì ! Nhưng người đang sắp hàng mua vé lên xem tàu May Fair kia chả đến đây là gì ? Vừa phải thì thành phố có lợi và cung cấp nổi. Nhiều quá đâm khổ dân. Giá sinh hoạt, giá tiền nhà cửa, thực phẩm gì cũng tăng. Thành phố sẽ thành chật chội bần thiêu, nhiều người cố nhiên là có nhiều rác bần. Thải vật chầy theo cống ra bể làm bể cũng bần thiêu dơ uế, không bơi lội được, cá cũng trúng độc mà chết.

Thấy cô bé thảo luận như người lớn tôi phục lẫn :

— Tôi chắc một ngày kia cô phải ra ứng cử làm Thị Trưởng thành phố.

Cô bé gật đầu :

— Có thể lắm. Máy ông bà Thị Trưởng, lúc chưa đắc cử thì hứa hươu hứa vượn với dân chúng. Lúc được ghế rồi thì lo phục vụ cho bọn giàu. Lúc muốn tiêu tiền chỉ muốn tiêu cho sang cho oai cho sướng. Ngân sách thiếu thì đánh thuế phụ trội thêm cho đủ, không hề nghĩ đến thằng dân è cò ra đóng thuế cắt đầu không lên.

Cô bé phát biểu ý kiến tưng bừng như người lớn, nên tôi cũng thấy ngửa miệng muốn góp ý :

— Này cô em, tại một nước ở Á Châu, khi một người đưa tiền cho một người khác để nhận được một ân huệ đặc biệt, thì bị gọi là « hối lộ ». Nếu bị khám phá ra thì cả

người cho và người nhận đều bị bỏ tù. Còn ở một nước văn minh Âu Mỹ thì sự cho tiền ấy gọi là « contributions ». Cuối năm lúc thanh toán thuế má với chính phủ, số tiền ấy được khai vào giấy tờ và được miễn thuế.

Cô bé gật gù :

— Nhưng điều khác nhau là người ta « hối lộ » khi ông ấy đã nắm được quyền rồi, nên mới bị tội. Còn cho « contributions » mà được vô tội lại miễn thuế nữa là vì người ta dùng tiền ấy để vận động cho ông được đắc cử.

— Vậy thì điểm giống nhau là ông có bốn phận không được quên ơn người đã đưa tiền cho mình tiêu. Nhận tiền rồi bảo gì mà ông chả làm !

Chúng tôi thấy Âu Á đã gặp nhau ở điểm này nên cùng ném tung điều lên trời cười vang.

Thầy ông bạn ra hiệu phải đi, tôi bèn từ giã cô bé. Vội vàng quá quên không hỏi tên cô bé để xem độ 15 năm nữa, cô có làm gì quyền cao chức trọng không, và có giữ lời hứa với dân chúng không, hay nhận nhiều « contributions » quá rồi cũng ghen hòng như ai vậy.

Rời Plymouth, chúng tôi đi về phía Cape cod. Sau vụ ông Kennedy và cô bạn bị tai nạn, xe rơi xuống nước, cô bạn bị chết trong xe, Cape Cod hấp dẫn thêm một số du khách tò mò. Chúng tôi không muốn xem chỗ xảy ra tai nạn nhưng

chương trình định đi Cape Cod nên chỉ đi dọc theo bờ biển. Cape Cod hình giống như một cái lưỡi câu chọc ra bờ biển, chung quanh toàn bề bao bọc chỉ có một góc nối với đất liền. Nói rằng Cape Cod tuyệt đẹp thì rất đúng; nhưng tôi cũng nhớ đến những bãi biển vô danh hay có tên nhưng chưa có tiếng ở Việt Nam cũng tuyệt đẹp như vậy. Ở Việt Nam có nhiều bãi biển tôi đã có dịp đi viếng ngày xưa, những bãi thực xa vắng tận những làng đánh cá nhỏ xa xôi, hay có những bãi ngay sườn núi đẹp hơn cả những bãi đã được nổi tiếng, chỉ tiếc rằng ta chưa hề có dịp khai thác.

Cape Cod được khai thác từ lâu nên đã thành ra một nơi nghỉ mát sang trọng. Chúng tôi chỉ có một ngày ở Cape Cod nên cố đi khắp nơi để xem cho đủ. Suốt dọc bờ biển, Hotel, Motel nằm san sát. Nhiều cái quảng cáo ngoài những tiện nghi ra còn có câu «ngắm bãi biển riêng». Chúng tôi và một vài du khách khác đậu xe ở mũi nhọn nhất của Cape Cod xem mặt trời lặn. Từ lúc bắt đầu lặn cho đến khi tắt hẳn, chung quanh chỉ có trời, biển và một vùng hào quang đỏ rực rõ huy hoàng, làm cho không ai muốn rời bỏ nơi không khí trong sạch trở về thành phố hít bụi nhà máy.

Không còn một chỗ trọ nào tại Cape Cod, vì nơi đây toàn là khách hàng dặn phòng hàng tháng hay hàng tuần trước, nên những khách lỡ đường như chúng tôi phải ra khỏi Cape Cod, trở về đường xa lộ mới có những Motel bên đường may ra còn phòng. Mãi đến 10 giờ tối chúng tôi mới

gặp được một nơi còn treo bảng «Vacancy». Đây là loại Cottage, đất gấp đôi các nơi khác vì vẫn còn thuộc phạm vi sang trọng của Cape Cod. Cottage tuy nhỏ nhưng sạch, đẹp và tiện nghi đúng mức. Lần đầu tiên tắm nước nóng dội lên người mà không thấy ghê ghê như làn nước nóng trong những tòa nhà cổ trăm năm của những bà già Liêu Trai.

Thứ Sáu 29-8-69.

7 giờ sáng chúng tôi lên đường đi New Bedford để xem một Bảo tàng viện đặc biệt về Cá Voi. Ông bạn vốn mê cá Voi nên đến đâu cũng tìm xem.

Vừa bước vào Viện Bảo Tàng thấy một chiếc tàu đánh cá Voi to bằng tàu thật nằm ngay chính giữa phòng, cao vượt lên đến những tầng lầu trên. Viện này đặc biệt về cá Voi nên phần nhiều chỉ trưng bày những đồ thuộc về cá Voi. Hàng trăm chiếc tàu nhỏ đủ kiểu, những dụng cụ đánh cá và sản phẩm làm toàn bằng xương và răng cá.

Trước Viện Bảo Tàng có một nhà thờ nhỏ dựng từ năm 1832 để kỷ niệm những người tử nạn vì cá Voi. Chúng tôi vào nhà thờ xem thấy trên tường treo đầy những bảng đá khắc lý lịch của những nạn nhân: tên tuổi, quê quán, ngày sinh, ngày xảy ra tai nạn, và tai nạn như thế nào.

Chỗ Cha đứng làm lễ trong nhà thờ không phải là một cái đài gỗ như mọi nơi, nhưng là một cái mũi tàu nhô ra cao vượt hẳn lên. Ông

bạn cho biết có một cuốn sách rất nổi tiếng viết về nhà thờ này tên là «Moby Dick» lúc về nhà phải tìm mà đọc.

Chung quanh nhà thờ có những nhà bán đồ cổ, quả thực là tôi rất dốt trong ngành này. Nếu một nhà khảo cổ trông thấy chắc thích lắm, nhưng giá ai cho tôi những món này tôi chỉ cảm ơn mà không dám nhận. Lý do là đề chật nhà, dùng thì không dám vì đắt và quý quá, mà không dùng đến thì vô ích, thôi đành để cho những người có đủ điều kiện thưởng thức những món đồ cổ quý giá này. Ông bạn ngắm đi ngắm lại một cái tượng oải g gỗ chạm một người đàn ông đứng hơi nghiêng người về phía trước. Đây là một cái tượng loại tượng ngày xưa người ta chạm ở mũi thuyền, thường là một Nữ thần bảo hộ cho thuyền. Thấy ông bạn đi không dứt, tôi đề nghị chụp một cái ảnh ông bạn cũng vòng tay, một chân nghiêng, một chân quỳ điệu bộ giống hệt như cái tượng ấy, để đem ảnh về nhà xem cho đỡ ghiền. Hỏi giá chủ nhân cho biết tượng gỗ này phải 35 ngàn Mỹ kim mới mua được. Chủ nhân túm được chúng tôi cứ nói chuyện mãi không chịu buông tha. Những tiệm đồ cổ như thế này, người xem thì nhiều, người hỏi thì ít. Người mua chắc cả năm mới có một mối hàng. Vớ được chúng tôi, xem mà không sợ hỏi, tuy không mua nhưng cũng biết giá trị của quý vật, chủ nhân cho là gặp tri kỷ không muốn rời cũng phải.

Đọc chuyện Tàu xưa đến hồi tả những cuộc gặp gỡ ý hiệp tâm đầu bất cứ về một ngành gì như thế này, thì thế nào các nhân vật cũng giết heo dê tế lễ kết làm huynh đệ, may chúng ta ở vào thời mới nên phải giữ đúng chương trình, nghiêng răng cắt đứt câu chuyện để tiếp tục lên đường.

Trạm cuối cùng của chúng tôi là «Old Sturbridge Village». Làng này ở trong một vùng đất rộng 200 mẫu, Bên trong làng là một thế giới khác hẳn. Cuộc sống của dân chúng, y phục, nhà cửa, nghề nghiệp, tất cả đều giữ y như thế kỷ thứ 17.

Làng này do anh em nhà họ Well thành lập từ năm 1920. Lúc bắt đầu Ông Well chỉ là người thích sưu tầm đồ cổ, các thứ khí cụ, nông cụ, dụng cụ, bất cứ vật gì dính dáng đến sinh hoạt hàng ngày như bàn ghế, giường tủ, đồng hồ, đồ đất, đồ đồng, cây bừa v.v. của suốt vùng New England cổ.

Dần dần đồ thu tập càng ngày càng nhiều và anh em nhà ông Well càng nổi tiếng, nên họ có ý định triển lãm cho thiên hạ cùng được xem. Triển lãm đây không phải là để vào tủ kính như Viện Bảo Tàng, nhưng là xây dựng lại một làng cổ, một cuộc sống thực y hệ như thế kỷ thứ 17.

Thế là họ lấy 200 mẫu đất, dựng lên một làng với những nhà cửa, tiệm, máy xay bột chạy bằng sức, nước tiệm rượu, đình làng, thợ đúc, thợ làm chổi, dệt vải kéo sợi v.v... Những người làm việc ăn mặc theo lối cổ, và ngoài những người làm việc, họ còn thuê một số người chẳng làm gì cả. Ngồi tán

gấu dưới bóng cây, cô gái đi dạo thơ thẩn hay đọc sách trong vườn hoa, mấy bọm nhậu chuyện trò trong tiệm rượu, đó cũng là một việc cho có vẻ sống thực.

Du khách vừa bước vào cửa mua vé xong họ đưa cho một bản đồ trong làng, vẽ rõ ràng tất cả những tòa nhà của làng, cứ theo thứ tự mà xem 37 tòa nhà, nơi nào cũng là một nếp sống thời xưa. Đường trong làng quanh co, cầu gỗ, đường mương, không hề có một dấu vết văn minh nào. Cổ nhiên những người trong làng là những nhân viên làm việc dài hạn. Mỗi sáng họ đến thay quần áo, làm việc của họ, tối hết giờ làm việc lại thay quần áo ra về với thế giới nhà máy điện nước Ti vi.

Du khách đến thăm làng, chỉ nhìn qua cảnh tượng bên ngoài, thấy mình như lạc vào một thế giới cổ sơ, không khí trong sạch vì không có nhà máy và xe hơi tung khói bụi, tâm hồn thanh thoát vì không có những tiếng động máy móc, kỳ lạ tung búng, thời gian trôi một cách thong thả, mọi người đều làm việc bằng tay, đâu đâu cũng chỉ thấy những nét mặt tươi cười chất phát đón tiếp.

Tôi cũng cảm thấy dễ chịu như ai, nhưng vẫn không khỏi bận tâm nghĩ đến sau cái vẻ dân dị thô sơ này là cả một tổ chức quản trị văn minh, để duy trì cái làng không văn minh này.

Theo thống kê thì từ khi 'hành lập đến nay đã có hơn 5 triệu người đến viếng làng. Trong số đó có 80.000 học sinh. Còn du khách thì khắp nơi trong nước Mỹ và thế giới đến viếng.

Theo bản đồ chúng tôi xem «Herb Garden» trước. Đây là một cái vườn trồng toàn cây thuốc. Âu cũng như Á, ngày xưa người ta dùng các thứ cây thuốc để chữa bệnh. Nhưng bây giờ nói đến «herb», ai cũng nghĩ ngay đến các thứ rau có mùi thơm khác nhau để dùng làm gia vị nấu bếp. Trong bếp nhà nào cũng có một cái giá đóng lên tường để từ 12 cho đến 36 lọ «herb» đủ các loại. Thực ra thường dùng chỉ cần 5,6 thứ là đủ; còn tất cả là để làm cảnh và để lờ bạn bè bà con rằng ta đây là một tay nấu bếp giỏi.

Trong vườn một cô gái ăn mặc kiểu cổ đang lượn đi lượn lại, sờ la này, sờ hoa nọ. Đó là công việc của cô: Dạo vườn giả vờ hái thuốc cho thiên hạ chụp ảnh.

Tôi hỏi cô:

— Công việc của cô nhàn quá nhỉ. Cô là sinh viên phải không?

Cô cười:

— Vâng, sang năm tôi sẽ vào Đại học. Tôi chỉ làm bán thời gian ở đây thôi. Khi nào đủ tiền đi học thì tôi thôi.

— Cô có thích ăn mặc thế này không?

— Không sao, chúng tôi coi như

một thứ đồng phục của sở làm. Xong việc rồi tôi sẽ thay váy mini, lái xe thể thao của tôi đi học.

Vào trong nhà thuốc, tôi thấy có nhiều cô gái trẻ đang ngồi gói thuốc. Trong nhà mùi thuốc thơm ngát, hàng trăm bó «herb» phơi treo lỏng đong khắp nơi.

Chúng tôi lần lượt đi xem từng nhà trong làng. Cái máy xay bột mì chạy bằng bánh xe nước ở đây bây giờ là cái máy chạy nước độc nhất ở nước Mỹ.

Ông bạn xem gì cũng thú vị, thấy tôi có vẻ dửng dưng, ông ngạc nhiên hỏi :

— Những đồ vật này toàn từ thế kỷ thứ 17, 18; tôi sinh ra ở thế kỷ 19 nên chưa thấy cách sinh hoạt và những dụng cụ này. Tôi rất thích xem còn, cô tại sao lạnh thế ?

Tôi không muốn nhận là mình tuy cũng sinh ra ở thế kỷ 19, nhưng lại sống trong khung cảnh 17, 18 mãi, những vụ kéo tơ, dệt vải, cấy bừa ấy thường lắm rồi, nên chỉ âm ỉ cho qua, nhưng từ đấy giả vờ ngạc nhiên chú ý lắm.

Tòa nhà cuối cùng là nhà triển lãm và bán những sản phẩm của dân làng làm ra. Nào là nển, herb, loại nấu bếp, loại ướp trong gói hay y phục cho thơm, loại làm các thứ trà, bánh kẹo, bột mì, vải vóc v.v.

Xem hết thì trời vừa tối. Chúng tôi phải vội vàng đi tìm chỗ trọ. Đêm nay là đêm cuối cùng, vì sáng mai

phải đến phi trường Hardfort trả xe, đáp máy bay về nhà. Chúng tôi kiếm được một Motel bên đường rất đẹp, có máy lạnh, tắm dầy, ti vi, có thể gọi là chỗ trọ sang nhất trong suốt cuộc hành trình của chúng tôi. Ông bạn rất mừng vì cũng muốn quên những tòa lâu đài, Tourist cồ hàng trăm năm với tất cả những sự thiếu thốn vừa qua.

Trên máy bay ông bạn bảo :

— Sang năm tôi còn một buổi họp ở nơi khác. Cô đề dành 2 tuần nghỉ phép đi thì vừa.

Tôi hỏi lại :

— Tại sao anh vẫn còn muốn chịu khổ với tôi ? Làm tài xế lái xe suốt cả hơn nghìn dặm, tôi chả đòi tay lái cho anh tí nào. Phục vụ đến khổ !

Ông bạn cắt nghĩa :

— Vì đời tôi chưa từng thấy người bạn đồng hành nào dễ chịu như cô. Suốt 2 tuần lễ trên quãng đường mấy nghìn cây số; lắm khi mệt mỏi, đói, lạnh, khát, chán, buồn ngủ mà tôi không bao giờ thấy cô cầu nhàu gắt gỏng, phàn nàn gì cả. Còn kiếm đâu ra được một người bạn đồng hành lý tưởng như thế.

Bài học cuối cùng :

Đi du lịch với người bạn đường đừng phàn nàn mè nheo thì còn nhiều hứa hẹn về sau.

LINH BẢO



THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP LỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN

Bóng cây cho mai sau

NHẬT KÝ CỦA NGUYỄN VĂN-ĐIỀN

Những ngày tháng từ Bệnh viện Nguyễn văn Trỗi.

Đối với tôi, ghi một nhật ký là điều bất thường. Tôi có điên không đây ? Có bao giờ tưởng tượng đến một lúc nào đó, mình có riêng một cuốn sổ nhỏ, giấu hết anh em bạn bè, ghi những công việc và cảm nghĩ từng ngày ? Mình đã từng ghét cái trò mọn hết-sức-đàn-bà này : một tập giấy xanh, những giòng lưu bút, những cái ảnh cười toe toét hay nghiêm nghị giả tạo : nào « hoa phượng đã nở ở bên thềm vắng » nào là « bạn ơi ve đã gọi hè về » ...

Tôi có điên không đây ? Mày có điên không hơi Điền ? Lập trường của mày đã đánh mất đâu rồi ? Còn nhớ không, những lời dạy của Hồ Chủ-tịch :

« Cuộc cách mạng xã-hội chủ-nghĩa đòi hỏi đảng viên và cán-bộ phải có lập trường giai cấp vô-sân thật vững chắc, giác ngộ về chủ-nghĩa xã-hội cao, đòi hỏi cán bộ và đảng viên phải rửa sạch ảnh hưởng của những tư tưởng của giai cấp bóc lột, rửa sạch chủ nghĩa cá nhân, rèn luyện chủ nghĩa tập thể. »

Phải gạch dưới mấy chữ « rửa sạch chủ nghĩa cá nhân, rèn luyện chủ nghĩa tập thể. » cho nhớ kỹ nghe chưa ! Trong cuộc tranh đấu chung, cả tâm hồn và thể xác phải dành cho tập thể. Từ một hơi thở, từ một nắm tay, từ một nụ cười. Còn dành một chỗ riêng tư cho riêng mày, để Nguyễn văn Điền đối diện với Nguyễn văn Điền, đọc hết những xao động và ray rứt, những chán chường hay hăm hở của Nguyễn văn Điền, là còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng giai cấp bóc lột.

Nhưng tuy máng chưởi mình thậm tệ, tôi vẫn tiếp tục viết, viết một cách khổ nhọc. Hơn tuần nay, cơn sốt liên miên hành hạ tôi. Tuy nhân viên bệnh viện chích thuốc ngày hai lần, bệnh vẫn chưa thấy thuyên giảm. Buổi sáng cùng với mặt trời lên, tôi cảm thấy đôi chút sảng khoái. Đầu óc tỉnh táo. Mắt trông rõ ánh nắng xuyên qua khe lá rừng. Nhưng độ 10 giờ, cơn sốt bắt đầu kéo đến, làm run rẩy khắp mình, làm ớn lạnh nơi xương sống, làm cay đắng cả vị giác. Cơn sốt kéo dài đến xế chiều để rồi vừa húp được chút cháo dần bụng, đã phải nằm chịu đựng sự ê ẩm rã rời suốt cả đêm. Tôi chỉ có thể viết được vào khoảng thời gian mạnh khỏe ít ỏi đó. Khốn nỗi sinh hoạt bệnh viện lại hết sức ồn ào nhộn nhịp vào buổi sáng. Y sĩ đi thăm bệnh, y tá đi chính thuốc. Y công đi thay chăn, quét tước, lau chùi. Giữ được một chút riêng trong khoảng chung đụng náo nhiệt này thật khó.

Vậy mà, tại sao tôi cứ viết ?

Thú thực, tôi chưa đạt đến trình độ tư tưởng của đồng đội. Tôi còn có những yếu đuối, cảm thấy chút gì mong manh mờ hồ, khiến không thể không cầu cứu đến những biện pháp hoàn toàn xa lập trường. Hơn lúc nào hết, tôi cảm thấy cô độc. Tôi sinh năm 1935, đến nay đã được 30 tuổi đời. Không vợ con bạn bậu. Không bạn bè chí thân. Gia đình tôi cách đây không xa. Sáng sáng từ trên bờ hầm nhìn về phương mặt trời mọc, tôi còn thấy được dãy núi cát loang lổ vệt xanh của lá. Từ nhà tôi nhìn về phương Đông, tôi cũng thấy núi cát đó, nhưng thấy rõ cả những khóm lá, những đụn cát phẳng, những đường uốn cong kỳ diệu của ranh giới đất đá và thảo mộc. Như vậy là bệnh viện này chỉ cách nhà tôi độ nửa ngày đường. Xa nhà 10 năm, chắc mọi thứ đã thay đổi hết. Ra đi tập kết theo đoàn thanh niên xung phong, tôi bỏ lại một người mẹ, và bốn đứa em. Không biết bây giờ gia đình tôi thế nào. Chắc hẳn họ không còn ở chỗ cũ nữa. Khói từng đụn bốc lên từ phía đông, ai đủ can đảm ở lại mà thi gan với bom đạn !

Tôi bỏ nhà đi tập kết một mình, hoàn toàn lạc loài. Đầu tiên chú Tính rủ tôi vào Tuy-hòa, rồi tìm cách vào Nha-trang. « Nghe nói trong đó làm ăn dễ, có người mới trốn đi có ba tháng đã mua được cái xe đạp đua-ra và cái đèn pin ». Chú Tính bảo tôi vậy ! Mẹ tôi còn ngần ngừ chưa nhất quyết, vì mùa gặt đến, tôi là con trai trưởng phải gánh vác mọi công chuyện. Thiểm tính tuy bị rạn tình vợ chồng, nhưng không khỏi bị quyến rũ bởi hình ảnh chiếc xe đạp mới có đèn trước đèn sau, vòng ngũ sắc trừ bụi ở trục bánh xe, cái bao yên có những đường ren bằng chỉ điều, đôi tay cầm bằng cao su xanh... Mấy đứa con của chú thì ao ước có cái đèn pin để rọi bắt chim hay chiếu băng quơ vào khoảng sương đen mỗi đêm, rồi thích thú reo cười. Mùa gặt chưa tới, không thể chờ được tôi, chú Tính lặng lẽ ra đi. Nửa tháng sau, có người quen từ Tuy-hòa về vội đến nhà thiểm thì thăm cái gì đó. Thiểm Tính thoát nghe đã khóc oà Lũ con lao xao bu quanh mẹ. Chú có làm Chủ-tịch Ủy-ban Kháng-chiến một thời gian, và nhờ thành tích công tác, được xếp vào loại cảm tình viên. Nếu không có những biến đổi đột ngột của chính sách ruộng đất và chủ trương dành mọi quyền chủ động cho thành phần vô sản, chú đã được giới thiệu vào Đảng. Chú bị biên-chế, vì thuộc thành phần phú nông bóc lột. Chú tự tin mình đã dứt khoát với kháng chiến, nên mới mạnh dạn vào Tuy-hòa, vùng quân đội Pháp đã tiếp thu và tổ chức lại cơ-sở hành-chính. Từ đó, cả gia đình thiểm sống trong khác khoải. Thiểm bỏ công việc nhà, từ cánh đồng cho tới bếp núc, heo gà, xuống túc trực ở đèo Cù-mông để chờ tin chồng. Những tin tức về chú hoàn toàn mờ hồ, đôi khi trái ngược nhau. Có người bảo rằng chính mắt họ thấy người ta chở chú đi Nha-trang. Có người lại bảo hiện chú còn ở Tuy-hòa. Có người bảo tháng trước có một cuộc vượt ngục và cẩn thận rào trước đón sau trước khi đặt giả thiết : Không biết trong mấy người bị lính bắn chết, có chú Tính hay

không ! Chưa biết mệnh hệ chú thế nào, cảnh nhà thiêm đã có vẻ tang-gia-bối-rối. Mấy đứa em nhỏ không ai săn sóc, ăn uống dơ dáy, mũi thò lò và mặt mày lem luốc. Đàn gà sống chuồng qua bươi vườn cải nhà làng xóm người ta đập chết rồi quăng qua hàng rào mắng vồn. Con heo nái đào hết của người ta mấy luống khoai. Đến khi ông Lượng dưới An-nhơn trốn khỏi được một cuộc tàn sát nhờ giả chết, mò được đến bên này chân đèo, vết chém vẫn hằn sâu nơi cổ, thì thiêm Tính không còn hy vọng gì về chú nữa. Chính quyền đem ông Lượng đi bêu riếu vết thương hết quận này đến quận khác, và tuy cổ còn quấn băng, ông cũng cố gắng tả sơ sài cho các cán-bộ còn do dự nghe diễn tiến của đêm hai hùng. Một cách vô tình, ông có nhắc đến tên chú Tính và xác nhận chú đã bị « mò tôm ». Nỗi đau đớn được chuẩn bị kỹ càng quá, đến độ khi nhiều người cùng xác nhận cái chết của chú, thiêm và mấy đứa em chỉ ngẩn ngơ đôi chút rồi im lặng chịu đựng một số phận đã an bài. Thiêm không khóc, bình như nét mặt thiêm bình thản hơn, như đã tìm thấy một giải thoát khỏi nỗi ray rứt bản khoăn nào đó. Thiêm lặng lẽ mua vài xô xé khăn tang cho gia đình, lặng lẽ lập hương án, lục tìm bức ảnh cũ nhập nhèm của chú, lồng gương, rồi đặt bàn thờ.

Thứ ba 18 / 4

Hôm qua, viết được nửa chừng thì y-sĩ đến. Đành phải dẹp qua một bên. Nay cầm viết viết lại, cảm thấy khó khăn, nhất là câu hỏi này : « Tại sao lại viết nhật ký ? » cứ ám ảnh hoài. Sau một đêm rã rời, bây giờ tâm trí mình lại trở về trạng thái mông lung ban đầu. Phải đọc lại hai lần mấy trang hôm qua, mình mới hiểu rõ mình đôi chút.

Ừ, mình đã nói đến cái chết. Cái chết của chú Tính. Khi nghĩ đến điểm cuối, người ta đã cảm thấy cuộc đời hết còn vẻ hào quang huyền diệu ban đầu. Có lẽ bệnh hoạn đã đưa đẩy tôi đến trạng thái ấy. Tuy biết bệnh này chỉ làm hao mòn và ít khi gây những biến chứng đột ngột, như sự rã rời rã mệt mỏi như cái dốc trơn, chúi mình vào cái hố đen chung chạ : nỗi chết.

Tự tìm hiểu mình là một công việc cực nhọc ! Cuối cùng mình đã nghĩ tới chú Tính. Tới cái chết của chú. Tin tức do ông Lượng xác nhận chỉ mới khiến thiêm hết phân vân giữa sống và chết. Thiêm bình thản, lo lập bàn thờ, để tang. Nhưng khi nghĩ đến thủ tục « mở cửa mả », « làm tuần », thiêm lại phân vân. Chú mất ngày nào ? Rồi hằng năm, phải chọn ngày nào để làm ngày giỗ kỵ ? Không ngờ sự đích xác của ngày ra đi quan trọng quá như vậy đối với những kẻ ở lại. Sự phân vân này làm héo hắt thiêm Tính nhiều và nặng hơn nỗi băn khoăn trước. Thiêm cứ hỏi mẹ tôi :

— Chẳng lẽ mình lấy ngày ông bị bắt. Họ còn điều tra lâu lác lác rồi mới « đem đi ». Ông chưa chết, mình lại đem tể sống ?

— Không « làm tuần » chẳng lẽ để hồn ông vất vưởng, làm cô hồn ?

Mẹ tôi đề nghị lấy ngày ba mươi, lễ cúng rước ông bà làm ngày kỵ chú Tính. Thiêm phản đối :

— Đạo Tết ông còn ở nhà, chọn ngày 30 sao được ?

Mẹ tôi lại đề nghị lấy ngày rằm tháng bảy, vì lúc đó ông Lượng đã về bên này Cù-mông, chắc chắn chú đã mất rồi. Thiêm ngậm ngùi :

— Ông đứng chung với cô hồn cầu bơ cầu bắt, tội phạm quá !

Cuối cùng, dường như suốt tháng chú ra đi đến Tết, ngày nào cũng có thể là ngày kỵ của chú. Gia đình thiêm thường xuyên sống trong sự im lặng, thành kính, vì khoảng thời gian đó, đèn nhang luôn luôn chong sáng trên bàn thờ người đã khuất.

Vết thương sưng đỏ và giọng nói khò khè khó nhọc của ông Lượng tạo thành những phong trào tập-kết rầm rộ. Những người có đôi chút dính líu với kháng chiến đều tắt tả ra đi. Các bạn bè của tôi lần lượt kẻ trước người sau xuống Qui-nhon. Có gì cuốn hút khiến tôi ray rứt ! Nét mặt già cỗi của thiêm, cái khăn tang trên đầu mấy đứa em, vườn cải úa và cái chuồng heo xập xệ hư đột sau nhà chú góp một phần lớn vào quyết định của tôi : gia nhập đoàn thanh niên xung phong.

Thứ tư 19 / 4

Cứ tưởng giải thích như vậy vừa đủ để nêu lý do vì sao ghi nhật ký. Nay đọc lại mới thấy chưa có gì rõ ràng. Cái chết của chú Tính chỉ mới thúc đẩy tôi ra Bắc. Ngày nay tôi phải ráng tự giải thích rành rẽ, đặt một qui luật. Tôi sợ không còn đủ may mắn rành rồi để dài dòng.

Còn nhiều, nhiều cái chết khác nữa, ngoài cái chết của chú, ngoài nỗi ám ảnh rã rời, đã đưa tôi đi xa lập trường. Tôi tin vậy. Trên đường vào Nam, tôi đã vô tình nhặt được nhiều cuốn nhật-ký ghi vội. Có cuốn mỏng manh, giấy ướt và chữ nhòe rơi đâu đó gần các chỗ phóng uế công cộng. Có cuốn đã rách nát, mấy tờ đầu hoen chút ít máu và bùn, bị chôn một nửa xuống đất mủn bên các hố bom đọng nước đen và đầy lá mục. Không có cuốn nhật-ký nào ghi rõ tên họ và địa chỉ, quê quán của chủ nhân. Với những nhật-ký hoen máu, tôi tin chắc người lính nào đó đã chết cách không xa chỗ nước đen hay chỗ vùi cuối cùng của cuốn lưu-bút. Dấu tích của người đã khuất bao giờ cũng mang lại vẻ kỳ bí, linh thiêng. Tính mệnh của một người đủ biến mớ giấy nhòe còn lại này trở thành vô giá. Tôi đã tự hỏi : nếu những người thân bên kia sông nhận được kỷ vật này, họ sẽ ra sao ? Người mẹ nhận ra nét chữ con, người vợ nhận ra nét chữ chồng, hay thơ mộng hơn nữa, người tình nhận ra nét chữ của người tình, đem so mấy nét « em yêu » trên lá thư

xưa với những dòng còn lại. Tại sao không ? nếu cuốn nhật ký này đến tay người ở lại ?

Rút kinh nghiệm, tôi phải ghi rõ tên họ, quê quán, đơn vị lên ngay trang đầu. Cứ viết được 10 tờ, tôi ghi lại lý-lịch một lần nữa, phòng ngựa trường hợp mấy tờ ngoài bị nước mưa hay đất cát làm nhoè mực đi.

Rút kinh nghiệm, tôi ghi rõ ngày tháng. Địa chỉ thì không cần, vì phòng gian bảo mật. Ngày nào có công việc gì, tôi ghi vào nhật ký. Hôm nào bận, hay không có gì đáng ghi, tôi sẽ chỉ ghi ngày tháng để đánh dấu ngày chót còn thấy được ánh sáng mặt trời, còn được lá rừng và đất đá ấp ủ, còn chung đụng với cuộc sinh hoạt hào tráng lẫn bi thảm của xã hội con người.

Chắc chắn những người thân yêu còn lại của tôi không gặp cảnh ngộ của thiếu Tinh, sống trong nỗi ngờ vực và khác khoải của những ngày kỵ liên tiếp tháng này qua tháng nọ. Với tôi, và với những người ở lại, giữa cõi sống và cõi chết, phải có ranh giới rõ ràng, phải có dấu tích làm mốc thời gian.

Nhưng, tôi hy vọng cuốn nhật ký này sẽ về đâu ? Về những đồng bào miền Bắc xa lạ đã giúp tôi sống trọn cái háo hức, hăm hở những ngày thanh xuân phiêu lưu ? Về những bạn bè ở nông-trường đã cùng tôi chứng tỏ sức mạnh của ý chí non cao hạ thấp và vực sâu phải nâng lên, đá xéo đi, cây chặt xuống, để nẩy chồi non khoai bắp ? Về những đồng đội tiếp tục băng rừng đi về phương Nam, mất dấu giữa đồi thưa hay rừng già, đột ngột thiếu mặt trong các buổi điểm danh trầm ngâm giữa bãi khói nghi ngút ? Về người mẹ già tóc ngả màu sương, chắc chắn khuôn mặt hằn dấu ngang dọc lời lồm của thời gian như vết luống cày trên những đám vàng gốc rạ ? Về mấy đứa em, mà bây giờ tôi chỉ còn nhớ lơ mờ một cái miệng cười, một đôi mắt sáng, một giọng khóc the the, một cái nguây nguẩy hờn dỗi bất bình ?

Về đâu ? Không biết, nhưng chắc chắn là nó sẽ rơi vào tay loài người, hoặc trước, hoặc sau.

oOo

Thứ năm, 20 / 4

Tôi vẫn còn nằm bệnh viện, vẫn còn rã rời. Chắc chắn không có gì đáng ghi lại để đánh dấu một giai đoạn bạc nhược về thể xác, xuống dốc về tinh thần. Tôi đã gạch chéo các ngày đã qua trong tháng. Ngày nào không viết được tôi gạch

4						
CN	H	B	T	N	S	Đ
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

chéo lên lịch mà thôi. Còn ngày nào viết, tôi sẽ ghi rõ ngay đầu trang. Chẳng lẽ không tìm ra được chút thì giờ gạch chéo một con số ? Cứ tin đi Điền, mày sẽ theo sát được cuộc sống từng ngày của mày, như các đồng chí phòng không theo sát vị trí máy bay !

Thứ sáu, 21 / 4

Cơn sốt có thuyên giảm đôi chút. Hôm qua, mãi 12 giờ trưa mới lên cơn. Khoảng 3 giờ chiều đã hết. Nhờ vậy, suốt đêm ngủ được một giấc khá lành, nếu gần về sáng không có tiếng bom nổ liên hồi phía bên kia đồi. Nguyên tắc đặt ra là ghi việc và cảm nghĩ từng ngày. Nhưng nằm dí ở đây mãi, có việc gì đâu mà ghi. Khung cảnh vẫn bao nhiêu đó : trần hầm bệnh viện, mùi thuốc sát trùng, y sĩ, y tá, tiếng rên rỉ ban đêm, sự nặng nề chập chờn... Có lẽ mình nên lợi dụng sự rỗng không nhàm chán này để ghi quá về trước. Từ lúc nào ? Khi sáng, đang nằm trên giường, một chiếc lá vô tình bay lọt vào cửa hầm. Lá vẫn còn xanh, chỉ có chút vàng khoảng gần cuống. Lá rơi về cội. Lịch sử vô hình đã đẩy tôi về quê nhà. Kỳ lạ lắm ! Nên tôi có ý muốn ghi lại sự việc từ ngày bắt đầu « trở về ». Mỗi ngày ghi mỗi ít quá khứ và cố gắng ghi nhanh trước khi rời bệnh viện Nguyễn-văn-Trôi. Gắng lên chút nghe Điền !

Những dòng ghi ngày thứ bảy 22 / 4

Từ 1958, 1959, đại đội của tôi đã được chuyển hẳn sang công tác nông trường. Số còn lại của sư đoàn 330 vẫn tiếp tục nhiệm vụ quân sự. Khi chúng tôi đến, Nông trường Lam-sơn còn là một khu đất đầy cỏ dại và những loại cây rừng rậm rạp, gai góc. Công tác phá rừng thật cực nhọc kham khổ. Nhưng khi những cây non lá xanh nhú lên khỏi lớp đất xốp loang lổ tro xám, thay thế cho suốt sườn đồi hoang vu, chúng tôi sung sướng đến ứa nước mắt. Trong vòng mấy năm, 39 đại đội đã biến nơi hoang dã này thành một đồi điền trù-phú, trồng cả phê cao-su, chúng tôi còn nuôi cả trâu bò và gà vịt nữa. Đó là những năm tươi đẹp nhất, vì tôi tìm lại được nếp sống cũ ở miền Nam : lấy cuốc xới gốc bắp, mê mãi ngắm những chồi non nà mọng sương mỗi sớm mai, ngồi trên cổng chuồng nhìn đàn bò nằm nhai lại nhóp nhép, cúc cu vãi lúa cho đàn gà mái đang lo lắng tìm mồi. Trong tận cùng hồn tôi, vẫn có cái gì vương vấn quẩn quít với nét đẹp thôn dã. Trừ các buổi sinh hoạt tập-thể và công tác lao động, tôi say sưa ngắm cả triền đồi xanh, khung trời cao, nằm dài theo luống cây ngửi mùi đất cát và thảo mộc. Cho đến tháng 9-1963, tôi mới xa nông-trường.

Nửa đêm hôm đó, tôi được lệnh gọi trình diện Trung-đoàn-bộ kiêm Ban Chỉ, huy nông-trường. Trong căn phòng thường ngày làm phòng thuyết trình và học tập-gần cả trăm người khác đã có mặt. Chỉ có ngọn đèn gần bục gỗ thấp sáng, chiếu hắt lên cái bàn vuông chất đầy hồ sơ. Mọi người ngồi trên băng, chìm trong bóng tối. Bóng đêm bên ngoài, bóng đêm bên trong, cử chỉ se se và tiếng nói chuyện thì thầm của mọi người tạo một không khí nghiêm trang khác thường. Ai nấy hồi hộp chờ đợi, không hiểu Trung-đoàn-bộ triệu tập gấp như vậy để làm gì. Từ lâu lắm, gần

chín năm trời, chúng tôi mới tìm lại được cái không khí chuẩn bị hành quân gây căng và phiêu lưu ngày trước.

Vị sĩ quan lạ mặt đại diện Trung ương giải thích :

— Các bạn ! Tôi xin trình bày vắn tắt. Không phải vô tình mà Trung-đoàn-bộ mời các bạn đến đây. Trong mấy năm tích cực phục vụ công tác sản xuất, các bạn đã chứng tỏ là những đảng viên trung kiên và ưu tú, có lập trường và đạo đức cách mạng tốt. Các bạn đều còn là những người độc thân, có thể hết mình đảm nhận các công tác mới cho tình thế mới. Nói tóm lại, các bạn là những chiến sĩ chọn lọc cho giai đoạn cách mạng hiện tại. Bắt đầu ngày mai, các bạn nhận nhiệm vụ khác, đòi hỏi sự chịu đựng bền bỉ và sức mạnh ý chí kiên cường. Để bảo đảm sự thành công của công tác, các bạn ở luôn tại đây đêm nay, khỏi cần trở về từ già bạn bè hay đem theo đồ đạc. Chúng tôi đã chuẩn bị đầy đủ hành trang. Năm giờ sáng mai, xe sẽ đến đây đón các bạn.

Xe đến đón sớm hơn giờ loan báo. Khoảng 4 giờ hay 4 giờ 30 gì đó. Trời hazy còn tối đen và gà chưa kịp gáy. Xe bịt bùng chở chúng tôi đến thẳng Hà-đông. Mãi chiều tối, cả đoàn mới dừng lại trước một doanh trại rộng và biệt lập. Điều làm chúng tôi lưu ý nhất là khẩu hiệu thật lớn đập ngay vào mắt tôi, lúc vừa bước chân xuống xe :

« Vì miền Nam học tập, nỗ lực để giải phóng miền Nam ». Tôi đoán lẽ mờ được nhiệm vụ mới, lòng rộn lên một nỗi hồi hộp hân hoan. Chỉ vài giờ sau, tôi đã biết đây là bản doanh của Sư-đoàn 338 của tướng Tô Ký, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ đi B (1).

Những dòng ghi ngày Chủ nhật 23 / 4

Chương trình thụ huấn quân sự ở đây không có gì khó khăn. Toàn là các bài ôn tập căn bản quân sự cũ : cách chỉ-huy, cách huấn luyện tân binh, các kỹ-thuật tác chiến. Chúng tôi được huấn luyện thêm về cách sử dụng các loại vũ-khí, máy móc Hoa-kỳ trang bị cho quân lính miền Nam như : máy truyền tin, máy ngắm pháo binh, máy nổ. Sau các buổi học tập lý-thuyết, chúng tôi được thực tập kỹ càng thành thạo, mai sau dùng vũ khí địch diệt địch.

Tuy nhiên phần học tập chính-trị được chú trọng hơn. Trước hết là quan-điểm duy-vật biện-chứng, duy-vật sử-quan của Marx, giải thích sự tiến-hóa của lịch-sử nhân-loại như tiến-trình liên-tục của các cuộc đấu tranh giai-cấp. Chiến-tranh không phải là sự ngẫu nhiên, mà do sự chi phối của yếu-tố sản-xuất, thúc đẩy giai cấp này đấu tranh với giai cấp khác để sinh tồn.

Sau đó là các sách lược của Đảng trong giai-đoạn hiện-tại : giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đi đến xã-hội chủ-nghĩa. Cuối cùng, nhiệm vụ trước mắt của những người cách-mạng tiền phong (tức chúng tôi) là thấu triệt tình hình cách mạng miền Nam và ý thức sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân.

(1) Lts : B tức là chiến trường miền Nam.

Những dòng ghi ngày thứ hai 24 / 4

Đáng lý chương trình huấn luyện kéo dài 6 tháng. Nhưng chỉ 3 tháng sau vì nhu cầu cấp bách, đoàn 14 của chúng tôi đã bắt đầu vào B. Đoàn gồm 400 người tất cả đều là cán bộ mùa thu (1). Hầu hết là đảng viên, và cấp bậc thấp nhất là trung-sĩ, gồm các quân nhân chuyên môn về pháo, đặc công, trinh sát và cán bộ chính trị. Chúng tôi đi xe lửa xuống Quảng-bình, vượt trường sơn qua Lào, rồi lại men theo Trường-sơn để vào B. Mỗi người được cấp phát một cái võng, hai bộ quần áo, một Ba-lô, 2 gói thuốc, 3 lạng đường, 2 lạng sữa, 2 gói muối chừng 2 ký. Vũ-khí trang bị đủ loại. Tuy đã quen sử-dụng các loại vũ khí tối tân của các nước anh em bây giờ, chúng tôi phải dùng lại các loại cũ hồi kháng chiến chống Pháp, DK 75, garant M1, Thompson, Mass 36, trung liên Cock. Cuộc hành trình đầy gian lao, khổ nhọc. Tuy bây giờ chưa có các cuộc oanh tạc của B 52 và sự kiểm soát của quân đội miền Nam ở các vùng hẻo lánh biên giới quá sơ sài, nhưng đoàn 14 đã gặp những trở ngại núi rừng dành cho những người tiên phong. Các con đường chưa mòn nên đầy gai góc. Cầu chưa bắc ngang các dòng suối nước xoáy và đá nhon. Những trạm tiếp vận thiết lập sơ sài, thiếu thốn đủ mọi bề. Theo chương trình, chúng tôi sẽ lấy thêm gạo ở trạm 10. Đến nơi chỉ thấy có một lều gió lộng và đêm phủ đột ngột bên này sườn núi xanh. Đói khát, lạnh lẽo làm hao mòn sức lực nhiều người. Ở mỗi trạm có tiện nghi y tế và chuyển vận, đều có một số anh em dừng lại chờ chuyển hành-trình ngược đường.

Đã thế, vì phải tuyệt đối giữ bí mật không cho dân chúng địa phương biết chúng tôi từ miền Bắc vào, nên lệnh trên tuyệt đối ngăn cấm mua bán với dân chúng. Đồ đạc mang trong người từ cái gương, cái lược cho đến tiền bạc, áo quần đều sản xuất từ miền Nam. Nói với nhau, chúng tôi cũng phải nói giọng Nam, và mỗi người rình rập để bắt bẻ, phê bình những câu, những tiếng Bắc pha trộn nơi lời nói kẻ khác.

Những dòng ghi ngày thứ ba 25 / 4

Lội suối băng rừng suốt 4 tháng, đoàn 14 mới đến được Bộ Tư-lệnh Quân-khu 5. Trừ số rơi rớt dọc đường, đoàn chỉ còn lại hơn 250 người sinh quán từ Quảng-ngãi vào đến Khánh-hòa. Chúng tôi được phân chia đi các đơn-vị theo quê quán để hoạt động tại địa phương. Tuy nhiên, tuyệt đối không ai được tự ý về thăm gia đình. Tôi nghe lệnh với nhiều nỗi đau đớn xót xa. Từ núi chóp vung nhìn xuống, tôi nhận ra được con đường ngoằn ngoèo đất đỏ dẫn ra bờ sông, dòng suối chảy dọc theo các bờ đá. Ấn hiện đây đó, trước khi chui qua cây cầu gỗ, cánh đồng rộng trải dài từ chân núi đến bãi cát trắng. Tôi còn nhận ra đây là Xóm giữa, kia là Xóm gò, xa nữa là thôn ấp rải rác bám vào hai bên đường cái quan thẳng tắp. Và đây rồi, đúng đây rồi, cái bầu nước đục quanh năm bên trái con mương đôi. Nhà tôi ở sát bên cái bầu đó. Những người bạn khác trong đơn vị cùng một tâm trạng xúc động như tôi. Đêm đêm chúng tôi ngồi vây quanh, vừa nhìn về những đóm sao lửa nhấp nháy ở các thôn ấp dưới kia vừa bàn kế hoạch gây cơ sở cho hạ tầng cách mạng. Không ai được về chính xã của mình, nhưng các đồng đội sẽ mang một số thư và ảnh các người tập kết đến cho thân nhân của họ. Nhìn lại ảnh con, cha, chồng, đọc được lá thư gửi từ Thanh-hóa—Hà-dông—Vĩnh-phúc, họ sẽ mừng rỡ và cảm động vô ngần. Đây là cảm tình đầu tiên, nhịp cầu đầu tiên liên lạc với quần chúng miền Nam.

Giữ chức cán bộ Trung-đội chiến đấu Tiểu-đoàn J 153 thuộc C 59 không đầy 1 tháng, bệnh sốt rét kinh niên đột ngột kéo đến, hành hạ tôi không ngớt. Đến lúc không thể có giải pháp nào khác, Tiểu đoàn gửi tôi về đây.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(1) Cán bộ mùa thu : các cán bộ tập kết ra Bắc, rồi hồi kết hoạt động ở miền Nam.

Bình an dưới thế

Truyện của TRỊNH-KHÀ-NGUYỄN

Đoạn đường càng lúc càng trở nên đông đảo, chộn rộn. Người ta, xe cộ nối đuôi nhau thành một dãy dài. Mặt trời lên cao, nắng đã nóng. Những lá cờ đạo cắm trên trần xe lộng gió bay phất phới.

Thiên hạ đảo đảo nhìn về phía hai chiếc trực thăng và chiếc máy bay quan sát đang quần thảo. Tiếng súng nhỏ nổ không ròn rã lắm, nhưng rõ một. Trận đánh từ tờ mờ sáng đến giờ vẫn chưa ngưng, phải gọi đến phi cơ và nghe đâu có cả thiết giáp nữa. Con đường đến Trà-Kiều, nơi tổ chức Đại-hội Đức-Mẹ, bị cắt đứt vì đánh nhau. Thỉnh thoảng một vài người cỡi xe Honda ngược chiều, từ phía có đánh nhau trở lại, đám người đang đứng chờ nhón nháo muốn biết tình hình đằng ấy ra sao, liệu có đi được không. Và chỉ nhận được những cái lắc đầu.

Trẻ nhỏ thừa dịp nghỉ, chạy nhảy đuổi bắt nhau thêm vài chiếc Honda nổ máy chạy tới chạy lui làm cho không khí huyên náo. Còn người lớn, một số rất ít là bạn hàng xe đồ, hầu hết là tín đồ hành hương mừng đại hội đức mẹ. Ai cũng ngong ngóng cho lại được yên ổn để tiếp tục đi. Dù tin ở phép lạ song không ai muốn xông tới với lửa đạn đang trước, nhưng hy vọng trong chốc lát mọi bất trắc sẽ qua, nên ai cũng chờ, chẳng ai quay về.

Hai chiếc trực thăng vẫn còn quần thảo trên trời, giáp một vòng lại chúi xuống phóng những trái đạn rocket, khói trắng,

khói đen cuộn nhau bay lên. Có người tỏ vẻ lo sợ vì cảm thấy chỗ đang đứng không yên ổn gì, từ đây đến nơi súng nổ không xa, nằm trong tầm đạn. Và biết đâu năm mười phút nữa một quả mìn có thể nổ ngay đây, có người ngã ra chết, rồi lại đánh nhau nữa cũng nên. Khi sợ dễ tưởng tượng ra đủ điều, như chừng người ta đã ngửi thấy mùi thuốc súng phảng phất trong không khí, cảm thấy hơi nóng của lửa cháy nhà.

Những lá cờ đạo vẫn tung gió như những tấm lòng kính Chúa, kính Mẹ được dịp biểu dương. Thật là một ngày đại hội, nếu không làm gì có cảnh tượng như thế này trên đoạn đường này. Ngày thường qua lại đây ghé rón da gà. Không thể nhờn với cái chết đang chờ chờ đâu đó. Xác những chiếc xe đồ, xe nhà binh bị mìn đổ nhào xuống ruộng cháy đen còn phơ những thanh sắt, tấm "tôn" cong queo. Mỗi lần như vậy biết bao nhiêu người đứt đầu, toát bụng, ai mà nhớ cho hết. Cảnh tượng ấy lặp lại đều đều nên ai cũng nơm nớp một ngày nào đó đến phiên mình. Người ta dành lại lòng thương xót đối với kẻ xấu số đi trước để lo sợ cho chính bản thân mình, kẻ đi sau. Thời buổi chiến tranh mạng sống như đèn trước gió. Bây giờ đi đứng, ăn uống, nói cười, tối lại một quả ca nông rơi nhằm nhà thì tiêu tan không còn tí thịt. Biết đâu được mà lòng chỉ gắng tránh trở được ngày nào hay ngày đó, qua một ngày mừng một ngày, qua một đêm mừng một đêm. Ai cũng ngao

ngán, chỉ cần lấy phúc đức để tai qua nạn khỏi. Nhưng rồi tai vạ cũng chụp xuống trên đầu những kẻ suốt đời chỉ biết có cuộc cày, chưa đi đâu ra khỏi ruộng ruộng. Bom đạn, bóm mại trên mảnh đất này, trên đầu họ không tha. Cuối cùng chỉ còn biết nhờ vào sự che chở thiêng liêng, nên mỗi lần có một tai nạn lại có một chiếc miếu dựng lên để thờ cúng những vong linh bắt đắc kỳ tử phò hộ cho những người còn sống sót. Dọc theo hai bên đường biết bao nhiêu là miếu. Từ những miếu xây bằng xi măng quét vôi màu vôi dăm ba chữ nho ghi phía trước đến những miếu tạm bợ bằng thùng gỗ bặt trên chân tre. Vào những ngày rằm, mùng một, miếu nào cũng chuỗi bánh, đèn nhang, vàng mã rực rỡ. Nhưng với đã chiến tranh này rồi ra cũng hết cả người để thờ cúng. Ai cũng thành ma vất vưởng. Miếu càng ngày càng nhiều trong lúc đồng ruộng hai bên đường đã từ lâu không có lấy một gốc rạ và cũng không có một bụi cỏ xanh. Đôi nơi ruộng biến thành đường xe chạy, vết bánh xe nhà binh, xe tăng bầm lở mặt đất còn hằn rõ. Đó là những lần tiến quân, những trận đánh nhau ghi dấu tích. Hai bên cầu cống là đồn lính, dây kẽm gai bủa ra tứ phía. Mặt ruộng phẳng lì, cháy khô chạy đến tận những chòm cây xanh xanh. Tôi không biết đây là làng xóm nào và Thịnh cũng không rõ. Tôi chỉ về phía ấy bảo:

— Chắc ban đêm trong ấy lắm ma,

Thịnh góp vào:

— Toàn là ma đứt đầu, đứt chân

tối lại hiện về tìm những phần thân thể đã mất.

Dù là lời nói đùa, nhưng tôi mừng tượng những bóng hình tàn tật đang lang thang khổ sở. Chiến tranh biến họ thành những con chồn, con chuột, bỏ hết công ăn việc làm, chui rúc trong hầm, trong hố. Khi chết không được toàn thây. Bên này và cả bên kia cuộc sống người dân ấy là những kẻ khốn cùng.

oOo

Từ đằng trước có hiệu lệnh đi được, xe nổ máy chạy từ từ. Nếu là chuyện kẹt xe thường ngày thì nhiều người tranh nhau tìm lối đi trước. Bây giờ ai cũng muốn nhường. Tôi đi tới và tin ở đám đông: có thiên hạ cùng với mình.

Đến Nam - Phước đoàn hành hương rẽ theo hướng Tây về Trà-Kiều. Xung quanh bên xe đồ Nam - Phước chợ vẫn họp như thường, dân cư khá đông. Nhưng cách quốc lộ độ một vài cây số quang cảnh lại lạnh lùng. Những cánh đồng bỏ hoang không có lấy một bóng người. Nhà cửa sập đổ, những đồng gạch nằm im dưới dây leo, cỏ dại và tranh mọc cao tới bụng người, lan ra cả ngoài đường. Nơi nơi mấy đồn lính Đại-hàn lù lù trong những hàng tre.

Lính Đại-hàn, lính Việt-nam tăng cường giữ an ninh bố trí dọc theo đường, vác súng đi ngò ngò nhìn đây, nhìn đó, nhìn xe cộ người ta. Một người lính Đại-hàn đón tôi lại:

— You get light?

Tôi bật quẹt lửa, hán đốt thuốc, cảm

ơn rồi đi. Tôi cũng châm một điếu và nhớ lại nhiều chuyện về các hành động của mấy anh chàng này. Chiến tranh mang thêm vào xứ sở này những người xa lạ với súng, với đạn để giết để phá mà thôi. Chuyện họ đang bảo vệ lòng tin ví như một con mẹ cho vay bóp chay bóp nặng đến rằm mừng một lên chùa gõ mõ tụng kinh thật nhiều. Tôi hoảng hồn vì hai xác chết để bên đường bị trói hai chân tay xỏ dọc một chiếc đòn như con heo sắp khiêng đi làm thịt. Quanh đấy mấy người lính ngồi ra dáng mệt mỏi, có lẽ họ vừa qua một đêm không ngủ. Từng đống vỏ đạn trên mặt đường. Cách đường bốn năm mươi mét nhà cháy còn ngún lửa. Dân chúng tụm lại từng nhóm nhỏ trong mấy chiếc quán rách nát lộ.

Địa điểm hành lễ hiện ra phía trước, trên một ngọn đồi, cò xí rục rờ. Tôi theo giòng người về phía nhà thờ, người ta trắng cả một ngọn đồi. Trên ngọn đồi là một nhà thờ khá xinh. Tôi đứng nhìn mọi người làm lễ. Có người bế cả trẻ nhỏ theo và đặt nằm trên nền giáo đường, dường như để chúng sớm được phước lành. Cảm thấy một sức nặng trên hai vai, tôi như muốn quỳ xuống cùng mọi người: « Tôi cũng tin có Chúa, xin Chúa nhận lấy tôi ». Hình ảnh Chúa xoè hai tay trên đầu đám tín đồ đang ngưỡng mộ ngài, mặc dù không trong đạo, tôi tưởng chừng cũng đang được che chở và an ủi. Tôi cũng cần một sự thứ tha và an ủi như mọi người kia chứ. Có lẽ một ngày nào đó tôi cũng nên biết phủ phục dưới chân Ngài để gặt đi những ưu tư không đâu đang cấu xé hằng ngày. Một người quen đến chào tôi và hỏi tôi

cũng đi lễ à. Tôi cười đáp lại. Quanh quán một lúc tôi và Thịnh tìm bóng mát ngồi nghỉ. Những bản nhạc thánh truyền ra từ những loa phóng thanh, giáo hữu có kẻ đang hát theo.

Súng dưới làng cách chân đồi hai cây số lại nổ, nổ ran. Ban nhạc cứ tiếp tục hát, súng cứ tiếp tục nổ. Mọi con mắt lại đổ dồn về phía có tiếng súng. Lính lom khom chạy vô làng đằng sau là xe thiết giáp. Những tiếng nổ phập phình và lửa khói bốc lên cao. Người ta lại chỉ chỗ, bàn tán. Dân làng khiêng gánh, bồng bế chạy ra ngoài lộ. Họ khóc than: ngôi nhà bị cháy, con bò bị thương trong chuồng, đứa con bị lạc... Có kẻ chạy chỉ còn độc chiếc quần đùi, không nón, không dép. Họ sững sờ nhìn đám khói, đám lửa và nghe những tiếng nổ kinh hồn vừa đuổi họ chạy ra đây. Súng vẫn nổ, ban nhạc vẫn hát. Tôi nói với Thịnh:

— Thiên đàng, địa ngục không xa mấy nhỉ?

Thịnh lặng lẽ nhìn đám người tôi bời chạy giặc.

oOo

Khi Đức-Cha chủ lễ, mọi người đều làm dấu thánh giá và quỳ xuống. Thịnh cũng quỳ xuống. Tôi chẳng biết nên làm gì. Những lời thiết tha: « Cầu cho chúng con là kẻ có tội trong lúc này và trước giờ lâm tử ». Đức Cha nói:

— Chúa ở cùng anh em.

Hàng vạn lời dâng:

— Chúa ở cùng cha.

Thật là một lời chúc lành đẹp đẽ, an bình cho nhau hơn hẳn những lời hoa

mỹ nhưng nhàm tai khác.

Tôi ở đối diện với một nhà thờ và thường được nghe vị linh mục già ban phát của quý duy nhất cho hàng giáo hữu : « Chúa ở cùng anh em » trong mỗi sáng Chúa nhật, mỗi lần rước lễ. Tôi đâm ra khâm phục tác giả của câu trên để cho ngày nay và mãi mãi trong mỗi lần gặp nhau giáo dân còn có một lời chúc tụng đẹp để cầu chúc cho nhau. Tôi cũng thuộc được câu ấy. Một niềm tin nào đấy ấp ủ trong câu nguyện ước kia. Cũng như tiếng chuông đổ vào từng chiều, từng sáng gọi lại một niềm tin đang nằm im lìm đâu đấy.

Tôi không hiểu tại sao đến bây giờ tôi chưa nhận đạo, mặc dù lắm khi tôi tưởng chừng có Chúa, tôi đã thấy Ngài hiển hiện trong từng tiếng chuông chiều. Chúa ở cùng anh em, vâng, chúa cũng ở cùng tôi. Chúa ở cùng mọi người, nhưng tôi chưa được thỉnh cầu đến Ngài để chúc phúc cho anh em : Chúa ở cùng anh em, Chúa ở cùng cha.

Súng bên dưới còn nổ đều. Nắng buổi trưa dịu hơn mọi ngày, trời thật im.

trời không gió. Tôi chưa hiểu gì về những lời giảng từ trên cao truyền xuống.

oOo

Thiên hạ có kẻ ở lại, có kẻ lục tục ra về. Ngoài đường xe cộ thưa hơn và có thêm người chạy lánh nạn. Nhìn mọi người ai cũng hân hoan, họ vừa được chúc lành hay vừa qua khỏi một trận chiến kinh hoàng.

Sông Thu-bồn vào mùa nước cạn, từng nhóm ghe đậu sát vào nhau. Những sợi khói mỏng vương vất trên không. Những chiếc rờ cá cang ngoài sông ngửa mặt lên trời. Một chiếc trục thẳng lướt ngang mặt sông như con bội cá. Mấy người lính gác cầu Cầu-lâu đi đi lại lại, kê súng vào thành cầu nổ vài phát đạn cầu may vó vẩn xuống mặt nước lờ lờ. Nhìn lên phía Tây, những ngọn núi trọc lóc cháy vàng, thấy cả ngọn đồi nơi tổ chức lễ. Tôi phân vân với Thịnh : Minh trở về từ thiên đàng hay địa ngục ?

TRỊNH-KHẢ-NGUYỄN

CHÚC MỪNG

*Vừa được hồng thiếp báo tin Lễ Thành Hôn
của*

PHAN THANH ĐÀO THÁI THỊ-ĐO

*sẽ cử hành tại Gia-Định ngày 06-10-1971 Thành thật cảm tạ hai nhà
PHAN - THÁI và chúc ĐÀO - ĐO trăm năm hạnh phúc.*

Đào văn - A, Huỳnh kim-Bửu, Nguyễn thanh-Hiện, Bùi văn-Thân

Hy vọng... hụt

Tháng 7 vừa qua, một nhà bác học Hoa kỳ đã làm cho nhiều người hy vọng khi bà tuyên bố đã tìm ra được cực vi trùng gây bệnh ung thư.

Bác sĩ Elizabeth .S. Priori, một nhà khảo cứu của Viện Ung thư Houston, cho biết bà đã cô-lập được cực-vi-trùng gây bệnh ung thư cho người mà người ta đã ra công tìm kiếm từ nửa thế kỷ nay. Cực-vi-trùng này bà đã lấy từ một bướu độc (bướu Burkitt) trên bệnh nhân là một em bé 5 tuổi.

Bướu Burkitt, là một hình thức ung thư được tin là có nhiều liên lạc với cực vi trùng nhất. Bướu thường xảy ra ở trẻ em từ 2 tới 14 tuổi, và thường nhất ở lứa tuổi lên 5. Người ta ghi nhận số bệnh nhân hầu hết là ở vùng trung tâm Phi-Châu và các xứ nóng ở gần xích-đạo. Sự phân phối tỉ lệ bệnh theo địa dư này làm người ta nghĩ đến bệnh được truyền đi bởi một loại côn trùng nào đó chỉ thích-hợp trong điều kiện khí hậu vùng nhiệt đới. Yếu tố địa dư cộng thêm với các bằng chứng về phương diện miễn-nhiễm học đưa đến kết luận bướu Burkitt là do cực-vi-trùng sinh ra.

⊕ Nhưng bà Elizabeth chưa có cơ hội làm rạng danh phái đẹp — chỉ hai tháng sau ngày tuyên bố của bà một cuộc kiểm chứng quy mô đã chứng tỏ đó chỉ là một nhầm lẫn buồn cười.

Loại cực-vi-trùng mà bà Elizabeth tin là thủ phạm gây ra ung-thư người đó chỉ là một loại cực-vi-trùng gây ra ung-thư-máu ở loài chuột. Mà loại cực-vi-trùng này thì người ta biết đã khá lâu !

Cuộc kiểm chứng còn cho biết thêm là có thể loại cực-vi-trùng trên được « lây » từ một phòng thí nghiệm bên cạnh vốn đang thí-nghiệm về bệnh ung-thư máu ở loài chuột.

Ngân quỹ dành cho cuộc nghiên-cứu này của bà Elizabeth lên tới hơn 70 triệu bạc Việt-nam !

Tuổi của đá.

Một lần nữa tuổi tác của chị Hằng vẫn còn là một điều mơ hồ. Dấu kỷ quá như thế hẳn tuổi của giai-nhân phải cao hơn mức dự đoán của kẻ ái mộ.

Hòn đá quý mà phi hành gia David Scott nhặt được trong chuyến du hành Apollo 15 đã không quá quý như người ta mong chờ. Sau nhiều cuộc khảo nghiệm, một con số đầu tiên được công bố do 2 nhà khảo cứu ở Viện đại học Nữ-u-ớc, bác sĩ Liaquat Husain chuyên về nguyên-tử học và nhà địa chất học John Sutter, tuổi của viên đá là 4 tỉ 15 triệu năm. Con số này có thể sai lạc trong khoảng không quá 200 triệu năm.

Các nhà bác học không đồng ý về việc chị Hằng lại có thể quá trẻ như thế. Các nhà thiên-văn-học đã quy định các lớp đá cứng trên mặt trăng phải được thành hình từ ít ra là 4, 6 tỉ năm.

Như thế lớp bụi đầu tiên phải trước đó nhiều. Không thể là 4 tỉ năm được : viên đá quý của David Scott không phải là viên đá khai-nguyên như cái mỹ danh đã gán cho nó.

Mặc dầu thất bại trong việc xác định tuổi Nguyệt-cầu, những đất đá do Apollo 15 mang về cũng đem lại cho chúng ta những hiểu biết phong phú hơn về hành tinh này. Số lượng đất được biết có tính chất khác nhau. Có thể chia hẳn ra làm 58 loại, tương ứng với những lần biến chuyển sâu xa trong toàn thể thái-dương-hệ.

Khí giới mới cho «người bạn dân»

Càng ngày chính quyền tại các quốc gia tự do trên thế giới lại thấy phải đương đầu với một loại biến-loạn mới : những đám biểu tình bạo động, khủng bố và đánh du kích trong các thành phố lớn.

Súng đạn chúng tỏ không phải là khí-giới hiệu quả và lúc nào cũng có thể đem ra áp dụng được. Có những trường hợp cần can thiệp nhưng không cần đổ máu. Và thành phố không phải là chiến trường : Còn cả một đám quần chúng vô tội ở xung quanh, làm sao dám sử dụng súng đạn trong các trường hợp đó. Cuộc dẹp vụ nổi loạn của đám tù nhân tại ngục Attica đã làm tai tiếng cho Thống - đốc Rockefeller và Tổng - thống Nixon không ít. 9 trong số 39 người bị bắt giữ làm con tin được chính quyền loan báo là chết vì bị đám tù

nhân cắt cổ, thật ra là chết vì bị trúng đạn của lính gác ! Các nhà chuyên môn giáo-nghiệm xác chết đã lên tiếng minh-xác vụ này. Như vậy là có 9 nhân mạng bị chết oan uổng vì biện pháp mạnh tay của chính phủ.

Giới chuyên môn đã nghĩ tới những biện pháp hữu hiệu hơn và ít đổ máu hơn. Họ dự tính trang bị cho cảnh sát những loại súng ít công phá hơn nhiều và nhất là loại hơi cay hiện đang thông dụng tại Việt-nam.

Trong tương lai, Cảnh-sát sẽ còn có loại bom cay mà hơi bốc ra sẽ dính vào quần áo kẻ bạo động và sẽ từ từ tỏa ra làm cho bị cay rất lâu. Nhưng loại bom này e có điều bất lợi là đám biểu tình lại có dịp thoát y để vừa dễ chống lại vừa lại là một hình thức chống đối rất «mốt» như đám sinh viên Mỹ.

Khí giới mà nhiều người chú ý tới nhất là một loại súng bắn ra điện. Điện sẽ phát ra khi súng bắn ra hai viên đạn là hai nút điện. Khi dính vào quần áo hay da thịt nạn nhân sẽ lập tức làm cho nạn nhân bị tê liệt. Loại vũ khí này có hiệu quả tức thời, có thể dùng để ngăn chặn từng người một, không làm phiền nhiều đến đám đông như hơi cay hoặc không đến nỗi nguy hiểm cho tính mạng của người xung quanh như súng đạn thật.

Biểu tình bạo động xem ra là một trò chơi rất hào hứng, rất hợp với tuổi hiếu động của thanh niên.

Tin về giải Nobel Y-học năm 1971

Năm nay giải Nobel Y học của Hàn-lâm-Viên Thụy-diên được trao tặng cho một nhà khảo cứu Hoa-kỳ, bác sĩ Earl .W. Sutherland. Trong hơn 10 năm nay, ông là người đầu tiên đã lãnh giải Nobel Y học một mình : trong những năm trước giải thưởng này luôn luôn dành cho công trình của một nhóm, một tập đoàn nghiên cứu nào đó, hoặc san sẻ cho nhiều nhà bác học thuộc nhiều quốc gia khác nhau trên thế-giới.

Bác-sĩ Sutherland năm nay 55 tuổi và là nhà bác học Hoa kỳ thứ 40 được trao tặng giải Nobel về Y học. Ông là một nhà sinh-lý học và công trình của ông là tìm ra được những cơ chế căn bản của sự tác dụng của những kích-thích-tổ trên cơ thể con người. Cho mãi tới năm 1956, các nhà sinh lý học còn cho rằng kích thích tổ đã tác dụng trực tiếp vào tế bào các cơ quan để thay đổi sự hoạt động của cơ quan này. Thí dụ *glucagon*, một kích thích-tổ của phần nội-tiết tuyến lá nứa (*pancréas*). làm cho đường ở gan bị thải ra và do đó tăng lượng đường trong máu. Nhưng cũng vào năm đó, Sutherland tìm thấy một hóa chất trung gian giữa kích-thích-tổ và tế - bào các cơ quan chịu tác dụng. Theo lý-thuyết của ông

thì chính hóa chất này tác dụng vào tế-bào các cơ quan — còn phần nó, nó chịu sự chi phối của kích-thích-tổ. Như thế đây là một cơ cấu tác dụng gián tiếp thay vì cơ-cấu tác dụng trực tiếp như quan niệm sinh lý cổ điển. Ông đặt tên chất đó là AMP (*Cyclic adenosine 3', 5' monophosphate*).

AMP không những chịu sự tác dụng của các kích thích tổ, mà ngược lại nó còn tác dụng vào sự tiết kích thích tổ của các tuyến nội tiết. Khi cơ thể bị kích thích chấn hạn, tuyến thượng thận tiết ra Adrenalin, Adrenalin làm tăng lượng AMP trong tế bào cơ tim và do đó tim đập nhanh hơn. Bình thường AMP lại kích thích sự tiết ra các kích thích tổ như loại Steroid ở tuyến thượng thận, insulin ở tuyến lá-mía giúp cơ chế chống lại các khó khăn đến từ bên ngoài và điều hòa mức đường trong máu. Các cuộc thí-nghiệm mới hơn đang nỗ lực áp dụng AMP vào phương pháp trị liệu bệnh đái đường và một vài bệnh tâm lý. Một vài nơi còn nhận thấy AMP có khả năng biến các tế bào ung thư thành các tế bào bình thường, đưa đến triển vọng một phương thuốc trị bệnh ung thư bằng phân tử AMP.

Giải Nobel năm nay không gây ngạc nhiên cho mọi người. Người ta đã nghĩ đến Sutherland từ nhiều năm trước đây rồi.

TỪ DIỆP

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Tường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Aragon và Cholokhov

Văn hào Pháp Aragon, vừa cho xuất bản cuốn *Henri Matisse, roman*, hai tập, dày 700 trang.

Nhân dịp này, Aragon trả lời một cuộc phỏng vấn. Ông là một đảng viên cộng sản, một đảng viên gốc, 44 tuổi đảng, có chân trong Ban Chấp hành Trung ương Cộng đảng Pháp. Vì thế, cuộc phỏng vấn không thể không đề cập đến chuyện văn chương bên Nga.

Aragon cho biết có người bảo sở dĩ ông gia nhập Cộng đảng là vì mê văn học xô-viết, ông bảo sự thực thì giá hồi đó mà ông đọc cuốn *Le ciment* của Gladkov của Nga sô thì ông đã hết muốn vô đảng !

Nói về sự xung đột giữa Cholokov và Soljenitsyne ông bảo : Có một nhà văn thật vĩ đại tên là Soljenitsyne, một con người can đảm, sống trong một hoàn cảnh điều đứng, và mặt khác có một nhân vật, tức ông Cholokov mà thiên hạ vẫn kháo nhau là chống độc tài Staline, nhưng thực ra thì hồi khai mạc con kinh Staline ông ta đã đọc một bài diễn văn tâng bốc bắn lên hết cỡ. Một nhân vật kỳ cục.

Nhân vật kỳ cục ấy, tài năng ra sao ? Aragon bảo Cholokhov không phải là thi sĩ như có người lầm tưởng, ông ta chỉ là một văn sĩ tồi. Tồi ngay trong cuốn tiểu thuyết đầu tay là *Terres défrichées*.

Nhưng văn sĩ tồi ấy lại được giải Nobel về văn chương, Aragon nghĩ

sao ? — Aragon bảo rằng câu chuyện Cholokhov trúng giải có những cái bí ẩn mà ông không muốn tiết lộ. Chỉ cần nhắc lại cái cảnh tượng công khai, lúc Cholokhov qua Thụy-điền nhận giải thưởng, đọc diễn văn, được sinh viên hâm mộ hỏi ý kiến về mấy vấn đề văn nghệ. Và trong dịp này, Cholokhov đã có những câu trả lời tẻ đến nỗi làm họ thất vọng, tức điên lên.

Tiểu thuyết và bánh mì

Aragon mới rồi có viết rằng tiểu thuyết cũng cần thiết cho người đời như bánh mì.

Được hỏi về câu ấy, ông xác nhận : Trong tình trạng hiểu biết của nhân loại hiện nay, chỉ tiểu thuyết là có thể giúp ta khám phá ra cái phức tạp của con người. Khoa học thì không được : về phương diện này, khoa học chỉ đang ở giai đoạn bập bẹ.

Cái thứ tiểu thuyết mà Aragon nói đó có phải là tiểu thuyết «hiện thực xã hội chủ-nghĩa» chăng ?

— Không ạ. Aragon chưa bao giờ rời bỏ hẳn dứt khoát trường phái siêu-thực của ông. Bảo rằng ông chủ trương «siêu thực xã-hội chủ-nghĩa» thì quá đáng ; nhưng ít ra Aragon đã khiến siêu-thực với xã hội chủ-nghĩa có thể sống chung hòa bình với nhau.

Ta có cảm tưởng một đảng viên Cộng sản như Aragon chỉ có thể sống trong một nước dân chủ tư sản, để

tiếp tục tin tưởng...cộng sản và làm cộng sản. Đưa ông ta qua Nga, ông ta sẽ còn khốn đốn hơn Soljenit siyne

Ảnh hiện-thực.

Nói về hiện thực, hẳn nhiếp ảnh có nhiều khả năng hiện thực hơn tiểu thuyết

Và tạp chí *Pravda* vừa rồi đã nêu một gương mẫu về đường lối nhiếp ảnh hiện thực xã hội chủ nghĩa. Hãng *Tass* cho phổ biến một bức hình chụp Leonide Brejnev và Willy Brandt trong cuộc gặp gỡ ở Crimée (trong ảnh có một người thứ ba nữa là Egon Bahr.)

Tạp chí *Pravda* chê ngay bức ảnh, đem nó ra sửa sai cần thận, và cho in bức ảnh mới, đúng lập trường.

Lập trường biểu hiện qua năm điểm sửa sai như sau: bao nhiêu chai rượu và ly rượu trên bàn được xóa tắt, nụ cười của Brejnev tươi hơn, tay áo sơ-mi tươi tắt hơn, điều thuốc kẹp trong tay Brejnev biến mất, mấy cái bóng người in trên vách cũng mất.

Lập trường hiện thực được báo

Pravda giải thích: Có thể mới biểu lộ sự tôn kính đối với lãnh tụ.

Lượng và phẩm

Ngót mười năm trước, Truman Capote tung ra một cuốn sách dày cộm gây rất nhiều tiếng tăm ồn ào, đem lại cho ông rất nhiều tiền bạc. Đó là một cuốn sách khá xoàng, cuốn *De sang froid*.

Vừa rồi, Truman Capote khe khẽ cho ra một tác phẩm mới, một cuốn truyện, tí hon, chừng 60 trang, tức cuốn *L'invité d'un jour*. Có lẽ là một chút tự truyện, về một việc xảy ra trong thời thơ ấu của tác giả.

Giới phê bình có kẻ cho là tuyệt phẩm của Truman Capote.

Xuất bản

Trong năm 1970, Pháp xuất bản và tái bản tất cả 63 triệu năm trăm nghìn cuốn sách giáo khoa. Tức 16,25% tổng số sách xuất bản mọi thứ của Pháp.

Một vài con số đề thỉnh thoảng đối chiếu qua loa với hoạt động xuất bản của ta vốn đang trải qua một giai đoạn đầy lo ngại.

CHÚC MỪNG

Cô giáo:

NGUYỄN THỊ BÔNG

cùng Thầy giáo:

TRẦN VINH-BẢO

Chung - hưởng khối - tình miên-viễn.

BÙI QUANG — NGÔ SANH

Giải Nobel

Giải Nobel về văn chương năm 1971 đã được công bố : người được chọn là Pablo Neruda, thi sĩ Chí-lợi, hiện làm đại sứ tại Ba-lê.

(Còn nhớ năm nay ở Sài-gòn từng có dư luận bàn tán về sự chọn lựa và đề cử một văn sĩ Việt-nam cho Hàn-lâm-viện Thụy-điền. Vây văn-sĩ Việt-nam còn phải chịu khó chờ thêm năm nữa)

Pablo Neruda là người Chí-lợi thứ hai được giải Nobel. Kế thứ nhất là một nữ sĩ : Gabrielle Mistral, đoạt giải năm 1945.

Pablo Neruda là đảng viên Cộng-sản, nhưng là thứ Cộng-sản chống cuộc xâm lăng Hung và Tiệp, tức là chống chính sách «hữu nghị» của Nga. Đại khái cũng như thi hào đảng viên Aragon.

TRANG THIÊN
10-1971

Tượng Y-Uyên

Một số thân-hữu của nhà văn Y-Uyên đã có sáng-kiến nhờ điêu-khắc-gia Đỗ-Toàn đúc một bức tượng đồng bán thân cho tác-giả «Tượng đá sừng non». Bức tượng — làm mô hình ngày 15-6-71, đúc đồng ngày 25-7-71 hoàn-tất ngày 30-8-71 — được hình thành nhờ sự đóng góp của quý bạn trên đây, đa-số ở Phú-Yên, gồm 35 người. Tượng cân nặng 80 kg, cao 4 tấc 50 lớn bằng người thật.



Tượng Y-Uyên

Sách in ronéo

Trong khi chờ đợi tình hình kinh tế sáng sủa hơn thì những loại sách biên-khảo khá dày, mặc dầu có giá trị, vẫn chỉ có thể in bằng ronéo đề... tặng bè bạn hoặc bán với giá rất cao. Đó là trường hợp cuốn «Cao Nguyên Miền Thượng» cuốn Việt-nam chỉ lược của 2 tác giả : Toan Ánh và Cửu Long Giang (Trung tướng Nguyễn Bảo Trị). Trong những năm qua hai tác giả trên đây đã cho xuất bản các cuốn : *Người Việt, Đất Việt, Miền Bắc khai nguyên* in typo rất đẹp, khổ lớn mỗi cuốn đều dày trên dưới 500 trang, sưu khảo công phu. Hai ông định cho ra tiếp 3 cuốn nữa về Cao nguyên, về Miền Trung và Miền Nam là trọn bộ Việt-nam chỉ lược. Nhưng tới cuốn «Miền Thượng Cao nguyên» thì đành phải cho in bằng ronéo vậy. Theo ông Toan Ánh thì muốn in typo cuốn này phải tốn phí về ăn loát chừng 1 triệu 2 và riêng in ronéo cũng phải mất tới 400.000đ, (bản quyền tác giả coi như

không có) Sở dĩ tồn như vậy là vì cuốn sách có rất nhiều hình ảnh về phong cảnh, phong tục, và nhân vật Miền Thượng của các nhiếp-ảnh-gia : Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Đức Thịnh Trần văn Châu, Jean Lhuissier, in thật đẹp. Ngoài ra còn 2 bản đồ 4 màu khổ 30×50 về địa lý Cao nguyên và các nhóm ngữ-tộc tại Miền nam Việt nam.

Cũng vẫn theo lời tác giả « Nếp cũ » thì đây là cuốn sách bằng tiếng Việt biên khảo về Miền Cao Nguyên, về lược sử, nếp sống và các sắc dân Thượng đầy đủ nhất hiện nay. Chờ để in ra đẹp để như các cuốn trước thì không biết bao giờ sách mới ra được đành là in bằng ronéo để còn lưu lại được một số bản đó, đợi đến thời kỳ sáng sủa hơn của ngành xuất bản sẽ có sẵn bản cái mà in lại.

Sách kêu gọi Mạnh Thường Quân

Để tránh phải in ra bằng ronéo như trường hợp trên đây, nhà xuất bản Sáng Tạo, do nhà văn Doãn quốc Sĩ chủ trương, vừa cho đăng lên báo một lá thư ngỏ đại ý như sau :

Sáng Tạo định xuất bản cuốn « Khoa cử Việt Nam » của 2 tác giả : Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề, những cây bút biên khảo khá quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa và cũng là soạn giả các tác phẩm « Việt-nam ca trù biên khảo » (1962) và « Những Đại lễ và

Vũ khúc của vua chúa V.N. » (1968).

Đề biên soạn cuốn « Khoa cử Việt-Nam », hai tác giả đã phải tham khảo 40 tác phẩm chữ Hán, 42 tác phẩm quốc ngữ và 6 tác phẩm Pháp ngữ.

Cuốn sách trên gồm 3 phần chính : Tổ chức khoa cử (Lược sử về khoa cử từ Trung-hoa đến Việt-nam... Những đề thi Hương thi Hội cùng một số bài làm mẫu vv...) Giai thoại về thi cử (nghĩa thầy trò duyên gặp gỡ, nhân tài, báo ân báo oán vv...), Liệt truyện danh nhân trong khoa cử (47 liệt truyện danh nhân,...). Tác phẩm in ra sẽ dày khoảng 1500 trang, khổ 16 × 24, tốn phí khoảng 3.000.000đ (5000 cuốn) và phải bán mỗi cuốn 2000đ.

Nhà văn Doãn Quốc Sĩ kêu gọi các vị Mạnh thường quân đặt mua trước hộ mỗi vị tối thiểu 5 cuốn 10.000đ và nếu số tiền đặt mua trước đạt tới 1.500.000đ thì nhà xuất bản mới dám cho sắp chữ.

Người ta mong là các cơ quan và tổ chức văn-hóa, giáo-dục công và tư sẽ là những nhà Mạnh thường quân đầu tiên đặt tiền mua sách cho nhà xuất bản. (Địa-chỉ liên lạc : Doãn-Quốc-Sĩ, 338/60B Thành Thái Saigon 5).

Đây cũng là một dịp thử thách mà giới xuất bản và người mua sách đều trông ngóng và mong rằng nhà Sáng-Tạo sẽ thu được kết quả tốt đẹp.

THU THỦY

Phân ưu

Được tin :

Cụ PHAN KHOANG

Giảng viên tại các trường Đại học Văn - khoa, Vạn Hạnh, Đà Lạt, Cần-thơ, đã mệnh chung ngày 22 / 10 / 71 tại Saigon, hưởng thọ 66 tuổi.

Xin thành kính phân ưu cùng nhà văn Phan Du và tang quyến và cầu chúc anh hồn Cụ sớm tiêu điều miền Cực lạc.

VÕ PHIẾN, LÊ NGÔ CHÂU và Ban Biên tập BÁCH KHOA

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Chàng tuổi trẻ gan dạ trên chiếc đu bay**, nguyên-tác « *The daring young man on the flying trapeze* » của William Saroyan, bản dịch của Huy-Tường, do Kinh-Thị xuất bản và gửi tặng. Sách dày 430 trang, tranh bìa của Hồ Thành Đức, trình bày trang nhã, Giá 430đ.

— **Lịch - sử văn - minh Ấn - độ**, nguyên tác của Will Durant, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 550 trang, gồm 9 chương, có phần giới thiệu tác giả và bộ « *Lịch sử Văn minh* » mà « *Lịch sử văn minh Ấn-độ* » chỉ là một phần của bộ này: Phần cuối có thêm « *Danh từ Ấn, Hồi và bản đồ Ấn-độ* ». Ấn loát rất đẹp. Bản đặc biệt.

— **Chấp nhận cuộc đời**, nguyên tác bằng Đức ngữ của Ba Luise Rinser, Nguyễn Hiến Lê lược dịch theo bản Pháp ngữ « *Dire oui à la vie* », Thanh Tân xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 225 trang gồm những suy tư về ngút 4 chục vấn đề của cuộc sống trong xã hội nêu lên một nhân sinh quan không bi, không lạc « *nhưng can đảm nhân từ và thông minh* ». Bản đặc biệt. Giá 250đ.

— **Cô Mai** truyện dài của Nguyễn thi Vinh, do Anh Em xuất bản và tác giả gửi tặng, tác phẩm thứ 5 được xuất bản mà cũng là tác phẩm đầu tiên của tác giả « *Thương yêu* » sau 10 năm gác bút, dày 186 trang, bìa và tranh của Nguyễn

Hữn Nhật và Jacques Barret. Bản đặc biệt. Giá 260đ.

— **Chung cư** tập truyện của Trùng Dương do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 6 truyện đặc sắc của tác giả. Giá nhất định: 50đ

Cho cuộc đời tập thơ của Tạ Tỵ do Khai Phóng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm 17 bài thơ, Bạt của Du Tử Lê. Bản đặc biệt. Giá 200đ

Năm tháng mù sương tập thơ của Huy Lực, do Tao Đàn xuất bản và gửi tặng. Tập thơ thứ 3 được xuất bản của tác giả, dày 82 trang gồm 38 bài thơ in trên giấy croquis nền hoa bướm, trình bày trang nhã.

Dưới bóng ngậm ngùi tập thơ của Vũ Phan Long, do Cơ sở tạp-chí Tây-Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 2 của tác giả dày 100 trang gồm 50 bài thơ với phần ghi cảm tưởng của: Quách Tấn, Lam Giang, Thi Vũ.

Biên khảo về người tiền-sử thế-giới và Việt-nam, của Trần Kim Thạch và Trần Hải Vân do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 340 trang, gồm 4 phần (16 chương): Nguồn gốc loài người, sinh hoạt của người tiền sử, Các thời đại văn hóa nguyên thủy, Các trung tâm văn minh cuối thời nguyên thủy. Nhiều hình ảnh và một bảng đối chiếu danh từ Việt Pháp. Bản đặc biệt. Giá 460đ.

Tân hóa học lớp 12 B (244 trang giá 260đ) và **Hình học giải tích** lớp 12 B (400 trang, giá 380đ) của Lê Văn Tú, do An Định xuất bản. Trí dăng Tổng phát hành và gửi tặng. Sách soạn theo chương trình mới của Bộ Quốc gia Giáo-dục, mỗi bài học đều có các bài tập có lời giải và một số đề bài tập khác nữa.

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Đinh Man Kha (thơ), Văn Triều My (thơ), Lâm Hảo Dũng (thơ), Phạm Hữu Quang (thơ), Lê Duy Hưng (thơ), Yên Giang (thơ), Hạnh Vân (thơ), Đoàn Bằng Hữu (thơ), Khuê Việt Trường (thơ và truyện), Vũ Hữu Định (thơ), Trần Mộng Hoàng (thơ), Tô Hoàng Nha (giáo chức tư thực, nỗi khổ tâm), Hoàng Bảo Khanh (thơ), Nguyễn Thanh Long (Chiều bên đê), Phạm Đình Chương (thơ), Nguyễn Phước (thơ) Thuận Hiền (Đêm cuối), Vương Doãn Chi (Khởi sóng), Nguyễn Hà Lam (thơ), Hoàng hôn Huấn (thơ), Nguyễn công Minh (Hốc mắt thâm trong cơn mê), Yên Thức (thơ), Trần Quang Nghĩa (Tâm lý học về trí thông minh) Huy Chuân (thơ) Hà Vũ Giang Châu (thơ) Phạm Chu Sa (thơ) Nguyễn Phân (thơ), Trần Huệ Ân (Từ chiếc áo nhật nhòa hoa đỏ), Trần Chương (thơ), Cao ngọc Cường (thơ), Trần quang Thiếu (thơ), Trần Hưởng (Trông tối ngày mai), Hồ Tà Dôn (thơ), Đặng Đình Tông (Đêm mù), Lê văn Trung (thơ), Hồ Minh Dũng (Một nơi cao hơn nhìn xuống), Nguyễn Cát Khương (Chỉ còn đêm nay trong vườn), Lê Bá Lăng (Mù hạ, một ngày nào).

Những bài sẽ đăng chúng tôi sẽ liên lạc với quý bạn bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách Khoa tới đây.

Ô. Võ văn Lanh (An-Nhơn, Bình-Định). Chúng tôi không thể giải đáp điều ông muốn biết được vì tác giả không phải là thầy thuốc mà chỉ trình bày lại những điều đã sưu tầm được trên sách báo mà thôi,

Ô. Phạm văn Yên (Lê văn Duyệt. Sài-gòn). Xin ông gửi tiếp cho bài thứ 3 nữa, đề chúng tôi tiện hội ý với ông.

LỜI MINH-XÁC

Trước đây, do lời mời của Ông LÝ ĐẠI NGUYÊN, tôi có hứa Đại-Diện cho Nhật-Báo SÓNG-THẦN tại Phú-Yên.

Nhưng nay vì quá bận công-việc, tôi không thể đảm-nhận nhiệm-vụ này. Vậy xin minh-xác để tránh mọi sự hiểu lầm có thể xảy ra.

TRẦN HUIỀN ÂN

(Tuy-Hòa)

NHẮN TIN

— Lê-văn-Trung nhắn tin với bạn bè và thân hữu, Trung ra đảo từ mấy tháng nay, nhưng thư từ xin cứ gửi về hộp thư 79 Quảng Ngãi.

— Quý thân hữu và độc giả của 2 tạp chí KHAI PHÁ và SÓNG xin tiếp tục đóng góp bài vở về : Bán nguyệt san NGÔN NGỮ xuất bản ngày 10 và 25 mỗi tháng. Số ra mắt : 10-12-1971. Tòa soạn tạm thời : 21 Hưng Phú Saigon (8)

CÁO LỖI

— Vì lý do kỹ thuật, và cũng để cho báo ra sớm khỏi kẹt vào các ngày lễ, Tòa soạn Bách khoa đã phải gác lại các mục : Thơ và Thời sự Thế giới. Xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả và các bạn Tường Linh, Từ Trì v. v..

— Trong bài « Những điều kiện để phát huy văn hóa » của L. M. Trần Thái Đĩnh, trên số này, ở trang 24, cột 1, hàng 7 đã in lầm : « hạt điện âm (neutron) » xin sửa là : « hạt điện âm (négaton) ».